

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục – đào tạo đóng vai trò chủ yếu trong việc gìn giữ, phát triển và truyền bá nền văn minh nhân loại. Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày nay, tiềm năng trí tuệ trở thành động lực chính của sự tăng tốc phát triển và Giáo dục – Đào tạo được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trên trường quốc tế và sự thành đạt của mỗi người trong cuộc sống của mình. Chính vì vậy, các nước đều đánh giá cao vai trò của giáo dục.

Trong các xu thế hiện nay thì xu thế toàn cầu hóa là một xu thế không thể đảo ngược, đó là sự hợp tác trong cạnh tranh quyết liệt. Điều kiện cần để thành công trong cuộc đua tranh này là có một đội ngũ nhân lực đủ sức đương đầu với cạnh tranh và hợp tác. Nền Giáo dục nước ta có sứ mệnh đào tạo ra những người lao động có khả năng thích ứng với những thay đổi công nghệ, những biến động của việc làm, sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế, sự giao lưu văn hóa, sự chuyển đổi giá trị trong phạm vi khu vực và thế giới mà vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc. Chính vì thế Bộ Giáo dục và Đào tạo luôn chú trọng nhiệm vụ đào tạo ra những lao động có tay nghề giỏi, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Với kinh nghiệm giảng dạy, kiến thức tích lũy qua nhiều năm, nhóm giảng viên chúng tôi đã biên soạn giáo trình **MAY TRANG PHỤC 1**. Trong quyển giáo trình này nhóm giảng viên đã trình bày những kiến thức cơ bản nhất nhưng vẫn cập nhật được những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và thực tiễn sản xuất, nhằm giúp cho sinh viên học tốt hơn.

Nhóm giảng viên chúng tôi chân thành cảm ơn Ban giám hiệu nhà trường đã tạo điều kiện và giúp đỡ cho chúng tôi hoàn thành công tác biên soạn này.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Bài 1: PHƯƠNG PHÁP ĐO ÁO QUẦN NỮ	
1.1 Mục tiêu	09
1.2 Phương pháp đo	09
1.3 Ni mẫu	10
1.4 Phương pháp tính vải	10
Bài 2: THIẾT KẾ ÁO NỮ CĂN BẢN	
2.1 Mục tiêu	13
2.2 Đặc điểm hình dáng	13
2.3 Cách vẽ	13
2.4 Qui cách chừa đường may	16
Bài 3: THIẾT KẾ ÁO NỮ CÓ PINCE NGỰC	
3.1 Mục tiêu	19
3.2 Đặc điểm hình dáng	19
3.3 Cách vẽ	19
3.4 Qui cách chừa đường may	20
Bài 4: THIẾT KẾ CÁC DẠNG DECOUPE ÁO NỮ	
4.1 Mục tiêu	23
4.2 Đặc điểm hình dáng	23
4.3 Cách vẽ	25
4.3 Qui cách chừa đường may	25
Bài 5: THIẾT KẾ CÁC KIỂU CỔ ÁO KHÔNG BÂU VÀ ĐÔ ÁO	
5.1 Mục tiêu	27
5.2 Đặc điểm hình dáng	27
5.3 Cổ tròn – đô cong	28
5.4 Cổ chìa khóa	28
5.5 Cổ thuyền	29
5.6 Cổ tim – đô nhọn	29
5.7 Cổ vuông – đô chữ U	30
5.8 Cổ lục giác – đô chữ R	31
5.9 Qui cách chừa đường may	32
Bài 6: THIẾT KẾ CÁC KIỂU BÂU ÁO	
6.1 Mục tiêu	36
6.2 Đặc điểm hình dáng	36

6.3 Bâu lá sen	36
6.4 Bâu lính thủy	38
6.5 Bâu cà vạt	39
6.6 Bâu lọ	39
6.7 Bâu lãnh tụ	39
6.8 Bâu tenant	40
6.9 Bâu dalton	41
6.10 Bâu care	42
6.11 Bâu sam	43
6.12 Bâu nữ hoàng	43
6.13 Qui cách chừa đường may.....	44

Bài 7: THIẾT KẾ CÁC KIỂU TAY ÁO

7.1 Mục tiêu	49
7.2 Đặc điểm hình dáng	49
7.3 Tay phồng	50
7.4 Tay cánh hồng	51
7.5 Tay cánh tiên	52
7.6 Tay loa rũ dài.....	53
7.7 Tay lỡ	53
7.8 Qui cách chừa đường may.....	54

Bài 8: THIẾT KẾ ÁO BLOUSE

8.1 Mục tiêu	58
8.2 Đặc điểm hình dáng	58
8.3 Cách vẽ	58
8.4 Qui cách chừa đường may.....	61

Bài 9: BLOCK ÁO

9.1 Mục tiêu	64
9.2 Đặc điểm hình dáng	64
9.3 Block áo + váy căn bản	65
9.4 4 Các dạng đường nét trên thân áo nữ	65

Bài 10: THIẾT KẾ VÁY CĂN BẢN

10.1 Mục tiêu	74
10.2 Đặc điểm hình dáng	74
10.3 Cách vẽ	74
10.4 Qui cách chừa đường may.....	76

Bài 11: THIẾT KẾ CÁC DẠNG VÁY

11.1 Mục tiêu	78
11.2 Đặc điểm hình dáng	78
11.3 Váy chữ A	78
11.4 Váy túm	79
11.5 Váy tầng	80
11.6 Váy tám mảnh.....	80
11.7 Váy đuôi cá.....	81
11.8 Qui cách chữa đường may.....	81

Bài 12: THIẾT KẾ ÁO ĐÀM BÉ GÁI THÂN LIỀN – THÂN RỜI

12.1 Mục tiêu	85
12.2 Đặc điểm hình dáng	85
12.3 Áo đầm bé gái thân liền	86
12.4 Áo đầm bé gái thân rời.....	87
12.5 Qui cách chữa đường may.....	88

Bài 13: THIẾT KẾ ÁO ĐÀM CĂN BẢN

13.1 Mục tiêu	92
13.2 Đặc điểm hình dáng	92
13.3 Cách vẽ	93
13.4 Áo đầm có đường ráp chân ngực.....	95
13.5 Áo đầm có đường ráp ngang eo.....	95
13.6 Qui cách chữa đường may.....	96

Bài 14: THIẾT KẾ ÁO ĐÀM TÁM MẢNH

14.1 Mục tiêu	98
14.1 Đặc điểm hình dáng	98
14.2 Cách vẽ	99
14.3 Qui cách chữa đường may.....	100

Bài 15: THIẾT KẾ QUẦN ÂU NỮ CĂN BẢN

15.1 Mục tiêu	102
15.2 Đặc điểm hình dáng	102
15.3 Cách vẽ	103
15.4 Qui cách chữa đường may.....	105

Bài 16: THIẾT KẾ CÁC DẠNG TÚI QUẦN ÂU NỮ

16.1 Mục tiêu	108
16.2 Đặc điểm hình dáng	108
16.3 Túi thẳng.....	109

16.4 Túi xéo	110
16.5 Túi hàm ếch	110
16.6 Túi sau	111
16.7 Qui cách chữa đường may.....	112

Bài 17: THIẾT KẾ QUẦN JEAN NỮ

17.1 Mục tiêu	115
17.2 Đặc điểm hình dáng	115
17.3 Cách vẽ	116
17.4 Qui cách chữa đường may.....	117

Bài 18: THIẾT KẾ QUẦN ÂU NỮ XÉP PLIS

18.1 Mục tiêu	121
18.2 Đặc điểm hình dáng	121
18.3 Cách vẽ	122
18.4 Qui cách chữa đường may.....	124

HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP	126
--------------------------------------	------------

TÀI LIỆU THAM KHẢO	131
---------------------------------	------------

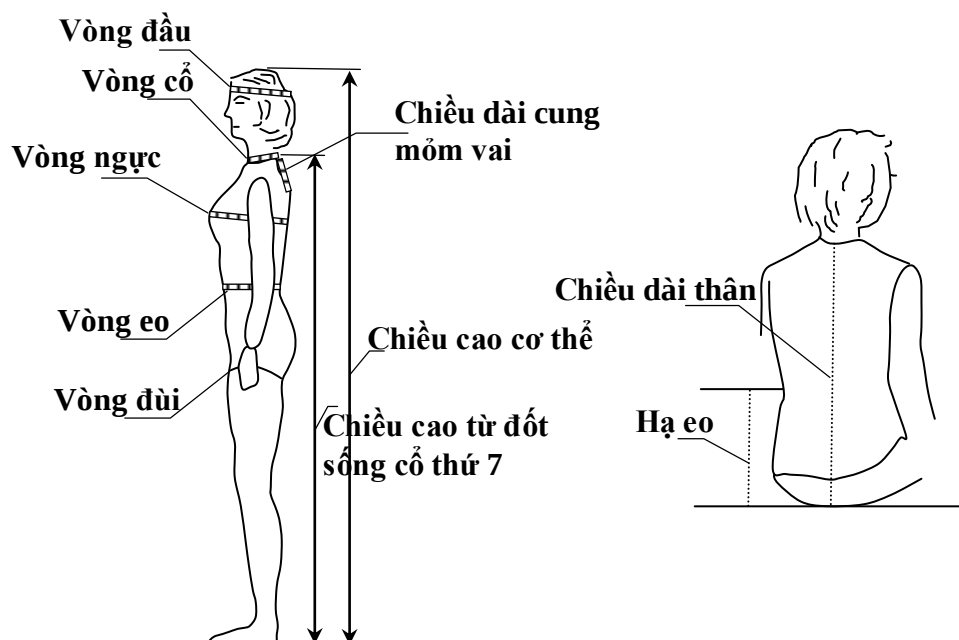
PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

THỨ TỰ	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
Bài 1	Phương pháp đo áo, quần nữ	01
Bài 2	Thiết kế áo nữ căn bản	03
Bài 3	Thiết kế áo nữ có pince ngực	01
Bài 4	Thiết kế các dạng decoupe áo nữ	01
Bài 5	Thiết kế các kiểu cổ áo không bâu và đô áo	02
Bài 6	Thiết kế các kiểu bâu áo	02
Bài 7	Thiết kế các kiểu tay áo	02
Bài 8	Thiết kế áo blouse	03
Bài 09	Thiết kế váy căn bản	02
Bài 10	Thiết kế các dạng váy	01
Bài 11	Thiết kế áo đầm bé gái thân liền – thân rời	02
Bài 12	Thiết kế áo đầm căn bản	02
Bài 13	Thiết kế áo đầm tám mảnh	01
Bài 14	Thiết kế quần tây nữ căn bản	03
Bài 15	Thiết kế các dạng túi quần tây	01
Bài 16	Thiết kế quần tây nữ xếp plis	01
KIỂM TRA		02
TỔNG		30

BẢNG KÝ HIỆU VÀ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHÚ GIẢI
1	1, 2, ...	Qui cách chừa đường may
2	x 2, x 1, ...	Qui định số lượng chi tiết cắt
3		Qui định hướng canh sợi của chi tiết
4		Đường vải xếp đôi
5	VNT	Vòng nách trước
6	VNS	Vòng nách sau

Bài 1: PHƯƠNG PHÁP ĐO ÁO QUẦN NỮ



Hình 1.1 Hình mẫu minh họa

Bài 1:

PHƯƠNG PHÁP ĐO ÁO QUẦN NỮ

1.1 MỤC TIÊU:

1.1.1 Về kiến thức:

Sinh viên trình bày được chính xác cách thức lấy số đo trên cơ thể người.

1.1.2 Về kỹ năng:

Sinh viên có khả năng tính toán được số mét vải cần may một sản phẩm.

Sinh viên có khả năng đo được các thông số theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

1.1.3 Về thái độ:

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

1.2 PHƯƠNG PHÁP ĐO:

1.2.1 PHƯƠNG PHÁP ĐO ÁO NGẮN:

- Vòng đầu: lấy thước dây đo vòng quanh đầu.
- Nây: nằm giữa eo và hông.
- Vòng cổ: đo vừa sát vòng xung quanh chân cổ.
- Vòng ngực: đo vòng xung quanh ngực nơi to nhất.
- Vòng eo: đo vòng xung quanh eo nơi nhỏ nhất.
- Vòng hông: đo vòng xung quanh hông nơi to nhất.
- Chéo ngực: đo từ lổm cổ đến đỉnh ngực.
- Dạng ngực: đo khoảng cách giữa hai đỉnh ngực.
- Hạ eo trước: đo từ chân cổ qua đỉnh ngực đến eo.
- Hạ eo sau: đo từ xương ót đến eo.
- Hạ hông: từ eo đo xuống đỉnh hông (18 cm).
- Dài áo: đo từ xương ót đến phủ hông hoặc tùy ý.
- Ngang vai: đo từ đầu xương vai trái sang đầu xương vai phải.
- Vòng nách: chống tay lên hông đo sát vòng nách.
- Dài tay: đo từ đầu vai đến giữa mu bàn tay (tay dài), (khi đo hơi cong tay).
đo từ đầu vai đến $\frac{3}{4}$ cách tay (tay lỡ).
đo từ đầu vai đến giữa bắp tay (tay ngắn), (vị trí giữa đầu vai và khuỷu tay).
- Bắp tay: đo vòng quanh bắp tay (tay ngắn).
- Nắm tay: đo vòng xung quanh nắm tay (tay dài).

1.2.2 PHƯƠNG PHÁP ĐO ÁO ĐẦM:

Phương pháp đo áo đầm giống với phương pháp đo áo ngắn, chỉ khác thông số chiều dài áo:

- Dài áo đầm: đo từ xương ót đến trên gối 5 cm hoặc chiều dài tùy ý.

1.2.3 PHƯƠNG PHÁP ĐO QUẦN:

- Vòng eo: đo xung quanh vòng eo nơi nhỏ nhất (trên rốn 2 cm).
- Vòng hông: đo vòng xung quanh hông nơi to nhất (cách eo từ 18 → 20 cm = hạ hông).
- Vòng đùi: đo sát xung quanh vòng đùi.
- Rộng ống: tùy ý.
- Dài quần: đo từ ngang eo đến phủ gót chân (tùy ý).
- Hạ gối: đo từ ngang eo đến gối – 3 cm.

1.3 NI MẪU:

1.3.1 ÁO NỮ:

- Vòng cổ: 32 cm.
- Vòng ngực: 80 cm.
- Vòng eo: 64 cm.
- Vòng hông: 88 cm.
- Chéo ngực: 18 cm.
- Dạng ngực: 16 cm.
- Hạ eo trước: 39 cm.
- Hạ eo sau: 36 cm.
- Hạ hông: từ eo đo xuống đỉnh hông (18 cm).
- Dài áo: 64 cm.
- Dài áo đầm: 90 cm.
- Ngang vai: 36 cm.
- Vòng nách: 34 cm.
- Dài tay: 52 (tay dài).
22 (tay ngắn).
- Bắt tay: 26 cm.
- Nắm tay: 22 cm.

1.3.2 ÁO ĐẦM BÉ GÁI:

- Vòng cổ: 24 cm.
- Vòng ngực: 54 cm.
- Vòng eo: 52 cm.
- Vòng hông: 56 cm.
- Hạ eo: 22 cm.
- Dài áo: 42 cm.
- Ngang vai: 24 cm.
- Vòng nách: 25 cm.
- Dài tay: 14 cm.
- Rộng tay: 20 cm.

1.3.3 QUẦN NỮ:

- Vòng eo: 64 cm.
- Vòng hông: 88 cm.
- Vòng đùi: 48 cm.
- Vòng gối: 40 cm.
- Ngang ống: 18 cm.
- Dài quần: 100 cm.
- Hạ gối: 48 cm.

1.4 PHƯƠNG PHÁP TÍNH VẢI:

1.4.1 ÁO NỮ:

- Khổ vải 0,9 m:
 - + Tay dài: $2 \text{ Dài áo} + 1 \text{ Dài tay} + 10 \text{ cm.}$
 - + Tay ngắn: $2 \text{ Dài áo} + 10 \text{ cm.}$
- Khổ vải 1,2 m: $1 \text{ Dài áo} + 1 \text{ Dài tay} + 10 \text{ cm.}$
- Khổ vải 1,6 m:
 - + Tay dài: $1 \text{ Dài áo} + 30 \text{ cm.}$
 - + Tay ngắn: $1 \text{ Dài áo} + 10 \text{ cm.}$

1.4.2 QUẦN NỮ:

- Khổ vải 0,9 m: $2 \text{ Dài quần} + 10 \text{ cm.}$
- Khổ vải 1,2 m: $1.5 \text{ Dài quần} + 20 \text{ cm}$
- Khổ vải 1,6 m: $1 \text{ Dài quần} + 10 \text{ cm.}$

Bài 2: THIẾT KẾ ÁO NỮ CĂN BẢN



Hình 2.1 Hình mẫu minh họa

Bài 2: THIẾT KẾ ÁO NỮ CĂN BẢN

2.1 MỤC TIÊU

2.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có kiến thức về kỹ thuật thiết kế áo nữ căn bản có pince.

2.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên có khả năng thiết kế áo nữ căn bản có pince đúng kỹ thuật.

2.1.3 Về thái độ

Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ thuật thiết kế áo nữ căn bản có pince và không pince nhằm phát huy khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

2.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 2.2 Hình dáng sản phẩm

2.3 CÁCH VẼ:

2.3.1 THÂN N TRƯỚC:

Xếp 2 biên vải trùng nhau, mặt úp mặt, biên vải quay về phía người cắt, từ biên đo vào 3cm làm nếp, 1.5 cm khuy nút, vẽ lai bên tay trái, vẽ cổ bên tay phải.

- | | | |
|---------------------------------|----------------|----------------------------------|
| – AB | : Dài áo | = Số đo - 2cm chồm vai. |
| – AC | : Ngang vai | = $\frac{1}{2}$ Vai – 0,5cm. |
| – CC ₁ | : Hạ vai | = 4 cm. |
| – C ₁ D ₁ | : Hạ nách | = $\frac{1}{2}$ Vòng nách – 2cm. |
| – AE | : Hạ eo trước | = sđ hạ eo sau – 2cm. |
| – EF | : Hạ hông | = sđ hạ hông (TB=18-20) |
| – BB ₁ | : Sa vạt | = 2cm. |
| – AA ₁ | : Vào cổ trước | = $\frac{1}{6}$ Cổ-0.5cm |

- AA₂ : Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ Cổ + 0.5cm.
- DD₂ : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 2cm.
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2cm (pince) + 2cm cử động.
- FF₁ : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Hông + 2cm.
- BM : Ngang lai = Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Hông + 2cm.
- MM₁ : Giảm sườn = 1cm

➤ **Vị trí pince:**

- + **DG** = $\frac{1}{2}$ Sđ dang ngực.
- + Từ **G** kẻ đường // nếp áo.
- + A₂G₁ = Sđ chéo ngực.
- + G₁G₂ = 3cm.

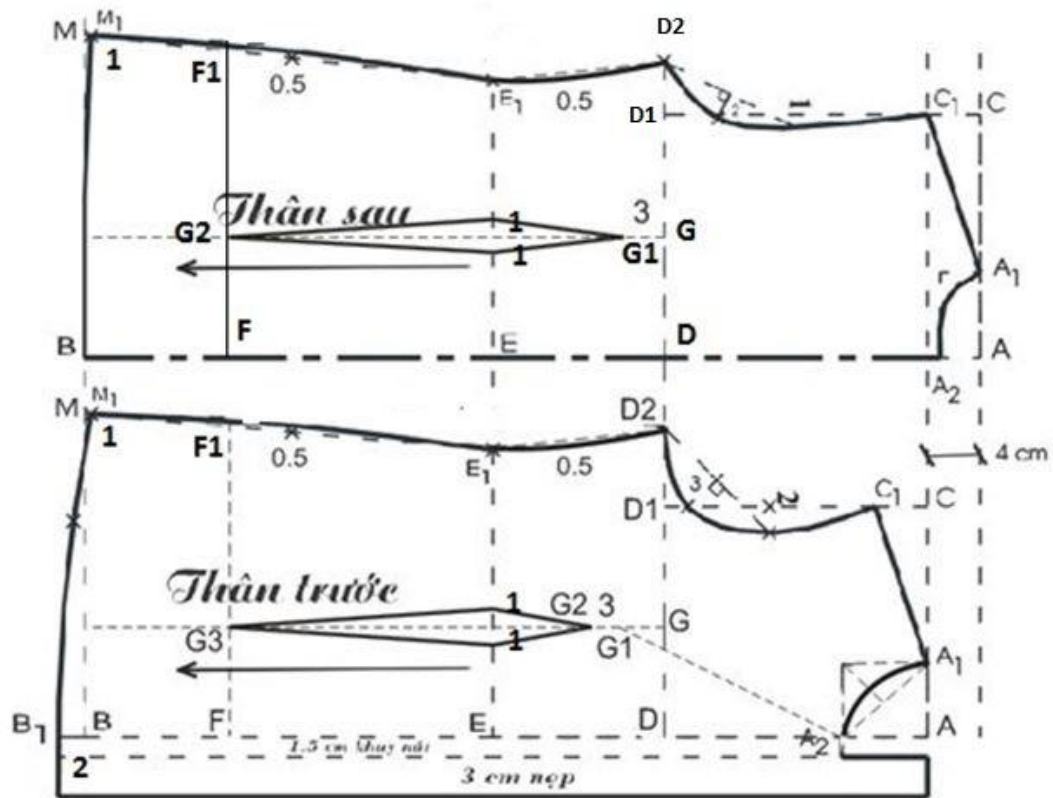
2.3.2 THÂN SAU:

Từ mép vải đo vào $\frac{1}{4}$ Hông + 1.5cm (chừa đường may) → xếp đôi vải, sóng vải quay về phía người cắt, cổ áo ở tay phải, lai ở tay trái.

- AB : Dài áo = Số đo + 2cm chồm vai.
- AA₁ : Vào cổ sau = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1cm.
- **AA₂** : Hạ cổ = Chồm vai + 1 cm (Chồm vai=2cm)
- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai + 0.5cm.
- CC₁ : Hạ vai = 4cm.
- C₁D₁ : Hạ nách = $\frac{1}{2}$ Vòng nách + 2cm.
- DD₂ : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực.
- AE : Hạ eo sau = Sđ hạ eo sau + 2cm.
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2cm (pince).
- **EF** : Hạ hông = TB(18 → 20cm.)
- FF₁ : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Hông.
- **MM₁** : Giảm sườn = 1cm.

➤ **Vị trí pince:**

- + **DG** = $\frac{1}{2}$ Sđ dang ngực.
- + Từ **G** kẻ đường // giữa sóng áo.
- + GG₁ = 3cm.

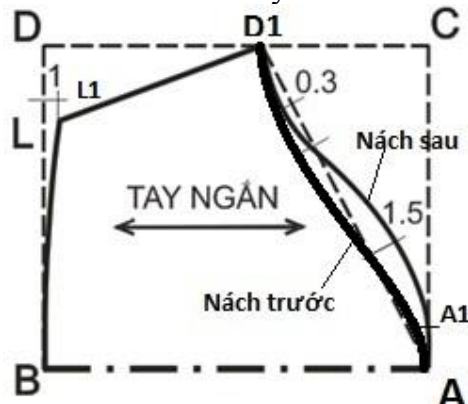


Hình 2.3 Thân trước, thân sau

2.3.3 TAY ÁO:

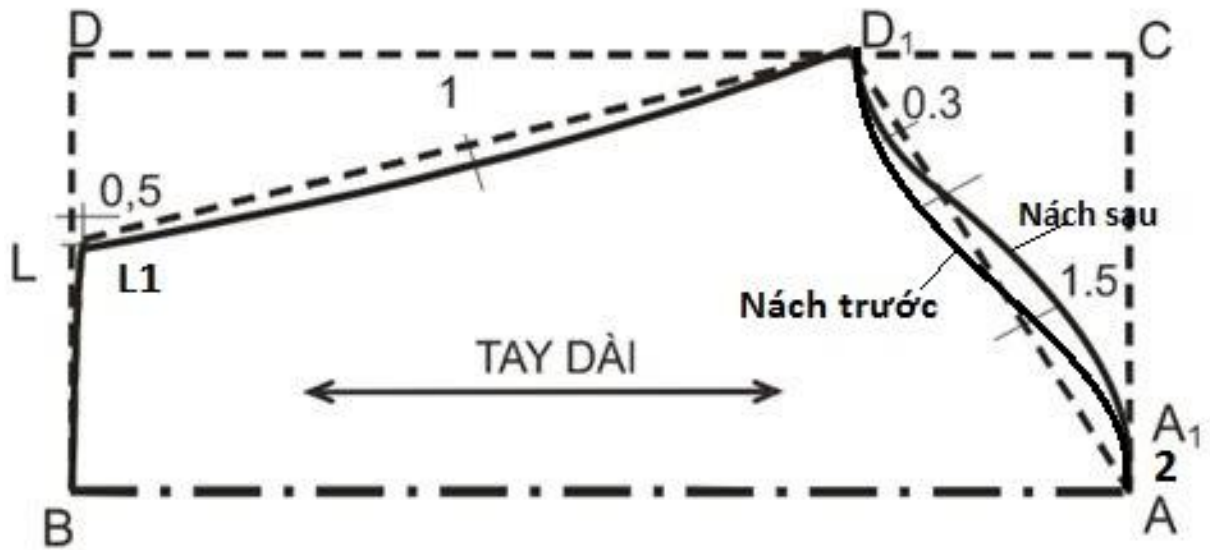
a) Tay ngắn:

- AB : Dài tay = Số dài tay
- AC : Ngang tay = $\frac{1}{2}$ Vòng nách.
- AA₁ = 2cm.
- AD₁ = AC + 3 cm → chia AD₁ thành 3 đoạn bằng nhau → Đoạn phía điểm D₁, đánh cong 0.3cm ; Đoạn phía điểm A, đánh cong 1.5cm.
- BL : Cửa tay = $\frac{1}{2}$ Bắp tay + 2cm.
- LL1 : Giảm sườn tay = 1cm.
- Vẽ cong lại tay (tay dài vẽ cong sườn tay ở giữa vào 1cm).
- Giảm nách tay trước sâu hơn nách tay sau 1cm.



b) Tay dài:

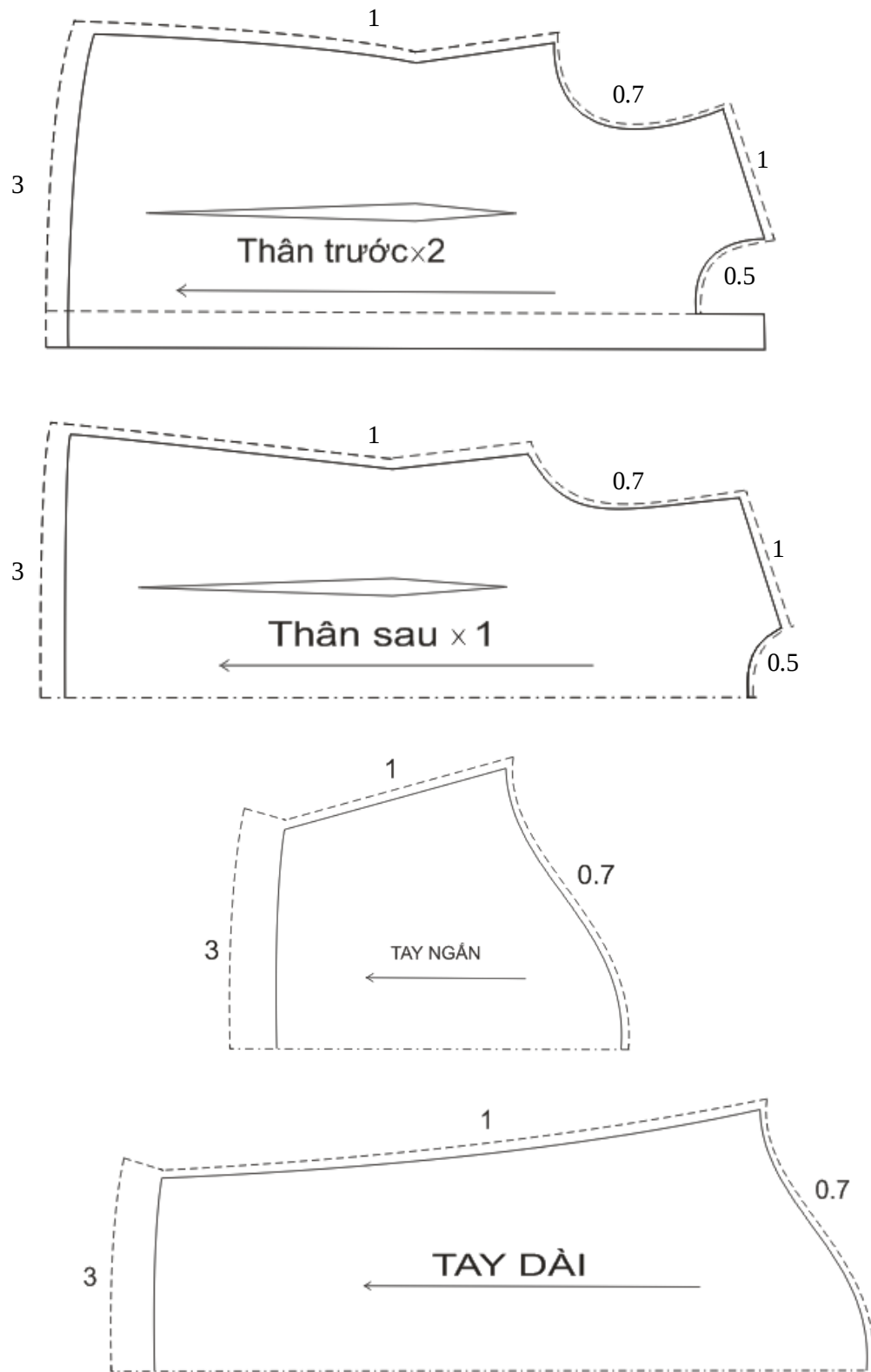
- AB : Dài tay = Sđ tay
- AC : Ngang tay = $\frac{1}{2}$ Vòng nách.
- AA₁ = 2cm.
- AD₁ = AC + 3 cm → chia AD₁ thành 3 đoạn bằng nhau → Đoạn phía điểm D₁, đánh cong 0.3cm ; Đoạn phía điểm A, đánh cong 1.5cm.
- BL : Cửa tay = $\frac{1}{2}$ nắm tay + 2cm.
- LL1: Giảm sườn tay = 0.5cm.
→ Vẽ cong lai tay (tay dài vẽ cong sườn tay ở giữa vào 1cm).
- Giảm nách tay trước sâu hơn nách tay sau 1cm.



Hình 2.5 Tay dài

2.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa đường may 0.5cm.
- Vai, sườn thân, sườn tay cắt chữa đường may 1cm.
- Vòng nách thân, nách tay cắt chữa đường may 0.7cm.
- Lai 3cm.



Hình 2.6 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince eo 3cm tỉ lệ 1:5 trên giấy A4 theo ni mẫu sau:

– Ngang vai	: 36 cm.	– Vòng cổ	: 36 cm.
– Dài áo	: 64 cm.	– Vòng nách	: 36 cm.
– Hạ eo	: 35 cm.	– Vòng ngực	: 84 cm.
– Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	– Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	– Vòng hông	: 90 cm.
– Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	– Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	– Dang ngực	: 17 cm.

2. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince eo 3cm tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng theo số đo của bản thân.

⇒ Chuẩn bị bài: tìm ra điểm khác nhau giữa thân trước của bài 1 so với thân trước bài 2 có gì khác nhau.

Bài 3:
THIẾT KẾ ÁO NỮ CÓ PINCE NGỰC



Hình 3.1 Hình mẫu minh họa

Bài 3:

THIẾT KẾ ÁO NỮ CÓ PINCE NGỰC

3.1 MỤC TIÊU

3.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm áo nữ có pince ngực.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm áo nữ có pince ngực.

3.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

3.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

3.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



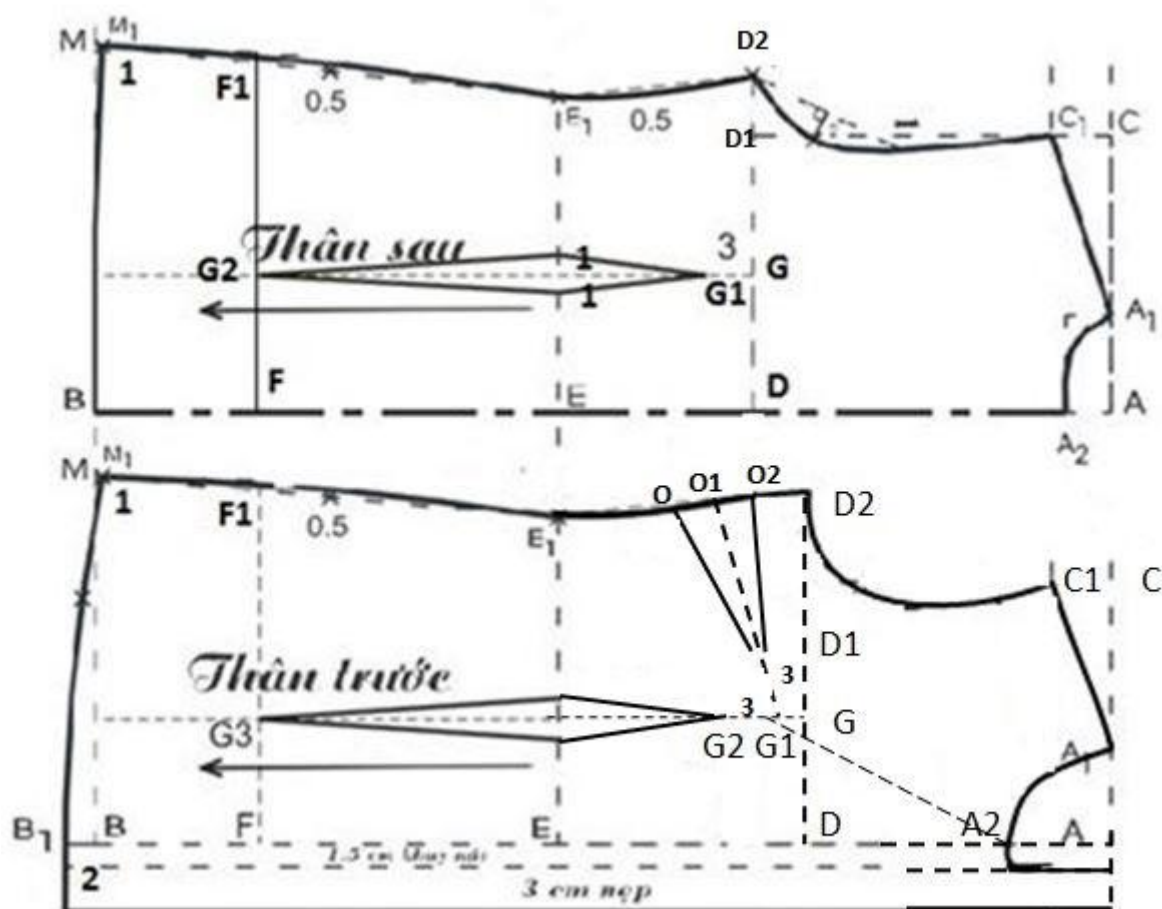
Hình 3.2 Hình dáng sản phẩm

3.3 CÁCH VẼ:

3.3.1 THÂN SAU: Thiết kế giống áo nữ căn bản.

3.3.2 THÂN TRƯỚC:

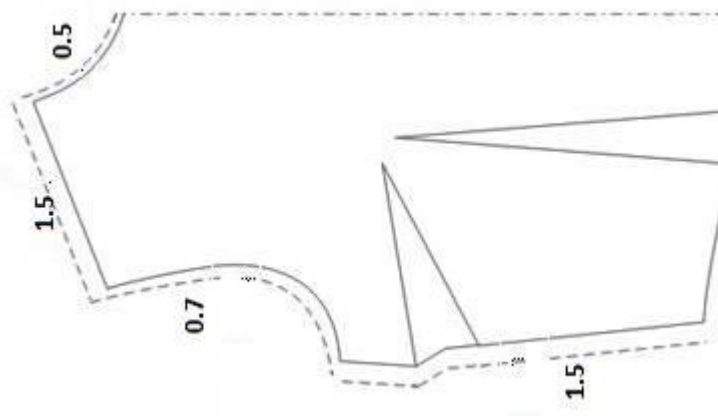
- Thiết kế gần giống áo nữ căn bản có pince eo.
- Có một số điểm cần lưu ý sau:
 - Hạ eo trước = số đo hạ eo trước – 2cm chồm vai.
 - Sau đó thiết kế thêm pince ngực 3cm như sau:
 - O trung điểm của đường sườn D2E1
 - Từ O lấy lên phía trên nách 3cm nhấn ngực (nhấn ngực = số hạ eo trước - số hạ eo sau)
 - OO1 = O1O2 = 1.5cm
 - Trên đường sườn D2E1 thân trước vẽ đường chéo của pince ngực O1G1



Hình 3.3 Thân trước áo có pince ngực

3.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa đường may 0.5cm.
- Vai, sườn thân, sườn tay cắt chữa đường may 1.5cm.
- Vòng nách thân, nách tay cắt chữa đường may 0.7cm.



Hình 3.4 Qui cách chữa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince ngực, pince eo 3cm tỉ lệ 1:5 trên giấy A4 với ni mẫu như sau:

- | | | | |
|-------------|-------------------|-------------|----------|
| – Ngang vai | : 36 cm. | – Vòng cổ | : 36 cm. |
| – Dài áo | : 64 cm. | – Vòng nách | : 36 cm. |
| – Hạ eo | : 35 cm. | – Vòng ngực | : 84 cm. |
| – Dài tay | : * Ngắn = 24 cm. | – Vòng eo | : 64 cm. |
| | * Dài = 48 cm. | – Vòng hông | : 90 cm. |
| – Cửa tay | : * Ngắn = 26 cm. | – Chéo ngực | : 17 cm. |
| | * Dài = 20 cm. | – Dạng ngực | : 17 cm. |

⇒ Chuẩn bị bài: Thiết kế thân trước (3 cái) áo nữ căn bản có pince ngực, pince eo 3cm tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng + chuẩn bị băng keo.

Bài 4:
THIẾT KẾ CÁC DẠNG DECOUPE ÁO NỮ



Hình 4.1 Hình mẫu minh họa

Bài 4:

THIẾT KẾ CÁC DẠNG DECOUPE ÁO NỮ

4.1 MỤC TIÊU:

4.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm các dạng decoupe áo nữ.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm các dạng decoupe áo nữ.

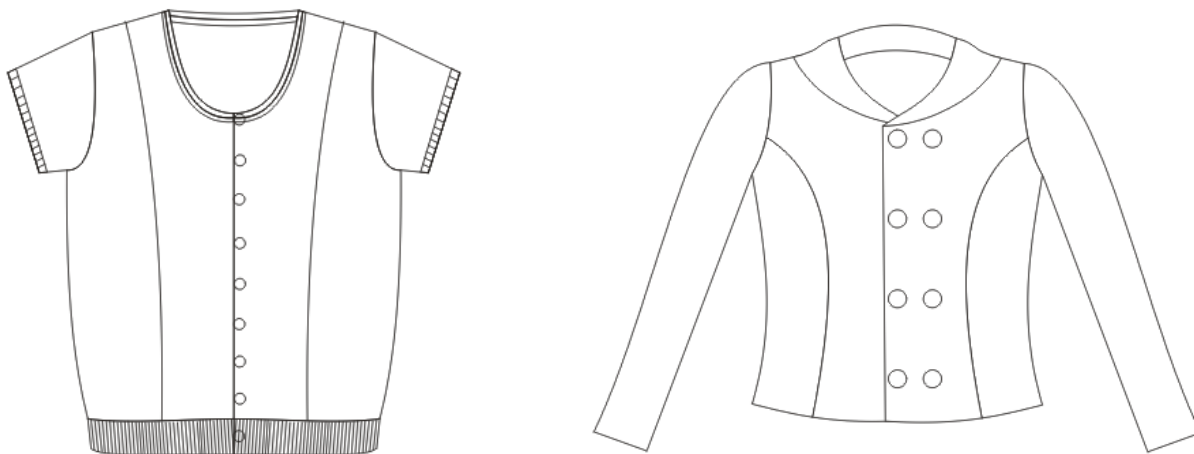
4.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

4.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

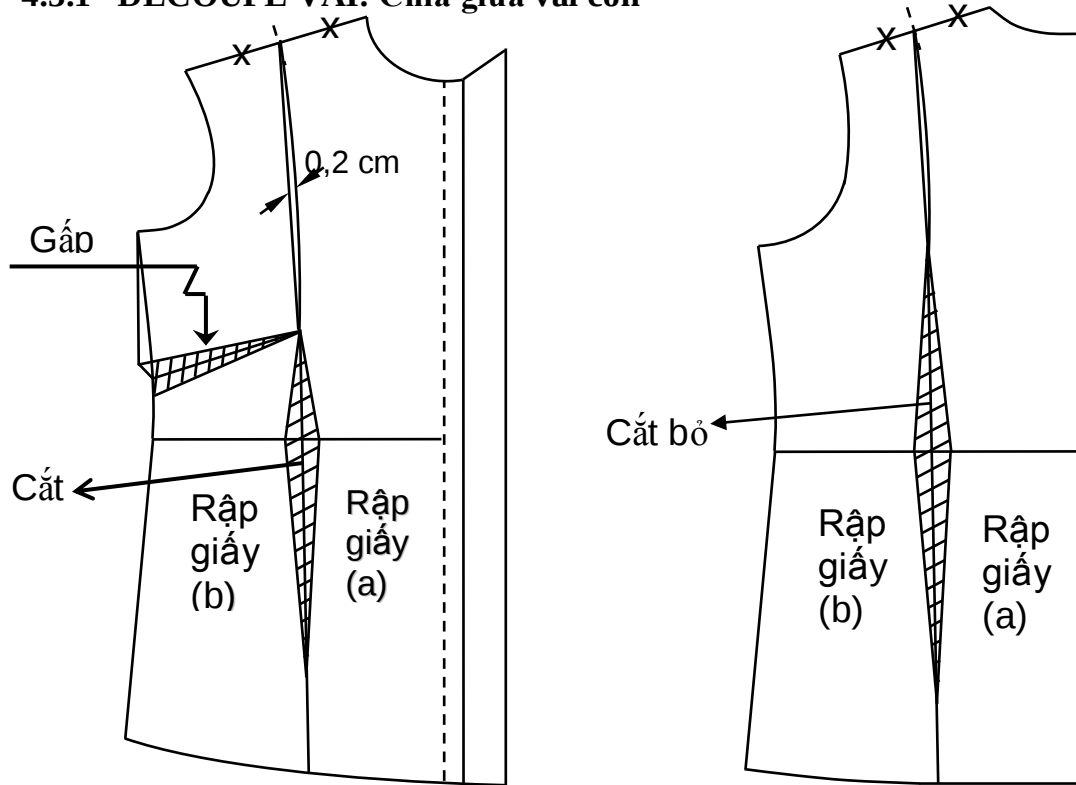
4.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 4.2 Hình dáng sản phẩm

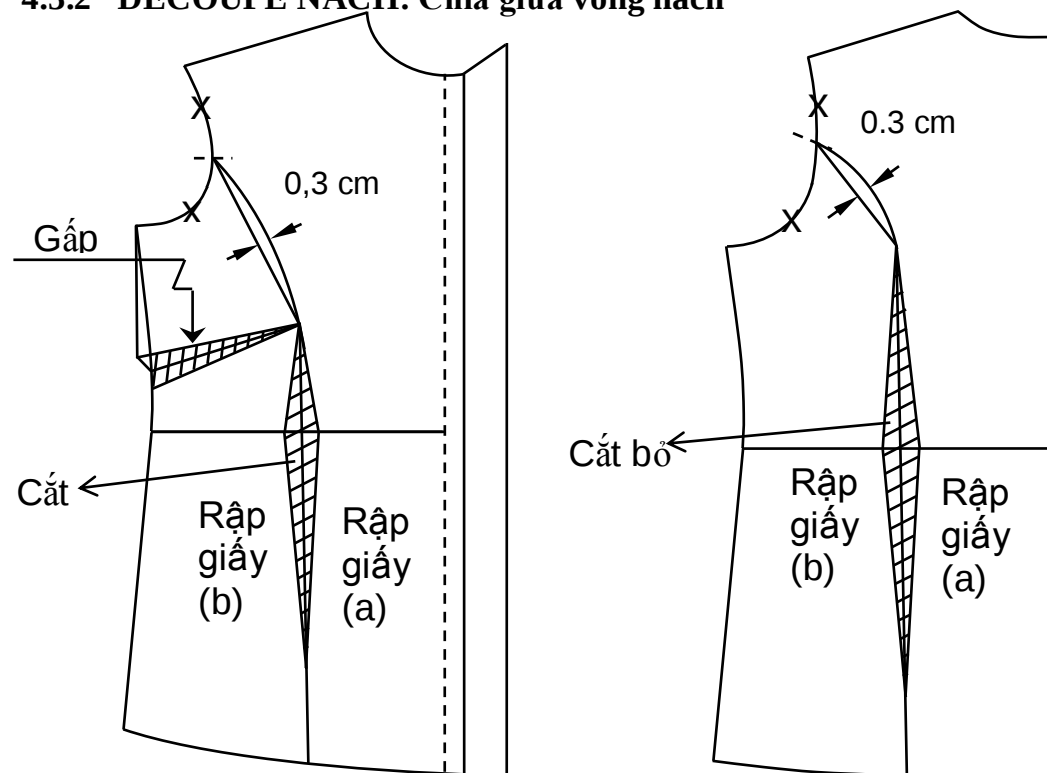
4.3 CÁCH VẼ:

4.3.1 DECOUPE VAI: Chia giữa vai con



Hình 4.3 Áo có decoupe vai

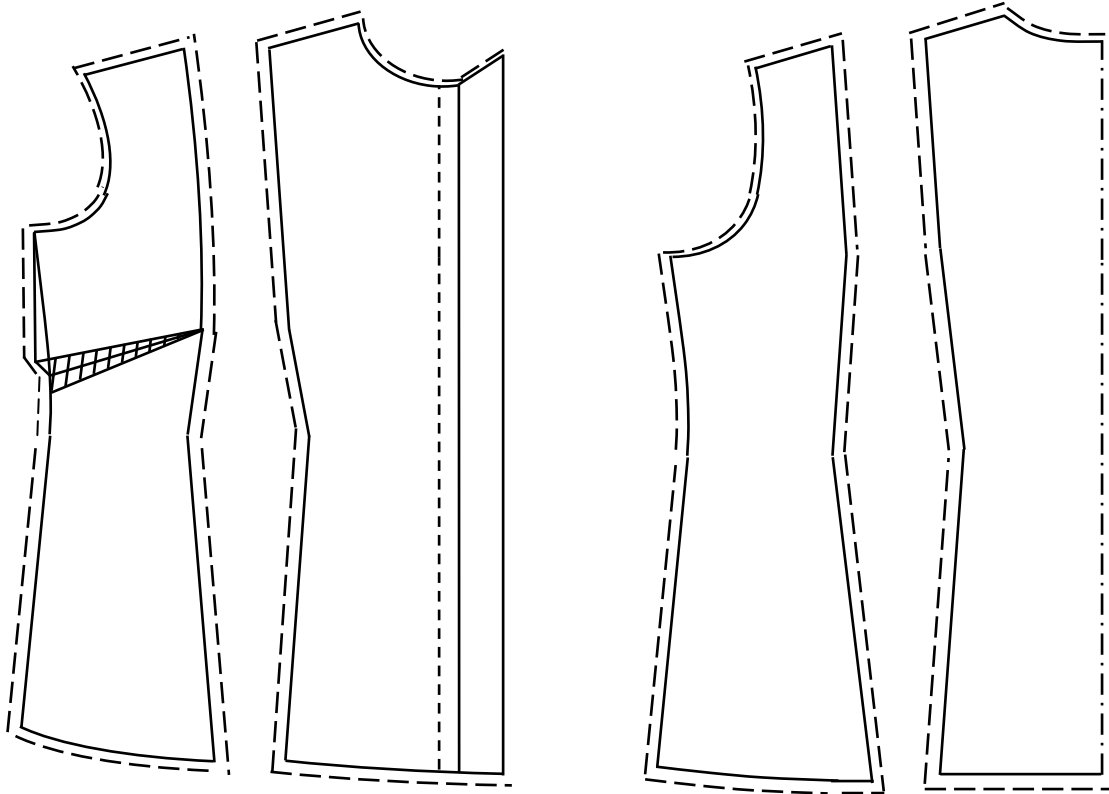
4.3.2 DECOUPE NÁCH: Chia giữa vòng nách



Hình 4.4 Áo có decoupe nách

4.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa đường may 0.5cm.
- Vai, sườn thân, sườn tay cắt chữa đường may 1.5cm.
- Vòng nách thân, nách tay cắt chữa đường may 0.7cm.
- Đường rã decoupe đường may 1cm.



Hình 4.5 Qui cách chữa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ có decoupe vai, decoupe nách thể hiện bằng giấy thủ công tỉ lệ 1:5 với ni mẫu như sau:

- | | | | |
|-------------|-------------------|-------------|----------|
| – Ngang vai | : 36 cm. | – Vòng cổ | : 36 cm. |
| – Dài áo | : 64 cm. | – Vòng nách | : 36 cm. |
| – Hạ eo | : 35 cm. | – Vòng ngực | : 84 cm. |
| – Dài tay | : * Ngắn = 24 cm. | – Vòng eo | : 64 cm. |
| | * Dài = 48 cm. | – Vòng hông | : 90 cm. |
| – Cửa tay | : * Ngắn = 26 cm. | – Chéo ngực | : 17 cm. |
| | * Dài = 20 cm. | – Dạng ngực | : 17 cm. |

⇒ Chuẩn bị bài: Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản với tỉ lệ 1:5 và tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Bài 5:
THIẾT KẾ CÁC KIỂU CỔ ÁO KHÔNG BÂU VÀ ĐỒ ÁO



Hình 5.1 Hình mẫu minh họa

Bài 5:

THIẾT KẾ CÁC KIỂU CỔ ÁO KHÔNG BÂU VÀ ĐỒ ÁO

5.1 MỤC TIÊU:

5.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

5.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

5.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

5.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:

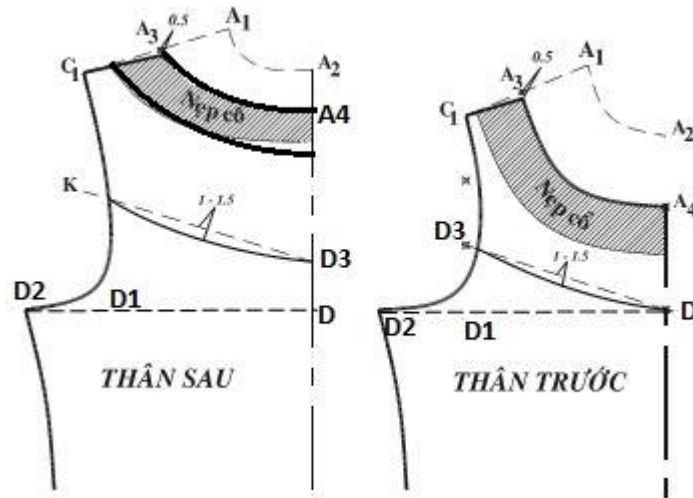


Hình 5.2 Hình dáng sản phẩm

5.3 CỔ TRÒN – ĐÔ CONG:

5.3.1 CỔ TRÒN:

- Từ cổ áo căn bản lấy theo đường xuôi vai:
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 3cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5 cm.
- Nẹp cổ = 3cm.
- Canh sợi nẹp cổ theo thân.



Hình 5.3 Cổ tròn – đô cong

5.3.2 ĐÔ CONG:

5.3.2.1 Đô trước:

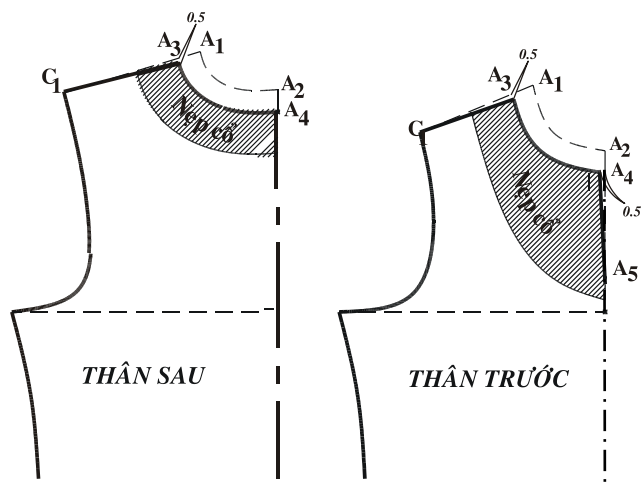
- $DD_3 = 1/3 C_1D_1$
- Nối $D_3D \rightarrow$ đánh cong 1.5 cm.

5.3.2.2 Đô sau:

- $D_1K = 1/2 C_1D$.
- $DD_3 = 4$ cm.
- Nối $KD_3 \rightarrow$ đánh cong 1.5 cm.

5.4 CỔ CHÌA KHÓA:

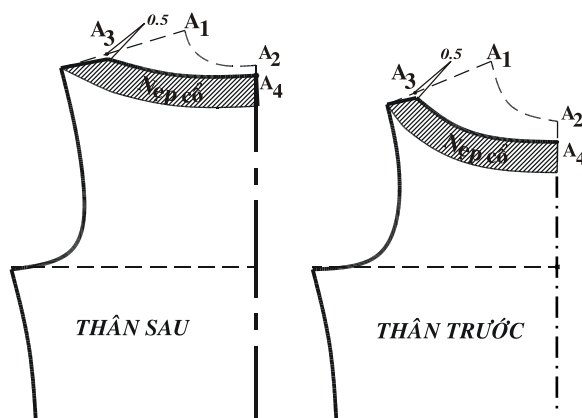
- Từ cổ áo căn bản vẽ theo đường xuôi vai
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau = 2cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = Hạ cổ sau = 2 cm.
- A_4A_5 = 9cm.
- A_4A_6 = 0.5 cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5 cm.
- Nẹp cổ = 3cm.
- Canh sợi nẹp cổ theo thân.



Hình 5.4 Cổ chìa khóa

5.5 CỔ THUYỀN:

- Từ cổ áo căn bản vẽ theo đường xuôi vai :
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau = 8cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 2cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 1cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5cm.
- Nẹp cổ = 3cm.
- Canh sợi nẹp cổ theo thân.



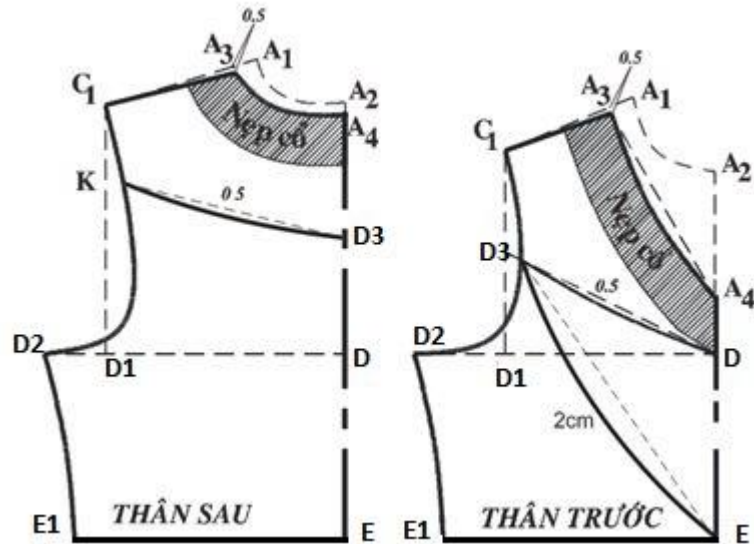
Hình 5.5 Cổ thuyền

5.6 CỔ TIM – ĐÔ NHỌN:

5.6.1 CỔ TIM:

- Từ cổ áo căn bản vẽ theo đường xuôi vai.
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau.
= 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 10cm.

- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 1cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5cm.
- Nẹp cổ = 3cm.
- Canh sợi nẹp cổ theo thân.



Hình 5.6 Cổ tim – đô nhọn

5.6.2 ĐÔ NHỌN:

5.3.2.1 Đô trước:

- $DD_3 = \frac{1}{2} C_1D_1$
- Nối $D_3E \rightarrow$ đánh cong 2cm.

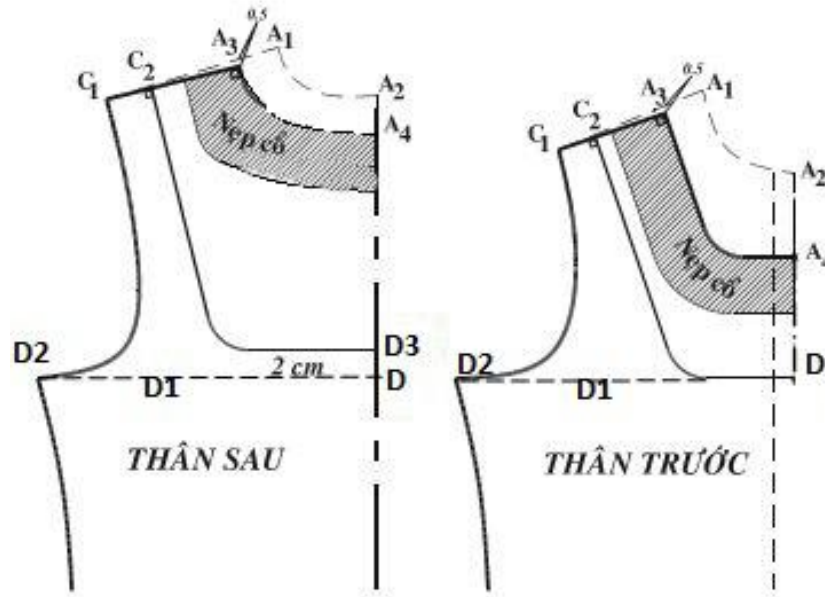
5.3.2.2 Đô sau:

- $C_1K = \frac{1}{3} C_1D_1$ cm.
- $DD_3 = \frac{1}{2} A_4D$
- Nối $KD_3 \rightarrow$ đánh cong 0.5 cm.

5.7 CỔ VUÔNG – ĐÔ CHỮ U:

5.7.1 CỔ VUÔNG:

- Từ cổ áo căn bản vẽ theo đường xuôi vai
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 3cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5cm.
 $\rightarrow$ có thể đánh cong tại góc thành cổ chữ U.
- Nẹp cổ = 3cm.
- Canh sợi nẹp cổ theo thân.



5.7.2 ĐÔ CHỮ U: Hình 5.7 Cổ vuông – đô chữ U

5.7.2.1 Đô trước:

- $C_1C_2 = 1/3 A_3C_1$.
- Từ C_2 kẻ đường vuông góc với xuôi vai, cắt tại đường ngang eo.

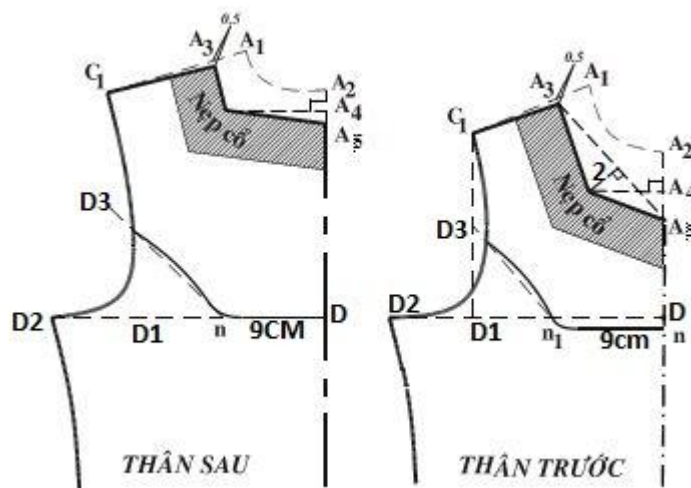
5.7.2.2 Đô sau:

- $C_1C_2 = 1/3 A_3C_1$.
- Từ C_2 kẻ đường vuông góc với xuôi vai.
- $DD_3 = 2\text{cm}$.

5.8 CỔ LỤC GIÁC – ĐÔ CHỮ R:

5.8.1 CỔ LỤC GIÁC:

- Từ cổ áo căn bản lấy theo đường xuôi vai :
- A_1A_3 : Vào cổ trước = Vào cổ sau = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = Hạ cổ sau = 4cm.
- A_4A_5 = 2cm.
- Giảm tại A_3 = 0.5cm.
- Nẹp cổ = 3 cm.



Hình 5.8 Cổ lục giác – đô chữ R

5.8.2 ĐÔ CHỮ R:

5.8.2.1 Đô trước:

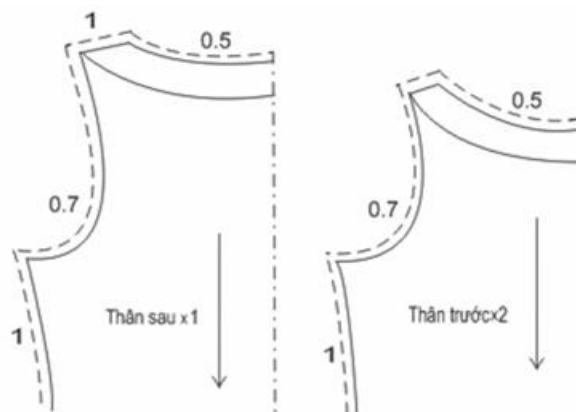
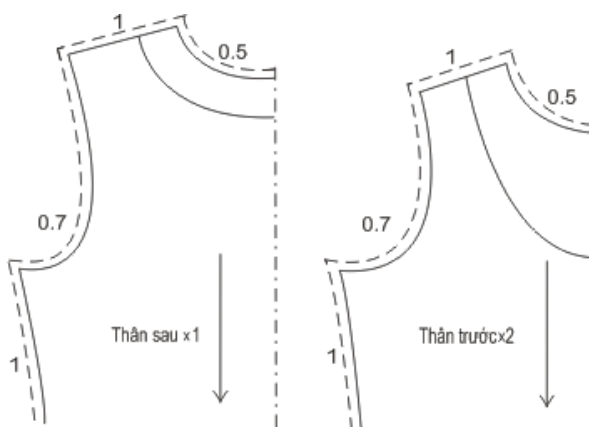
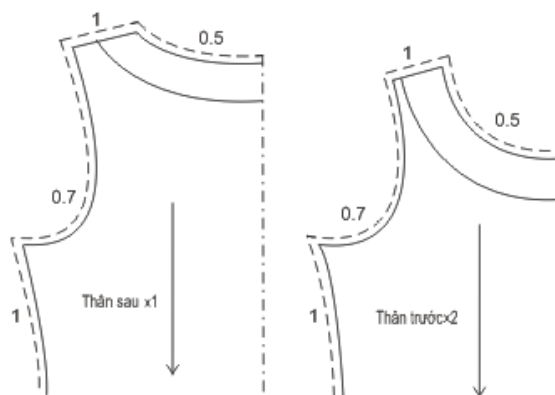
- $D_1D_3 = \frac{1}{2} C_1D_1$
- $Dn = 1\text{cm.}$
- $nn_1 = 9\text{cm.}$
- Nối $D_3n_1 \rightarrow$ đánh cong 1 cm.

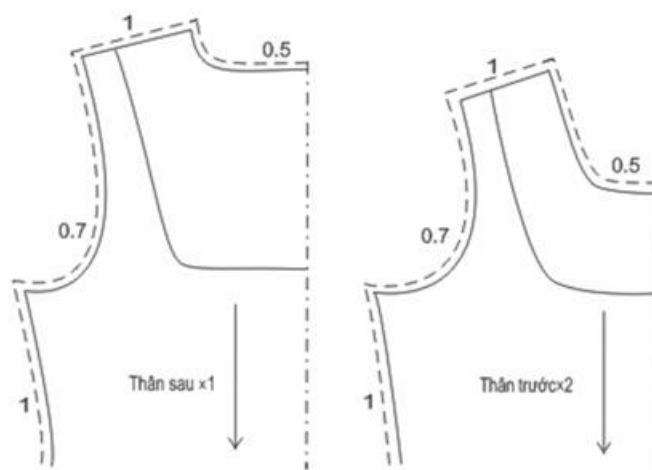
5.8.2.2 Đô sau:

- $D_1D_3 = \frac{1}{2} C_1D_1$
- $Dn = 9\text{cm.}$
- Nối $D_3N \rightarrow$ đánh cong 1 cm.

5.9 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chừa 0.5cm.
- Vai chừa 1cm.
- Vòng nách thân chừa 0.7cm.
- Đường sườn chừa 1cm.





Hình 5.9 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có cổ, đô tự chọn theo số đo của bạn tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.
- ⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản (3 bộ) tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 6: THIẾT KẾ CÁC KIỂU BÂU ÁO



Hình 6.1 Hình mẫu minh họa

Bài 6:

THIẾT KẾ CÁC KIỂU BẦU ÁO

6.1 MỤC TIÊU

6.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

6.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

6.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

6.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 6.2 Hình dáng sản phẩm

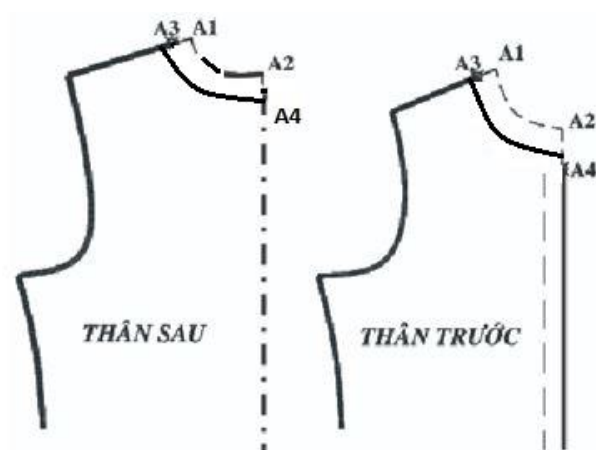
6.3 BẦU LÁ SEN:

6.3.1 Vòng cổ trên áo bầu lá sen đứng:

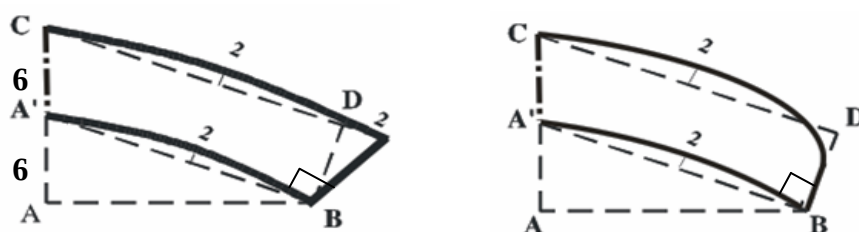
- Vẽ lại thân áo căn bản.
- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 2cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = hạ cổ sau = 2cm.

6.3.2 Bầu lá sen đứng:

- AB = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo – 1.5cm (đỉnh nút).
- AA' = 6cm.
- $A'C$ = 6cm.
- $A'B \perp BD$. (nối $A'B$ cạnh BD vuông góc với $A'B$).



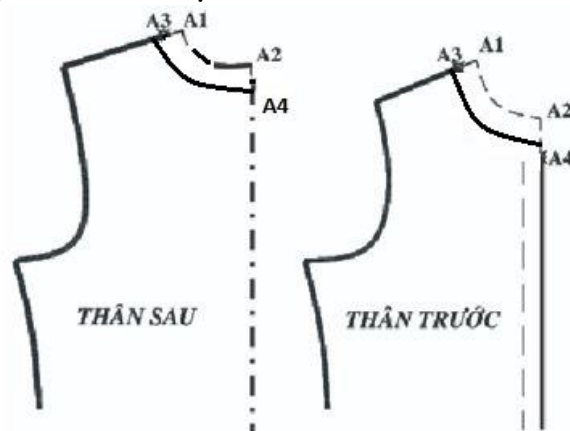
Hình 6.3 Vòng cổ trên thân



Hình 6.4 Bâu lá sen đứng

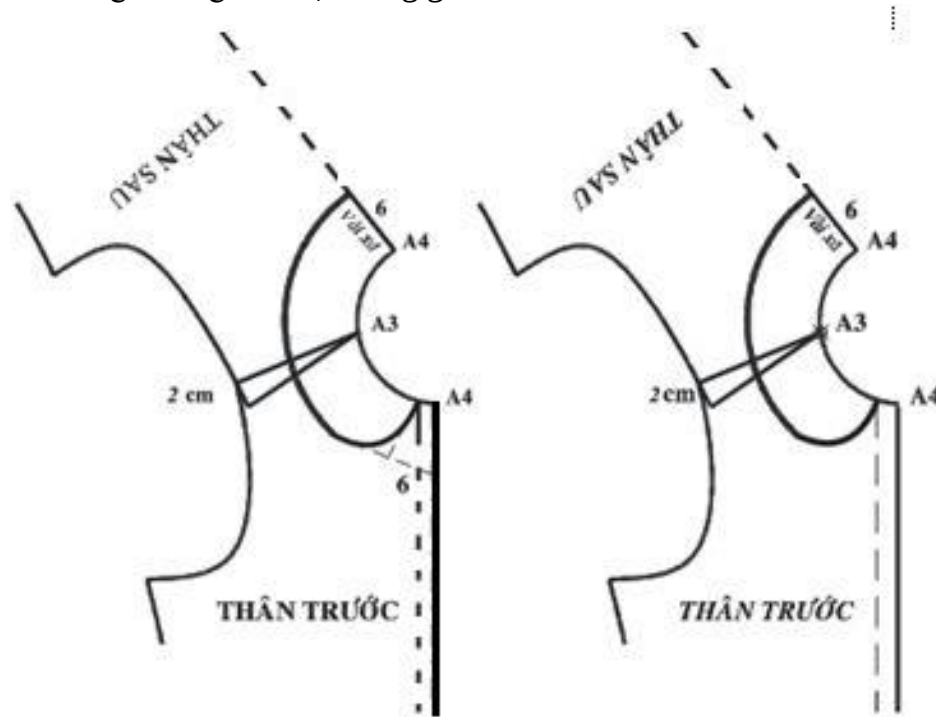
6.3.3 Vòng cổ trên áo bâu lá sen nằm:

- Từ thân áo căn bản điều chỉnh lại vòng cổ theo dạng cổ tròn hoặc cổ tim.
- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 3cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = Hạ cổ sau = 3cm.



6.3.4 Bâu lá sen nằm:

- Đặt đầu vai thân sau lệch so với đầu vai thân trước là 2cm.
- A_3 vẫn giữ nguyên.
- Vẽ lại vòng cổ áo cho tròn.
- Vẽ bâu theo vòng cổ áo và cách đều cổ áo 6 cm.
- Dựng đường tại A_4 vuông góc.



Hình 6.5 Bâu lá sen nằm

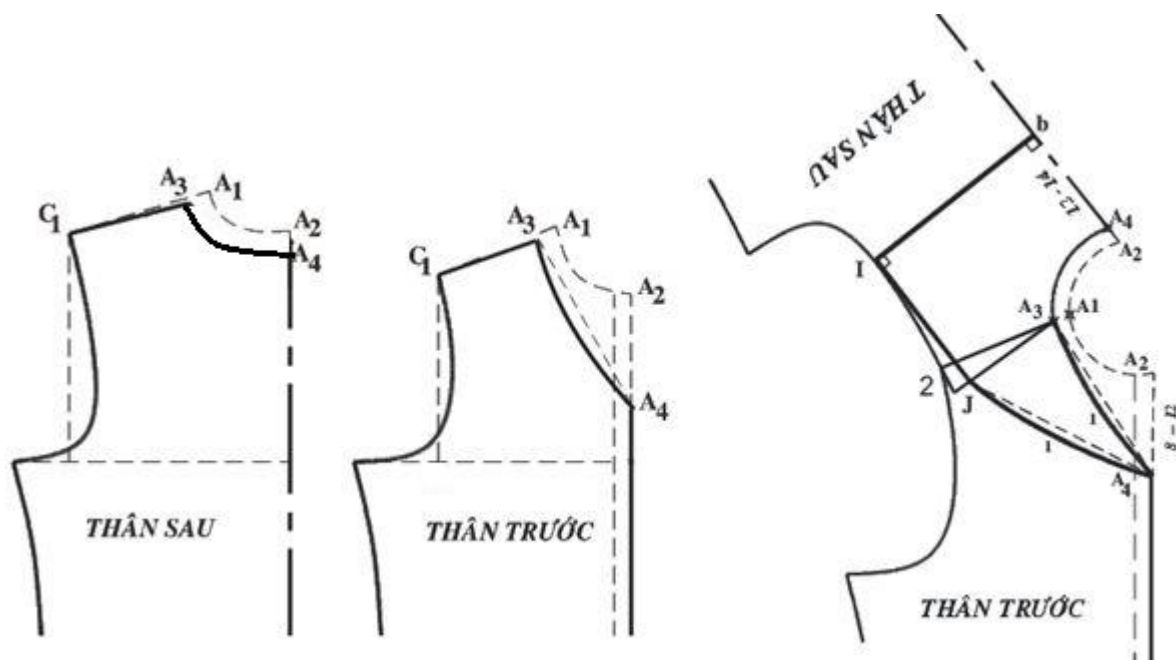
6.4 BÂU LÍNH THỦY:

6.4.1 Vòng cổ trên áo:

- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 2 cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 8cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 2 cm.

6.4.2 Bâu lỉnh thủy:

- Đặt đầu vai thân sau lệch so với đầu vai thân trước là 2cm.
- A_3 vẫn giữ nguyên $\rightarrow$ vẽ lại vòng cổ áo.
- $A_4b(\text{thân sau}) = 12\text{cm}$.
- Tại b dựng đường thẳng vuông góc cắt vòng nách thân sau tại I.
- Từ I, vẽ đường thẳng vuông góc và kéo dài đến đường xuôi vai TS và cắt tại J.
- Đánh cong 1 cm đoạn JA_4 .



Hình 6.6 Bầu lĩnh thủy

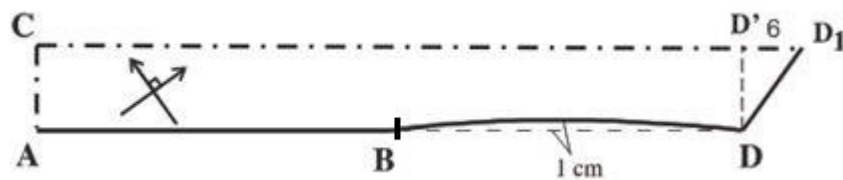
6.5 BẦU CÀ VẶT:

6.5.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 2 cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 3 $\rightarrow$ 5cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 0cm.

6.5.2 Bầu áo:

- AB : Dài bầu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo – 1.5 (đỉnh nút).
- AC : To bản bầu = 6cm.
- BD : Dài cà vạt = 40cm.
- $D'D_1$: 6cm.

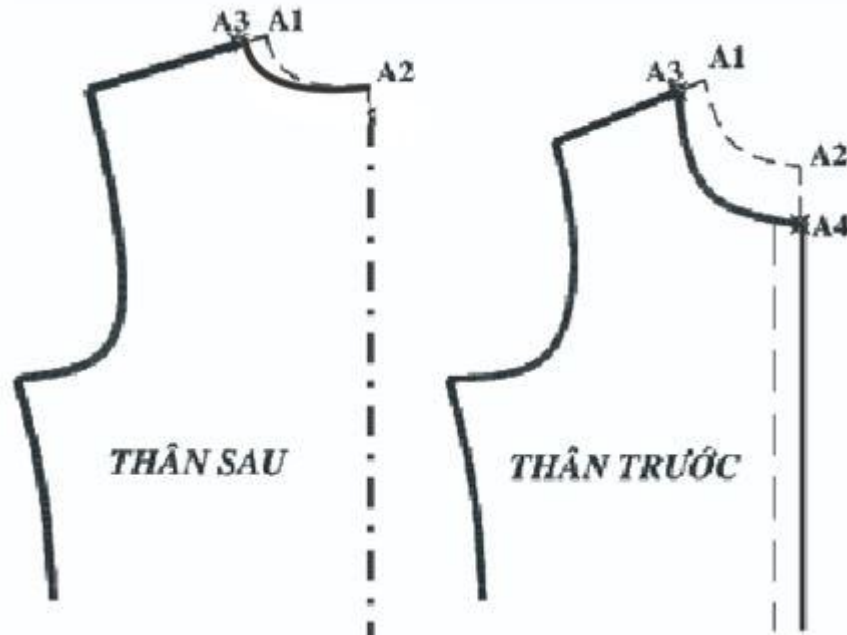


Hình 6.7 Bầu cà vạt

6.6 BẦU LỘ:

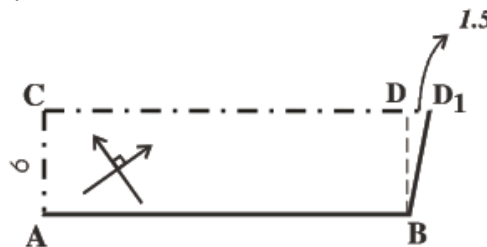
6.5.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 2 cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 3 $\rightarrow$ 5cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 0cm.



6.5.2 Bầu áo:

- Sử dụng canh vải xéo 45°
- AB : Dài bầu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo – 1.5cm (đỉnh nút).
- AC : To bản bầu = 6cm.
- DD_1 : 1.5cm.

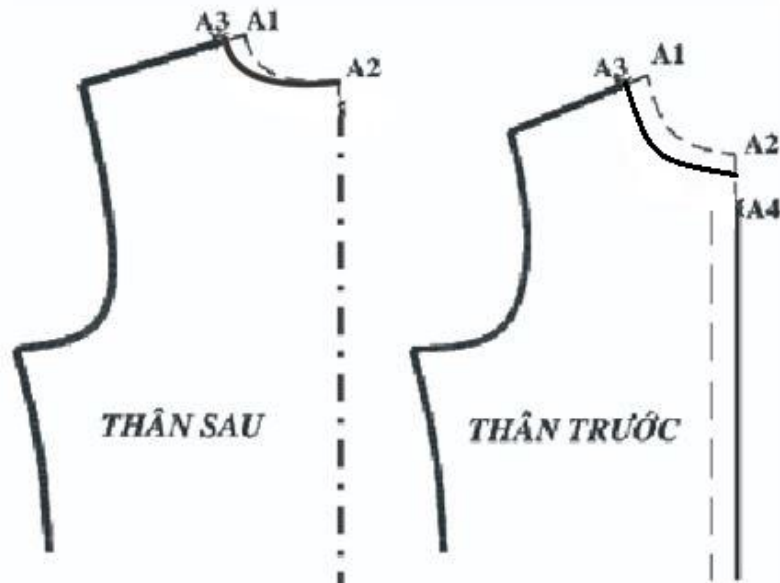


Hình 6.8 Bầu lộ

6.7 BẦU LÃNH TỰ:

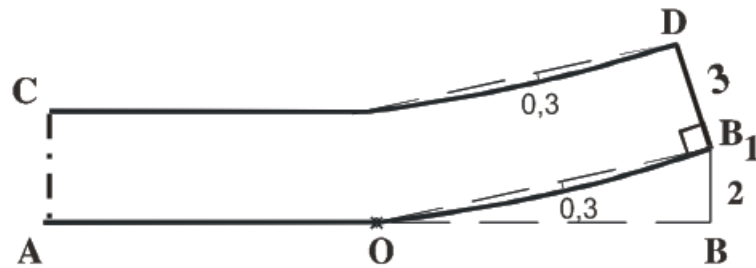
6.7.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 2 cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ trước = 2cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 0cm.



6.7.2 Bâu áo:

- AB : Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ áo.
- AC : To bản bâu = 3cm.
- O là trung điểm AB.
- $BB_1 = 2$ cm.
- Nối $OB_1 \rightarrow$ đánh cong 0.3cm.
- Từ B_1 , dựng đường thẳng $\perp$ dài 3 cm $\rightarrow B_1D \perp = 3$ cm.



Hình 6.9 Bâu lãnh tự

6.8 BÂU TENANT:

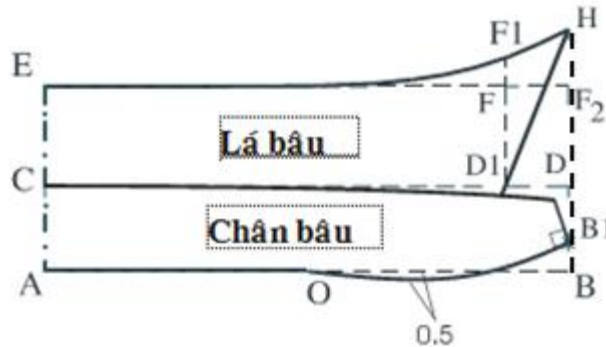
6.8.1 Vẽ lại vòng cổ thân áo căn bản

6.8.2 Chân bâu

- AB: Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo.
- AC: To bản bâu = 3cm.
- O là trung điểm AB.
- $BB_1 = 1$ cm.
- Từ B_1 , dựng đường thẳng $\perp$ dài 2cm $\rightarrow B_1D = 2$ cm.
- $DD_1 = 2.5$ cm.

6.8.3 Lá bầu:

- Vẽ dựa theo chân bầu.
- $CE : \text{To bản bầu} = AC + 0.5\text{cm}$.
- Vẽ hình chữ nhật CD_1FE .
- Từ F, kéo dài 1 đoạn $FF_1 = 1 \rightarrow 2\text{cm}$.
- Vẽ $BF_2 // AE$.
- Kéo dài đoạn EF_1 và cắt BF_2 tại H.



Hình 6.10 Lá bầu, chân bầu

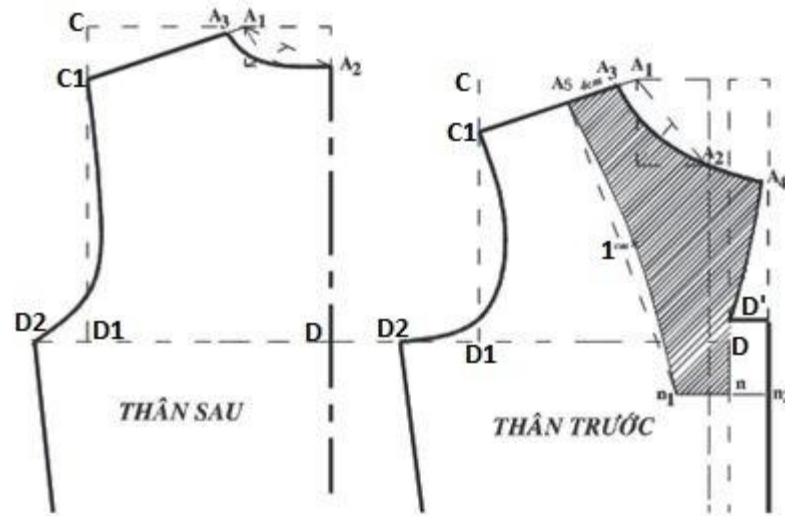
6.9 BẦU DALTON:

6.9.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- Vẽ lại thân áo căn bản.
- $A_1A_3 = 1.5\text{cm}$.
- $A_2A_4 = 3.5\text{cm}$.
- $DD' = 2\text{cm}$.
- Nối A_4D' (có thể đánh cong 0.5 cm).

6.9.2 Nẹp ve:

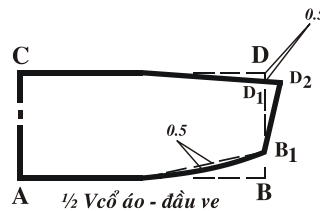
- Vẽ lại theo vòng cổ áo.
- $A_3A_5 = 4\text{cm}$.
- $Dn = 3\text{cm}$.
- $nn_1 = nn_2 = 3\text{cm}$.
- Nối $an_1 \rightarrow$ đánh cong 1cm.



Hình 6.11 Nẹp ve

6.9.3 Bâu áo:

- AB : Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo – đầu ve ($A_2A_4=3.5\text{cm}$).
- AC : To bản bâu = 6cm.
- $BB_1 = 1\text{cm}$.
- $DD_1 = 0.5\text{ cm}$.
- $D_1D_2 = 1\text{ cm}$.



Hình 6.12 Bâu áo

6.10 BÂU CARE:

6.10.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- A_1A_3 : Vào cổ trước = vào cổ sau = 1.5cm.
- A_2A_4 : Hạ cổ sau = 0cm

6.10.2 Bâu áo:

- $DD' = 2\text{cm}$.
- Nối $D'A_3$ và kéo dài 1 đoạn = $\frac{1}{2}$ vòng cổ sau trên thân, có điểm K
- Từ K ra $K_1 = 1\text{cm}$ sao cho $A_3K = A_3K_1 = \frac{1}{2}$ vòng cổ sau đo trên thân.
- Từ K_1 , dựng đường thẳng $\perp$ dài 6cm $\rightarrow K_1K_2 = 6\text{cm}$.
- Từ K_2 , dựng đường thẳng $\perp$ và kéo dài đến đường số (2) và cắt tại điểm K_3 .

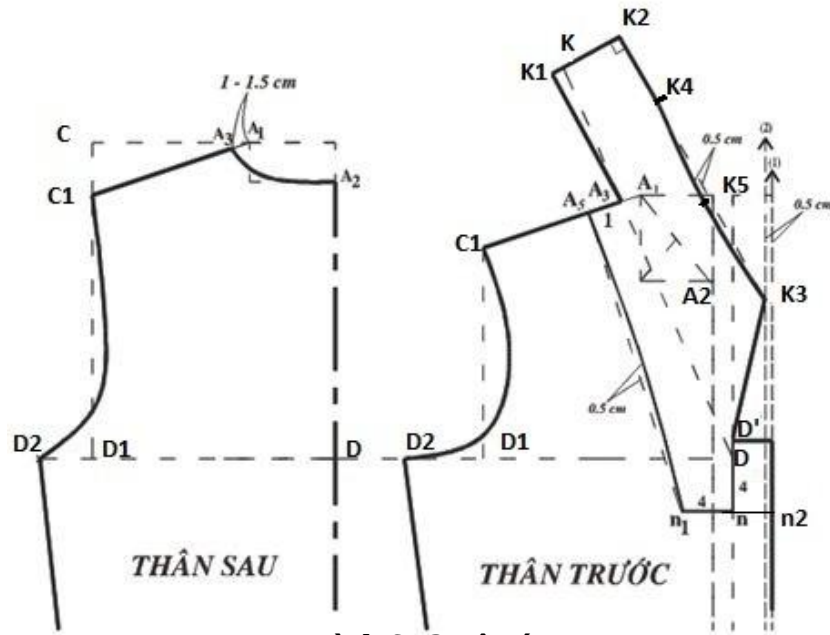
>chú ý: Đường số 1 là đường biên vải. Đường số 2 cách đường số 1=0.5cm.

- Chia K_2K_3 thành 3 đoạn, có điểm K_4, K_5

- Đánh cong tại $K_5=0,5\text{cm}$.
- Nổi $D'K_3$.

6.10.3 Nẹp ve:

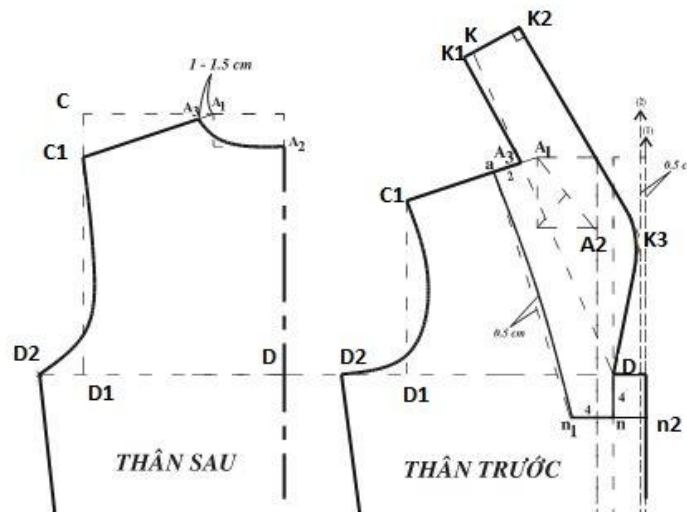
- Giống nẹp ve bâu dalton.
- $A_3A_5 = 1\text{cm}$.
- $D'n = 4\text{cm}$
- $nn1=nn2=4\text{cm}$



Hình 6.13 Bâu áo

6.11 BÂU SAM: Vẽ giống bâu Care nhưng không đánh cong đoạn K_4K_5 .

Tại điểm $K_3 \rightarrow$ cách đều ra mỗi bên 1.5 cm và đánh cong.

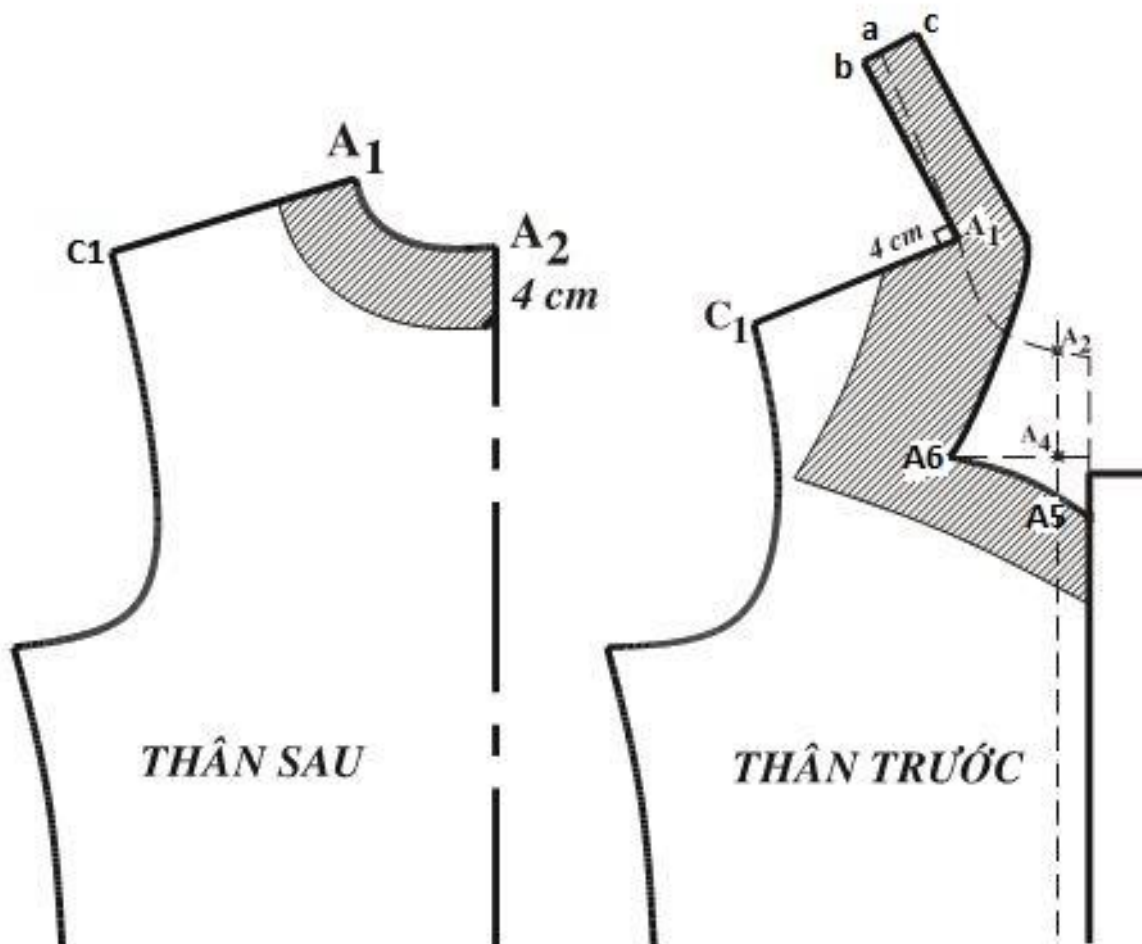


Hình 6.14 Bâu áo

6.12 BÂU NỮ HOÀNG:

6.12.1 Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

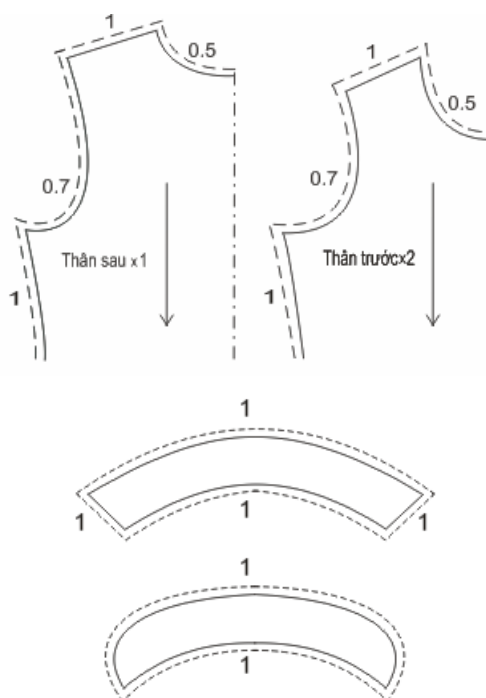
- Từ A_1 , dựng 1 đường thẳng $\perp$ dài = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ sau $\rightarrow A_1a = \frac{1}{2}$ Vòng cổ sau.
- Từ a, dựng đường thẳng $\perp$ dài 1 cm $\rightarrow ab = 1\text{ cm}$.
- Từ b, dựng đường thẳng $\perp$ dài 3cm $\rightarrow bc = 3\text{ cm}$.
- $A_2A_4 = 5\text{ cm}$.
- $A_4A_5 = 3\text{ cm}$.
- $A_4A_6 = 7\text{ cm}$.
- Nẹp cổ = 4 cm.



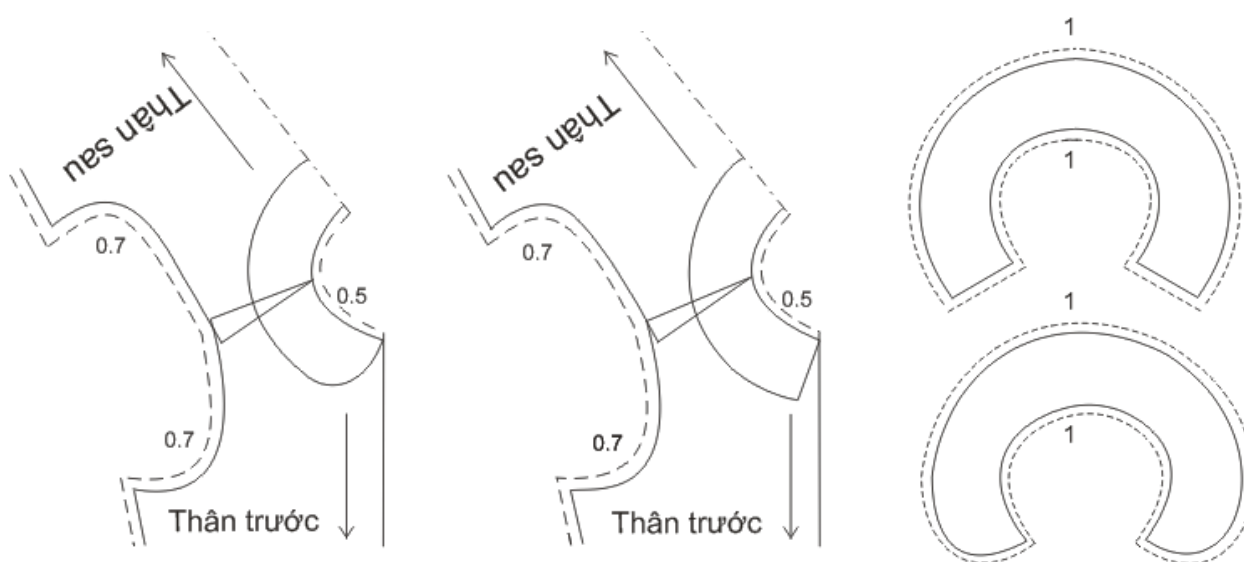
Hình 6.15 Bâu áo

6.13 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

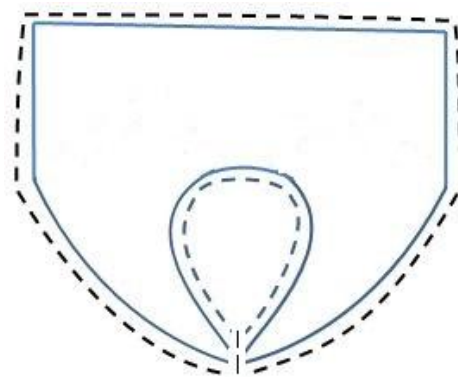
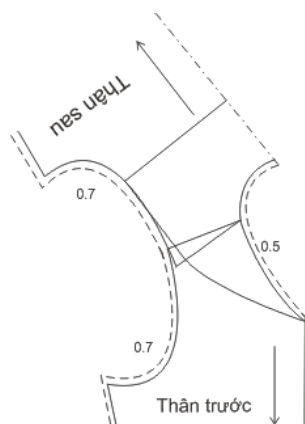
- Vòng cổ chữa 0.5cm.
- Vai chữa 1cm.
- Vòng nách thân chữa 0.7cm.
- Đường sườn thân chữa 1cm.



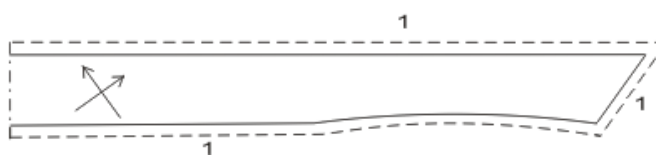
Hình 6.16 Qui cách chữa đường may bầu lá sen đứng



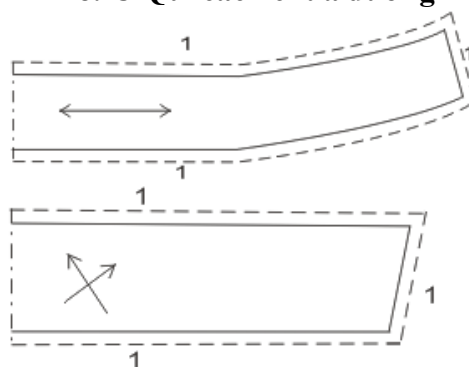
Hình 6.17 Qui cách chữa đường may bầu lá sen nằm



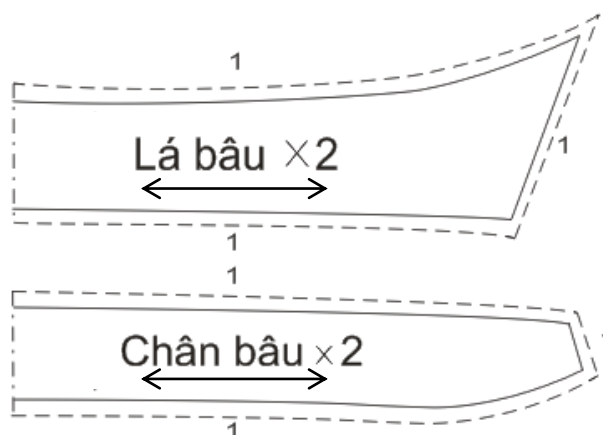
Hình 6.18 Qui cách chừa đường may bầu lĩnh thủy



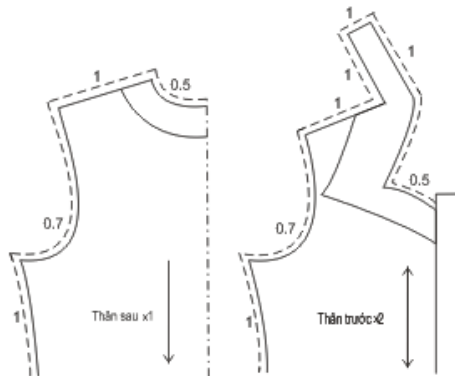
Hình 6.19 Qui cách chừa đường may bầu cà vạt



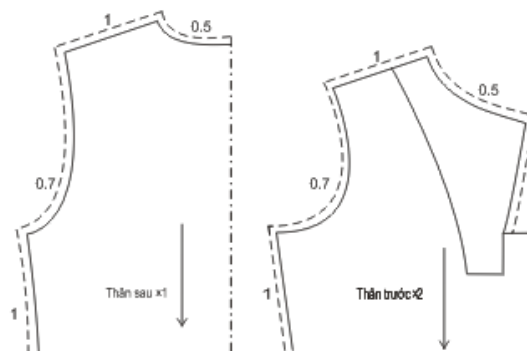
Hình 6.20 Qui cách chừa đường may bầu lĩnh tự



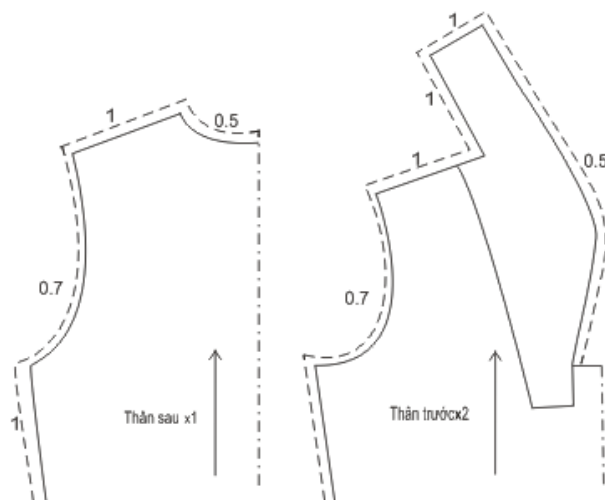
Hình 6.22 Qui cách chừa đường may bầu tenant



Hình 6.23 Qui cách chừa đường may bầu nữ hoàng



Hình 6.24 Qui cách chừa đường may bầu dalton



Hình 6.25 Qui cách chừa đường may bầu sam

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế áo nữ có bâu theo số đo của bạn, tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.
⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế tay ngắn, tay dài tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 7:
THIẾT KẾ CÁC KIỂU TAY ÁO



Hình 7.1 Hình mẫu minh họa

Bài 7: THIẾT KẾ CÁC KIỂU TAY ÁO

7.1 MỤC TIÊU

7.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.

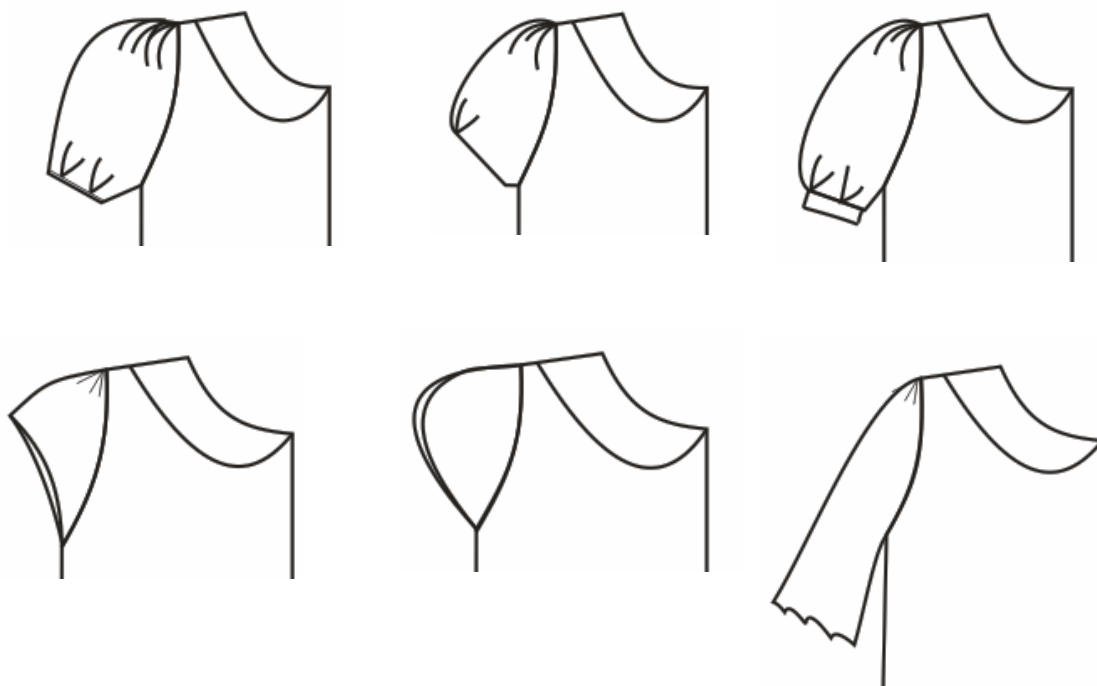
7.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

7.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

7.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:

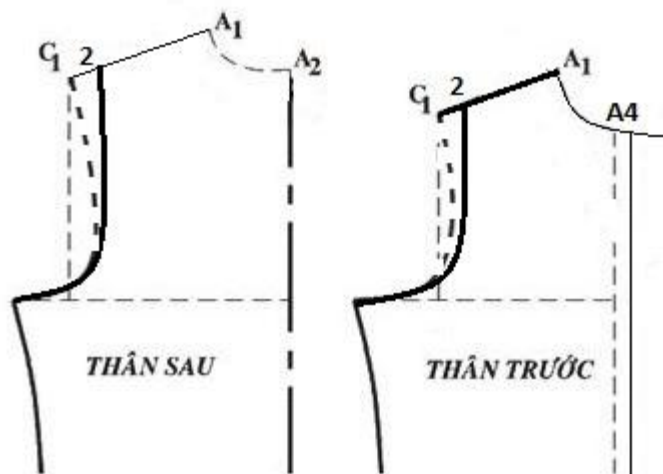


Hình 7.2 Hình dáng sản phẩm

7.3 TAY PHÒNG:

7.3.1 Điều chỉnh lại vòng nách trên thân:

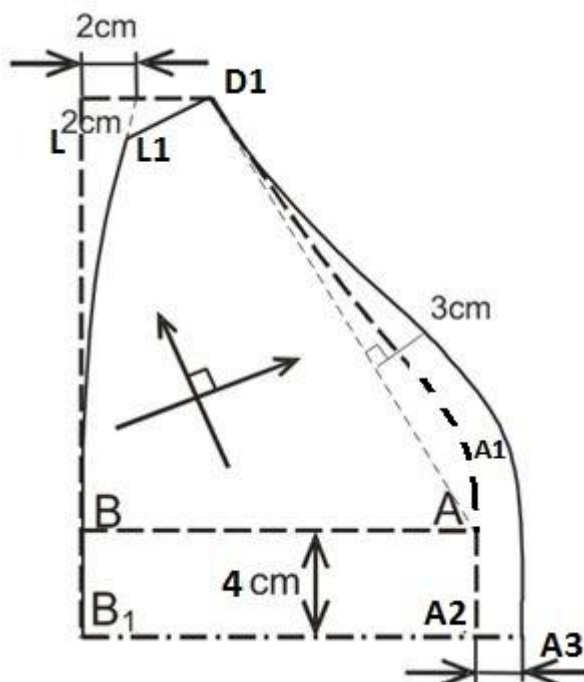
Giảm đầu vai thân trước, thân sau 2cm.



7.3.2 Tay phòng đứng:

Từ rập tay áo căn bản điều chỉnh lại như sau:

- $AA_2 = BB_1 = 4\text{cm}$.
- $A_2A_3 = 2\text{cm}$.
- $LL_1 =$ Giảm sườn tay 2cm.

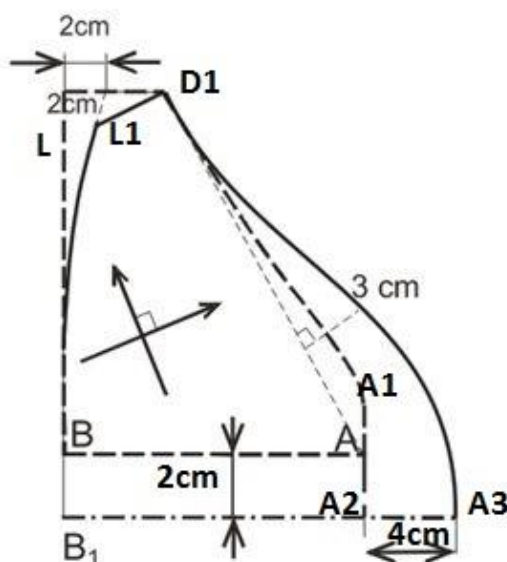


Hình 7.3 Tay phòng đứng

7.3.3 Tay phồng nằm:

Từ rập tay áo căn bản điều chỉnh lại như sau:

- $AA_2 = BB_1 = 2\text{cm}$.
- $A_2A_3 = 4\text{cm}$.
- $LL_1 =$ Giảm sườn tay 2cm.

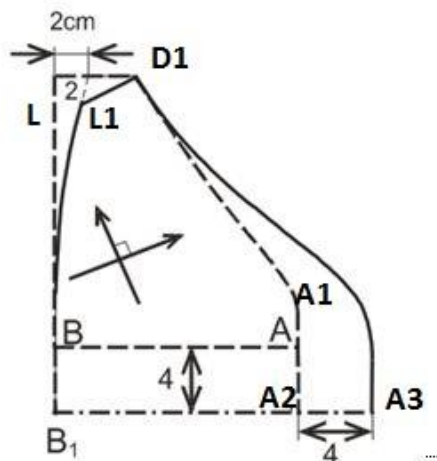


Hình 7.4 Tay phồng nằm

7.3.4 Tay phồng tròn:

Từ rập tay áo căn bản điều chỉnh lại như sau:

- $AA_2 = BB_1 = 4\text{cm}$.
- $A_2A_3 = 4\text{cm}$.
- $LL_1 =$ Giảm sườn tay 2cm.

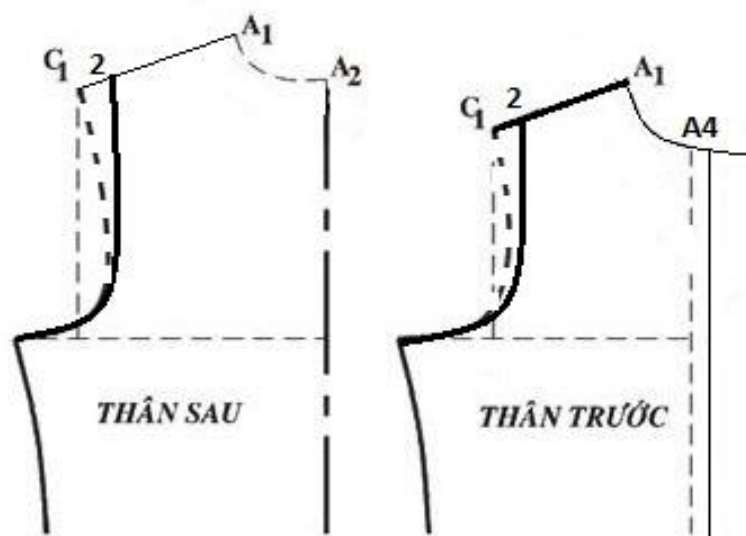


Hình 7.5 Tay phồng tròn

7.4 TAY CÁNH HỒNG:

7.4.1 Điều chỉnh lại vòng nách trên thân:

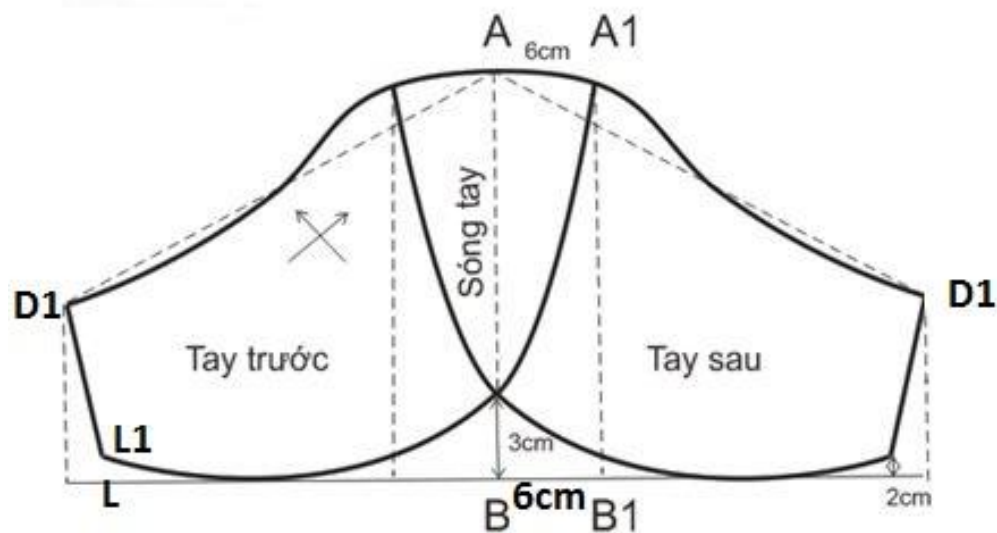
Giảm đầu vai thân trước, thân sau 2cm.



7.4.2 Tay áo:

Từ rập tay áo phồng điều chỉnh lại như sau.

- $AA_1 = 6\text{cm}$.
- $BB_1 = 6\text{cm}$.
- Giảm cửa tay 2cm.



Hình 7.6 Tay cánh hồng

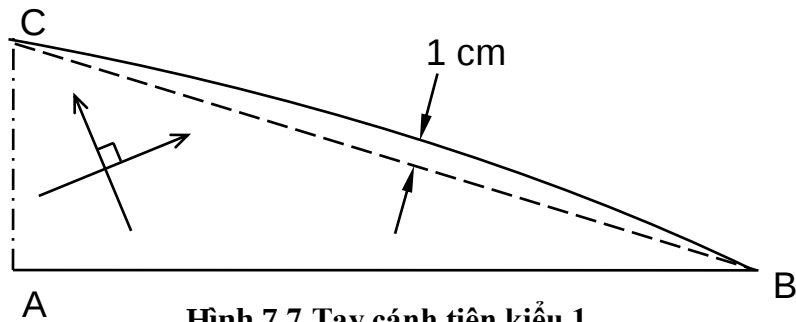
7.5 TAY CÁNH TIÊN:

7.5.1 Điều chỉnh lại vòng nách trên thân:

Giảm đầu vai thân trước, thân sau 2cm.

7.5.2 Kiểu 1:

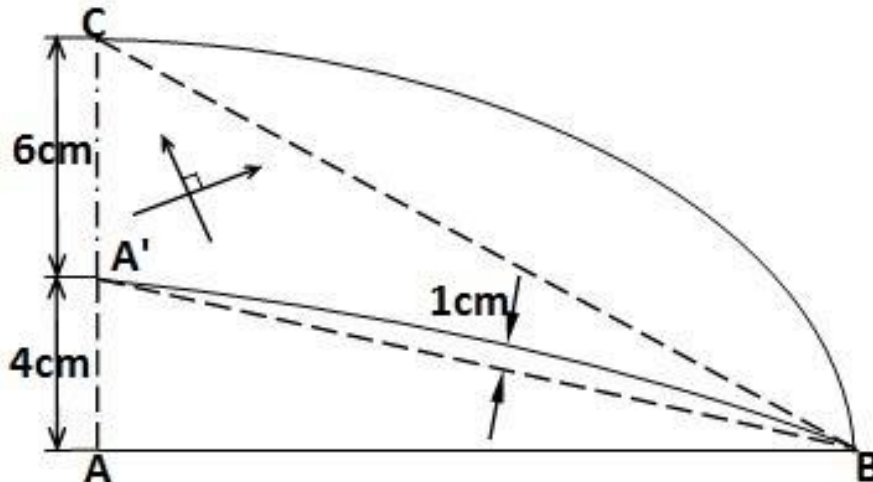
- $AB = \frac{1}{2}$ Vòng nách trên thân áo + 8cm.
- $AC = 6$ cm.
- Nối BC → đánh cong 1cm.
- Cạnh AB ráp vào vòng nách thân.



Hình 7.7 Tay cánh tiên kiểu 1

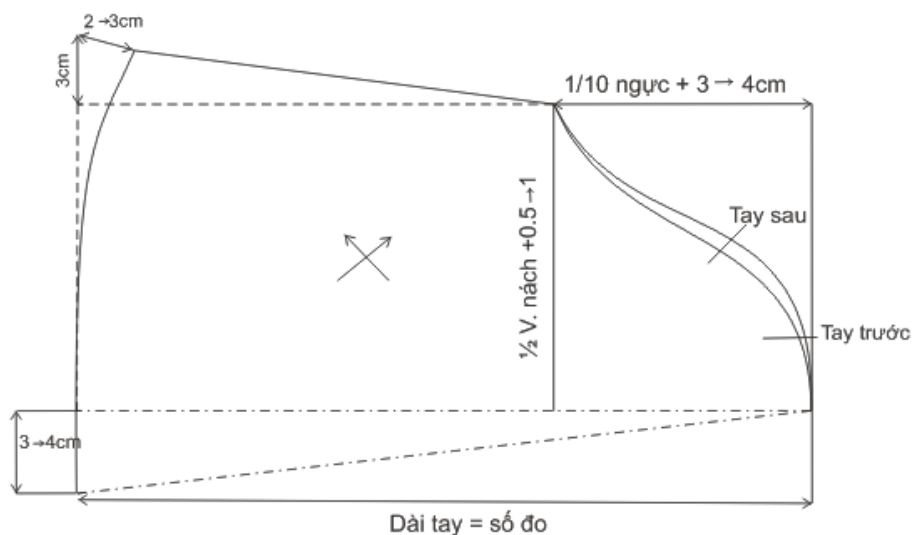
7.5.3 Kiểu 2:

- $AB = \frac{1}{2}$ Vòng nách trên thân áo + 8cm.
- $AA' = 4$ cm.
- $A'C = 6$ cm.
- Nối A'B → đánh cong 1 cm.
- Nối BC → đánh cong tùy ý cho hợp lý.



Hình 7.8 Tay cánh tiên kiểu 2

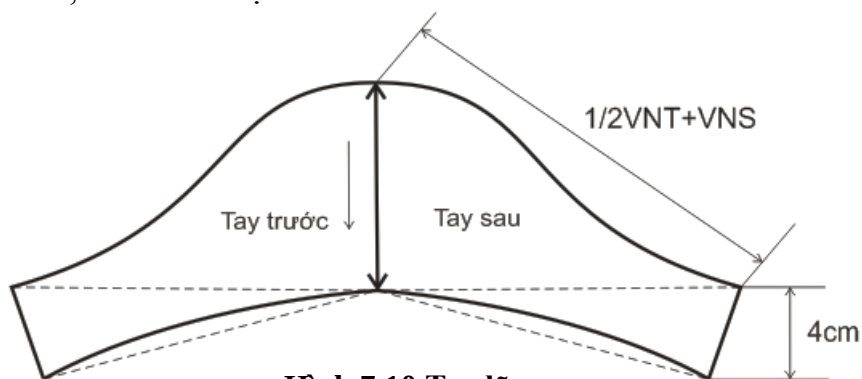
7.6 TAY LOA RŨ DÀI:



Hình 7.9 Tay loa rũ dài

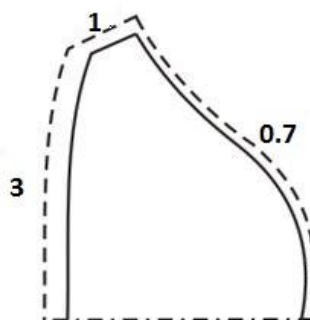
7.7 TAY LỖ:

Từ tay căn bản, điều chỉnh lại.

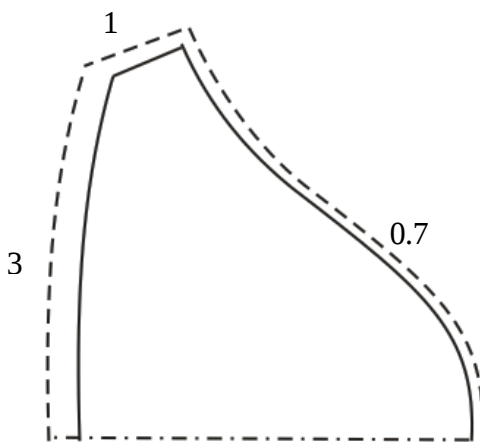


Hình 7.10 Tay lỗ

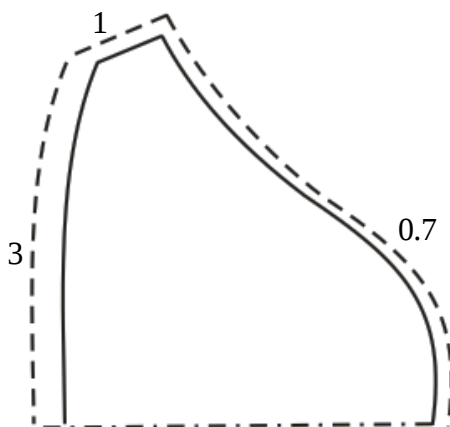
7.8 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:



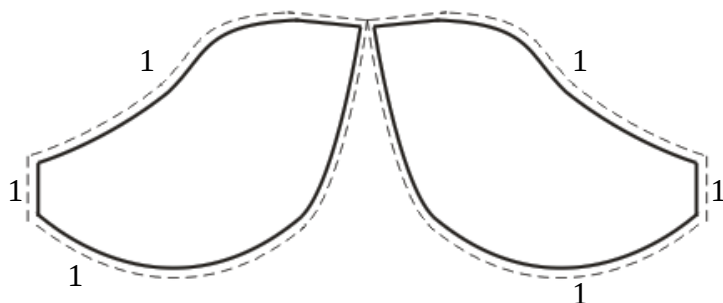
Hình 7.7 Qui cách chữa đường may tay phồng đứng



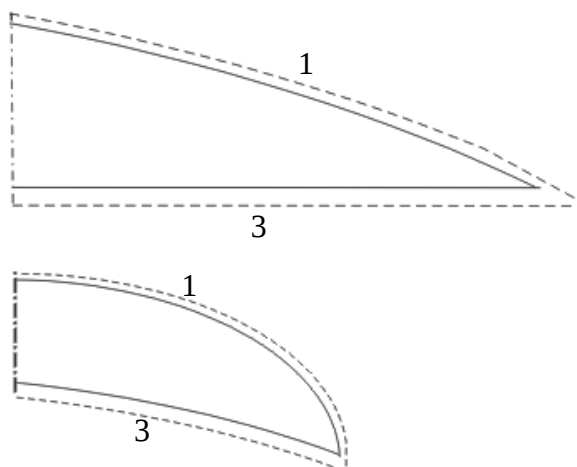
Hình 7.8 Qui cách chừa đường may tay phẳng nằm



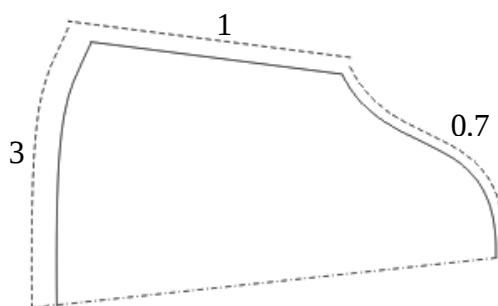
Hình 7.9 Qui cách chừa đường may tay phẳng tròn



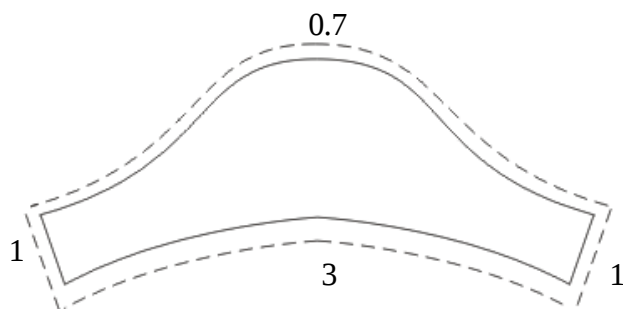
Hình 7.10 Qui cách chừa đường may tay cánh hồng



Hình 7.11 Qui cách chừa đường may tay cánh tiên



Hình 7.12 Qui cách chừa đường may tay loa rũ



Hình 7.13 Qui cách chừa đường may tay lỗ

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế tay áo phù hợp cho bài áo có cổ hay áo có bầu, tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Bài 8: THIẾT KẾ ÁO BLOUSE



Hình 8.1 Hình mẫu minh họa

Bài 8: THIẾT KẾ ÁO BLOUSE

8.1 MỤC TIÊU

8.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

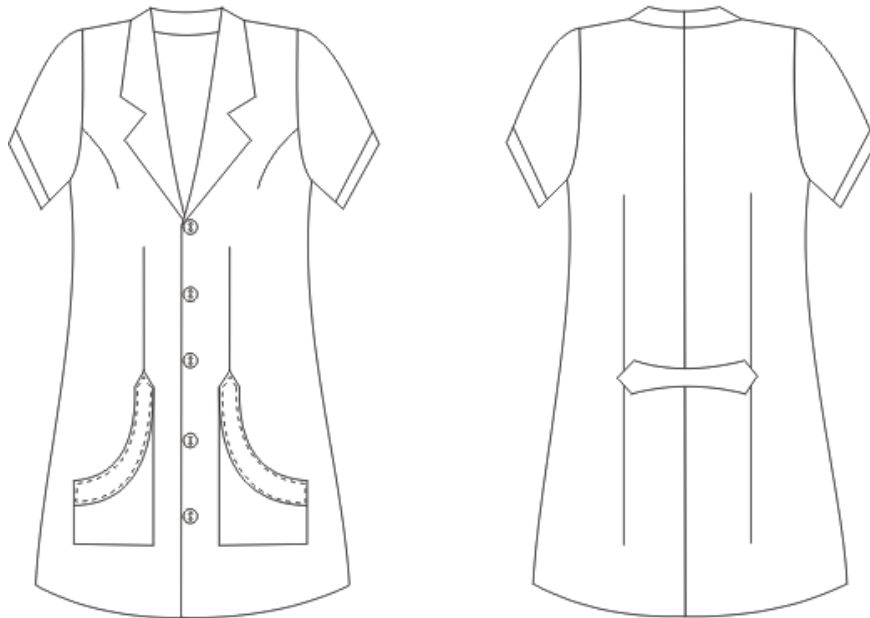
8.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

8.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

8.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 8.2 Hình dáng sản phẩm

8.3 CÁCH VẼ:

8.3.1 THÂN TRƯỚC:

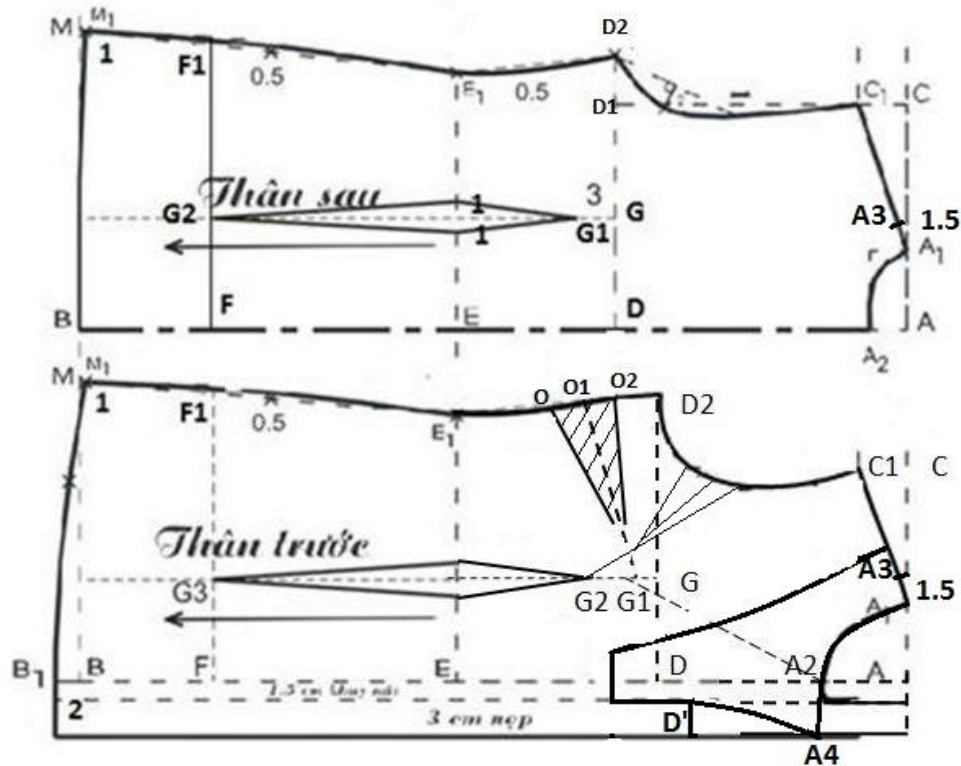
Giống áo nữ có pince eo, pince ngực, bầu dalton, thay đổi phần eo và hông :

- AE : Hạ eo trước = số đo hạ eo trước - 2 cm
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2 cm pince + 2 cm cử động
- BM : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Hông + 2 → 3 cm
- Ngang lai = Ngang eo.
- Giảm sườn = 1 cm.

8.3.2 THÂN SAU:

Xếp 2 biên trùng nhau, từ biên đo vào 4 cm làm nếp. Biên quay về phía người cắt, vẽ cổ nằm ở tay phải, lai nằm ở tay trái, thiết kế giống áo nữ căn bản có pince bâu danton, thay đổi phần eo và hông:

- AE : Hạ eo sau = số đo hạ eo sau + 2cm.
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2cm pince.
- BM : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Hông + 2 → 3cm.
- Giảm sườn = 1cm.



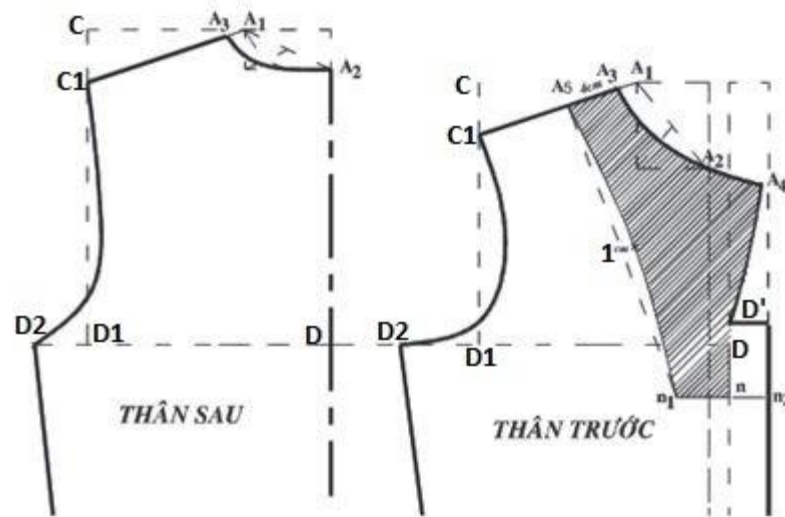
BÂU DALTON:

Điều chỉnh vòng cổ trên thân áo:

- Vẽ lại thân áo căn bản.
- A₁A₃ = 1.5cm.
- A₂A₄ = 3.5cm.
- DD' = 2cm.
- Nối A₄D' (có thể đánh cong 0.5 cm).

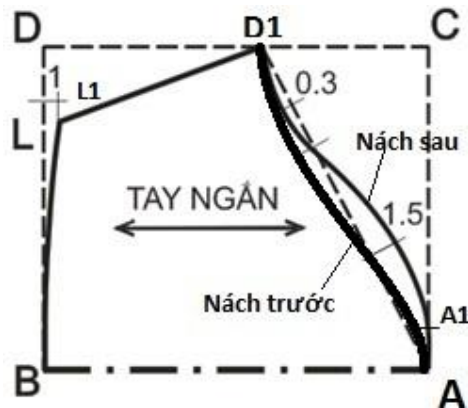
Nẹp ve:

- Vẽ lại theo vòng cổ áo.
- A₃A₅ = 4cm.
- Dn = 3cm.
- nn₁ = nn₂ = 3cm.
- Nối an₁ → đánh cong 1cm.



8.3.3 TAY ÁO :

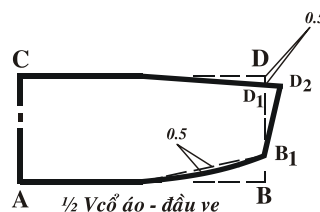
- Thiết kế tay áo căn bản.
- Điều chỉnh tay căn bản thành tay levé.



Hình 8.4 Tay áo levé

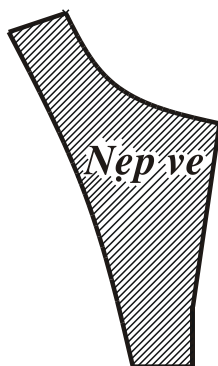
8.3.4 Bâu áo:

- Giống bâu dalton.
- AB : Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ trên thân áo – đầu ve ($A_2A_4=3.5\text{cm}$).
- AC : To bản bâu = 6cm.
- $BB_1 = 1\text{cm}$.
- $DD_1 = 0.5\text{ cm}$.
- $D_1D_2 = 1\text{ cm}$.



Hình 8.5 Bâu dalton

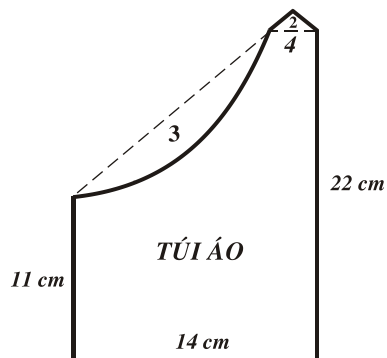
8.3.5 Nẹp ve:



Hình 8.6 Nẹp ve

Đặt thân trước lên vẽ lại vòng cổ và ve áo, lấy thêm ra 3 → 4cm

8.3.6 Túi áo:



Hình 8.7 Túi áo

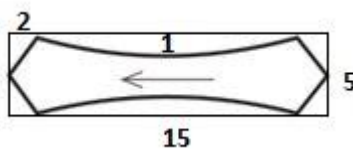
8.3.7 Nẹp miệng túi:

Vẽ theo miệng túi.



Hình 8.8 Nẹp miệng túi

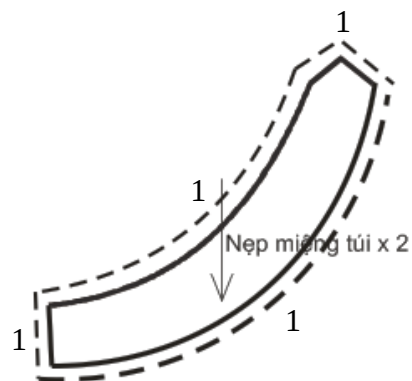
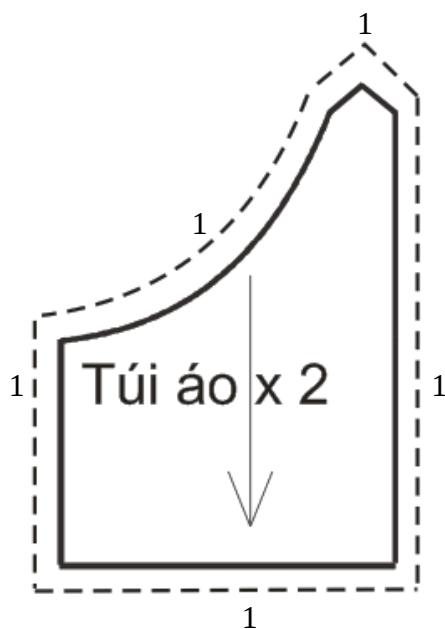
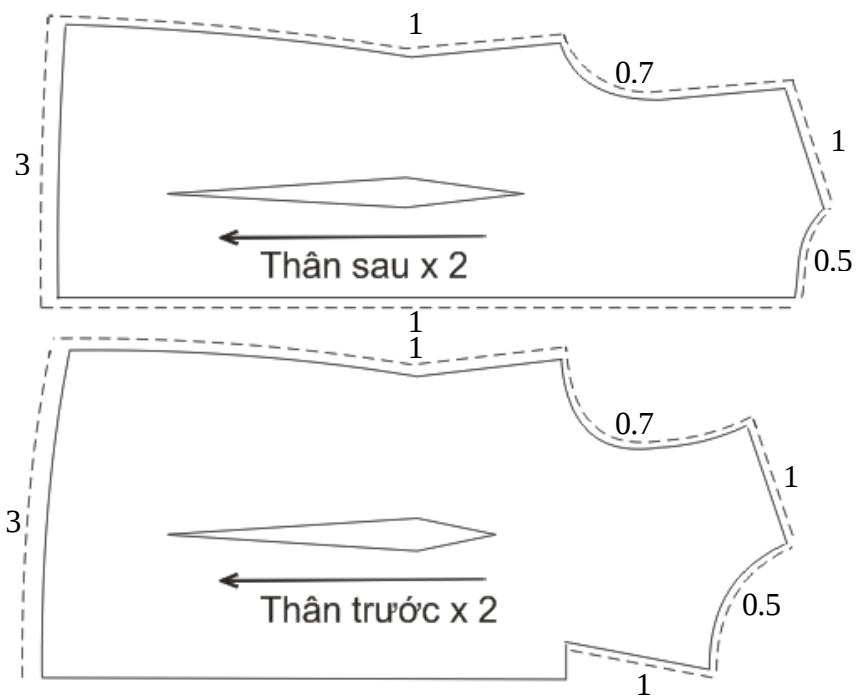
8.3.8 Pass eo:

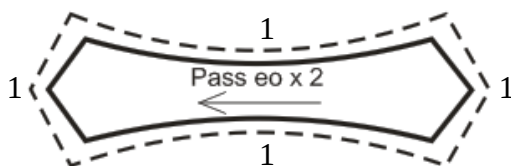


Hình 8.9 Pass eo

8.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ cắt chừa đường may 0.5cm.
- Vòng nách thân, nách tay cắt chừa đường may 0.7cm.
- Đường sống lưng thân sau chừa đường may 3cm.
- Các đường còn lại cắt chừa đều 1cm.





Hình 8.10 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế áo blouse nữ.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm.	Vòng cổ	: 36 cm.
Dài áo	: 64 cm.	Vòng nách	: 36 cm.
Hạ eo	: 35 cm.	Vòng ngực	: 84 cm.
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	Vòng hông	: 90 cm.
Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	Dang ngực	: 17 cm.

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 9: BLOCK ÁO



Hình 9.1 Hình mẫu minh họa

Bài 9: BLOCK ÁO

9.1 MỤC TIÊU

9.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

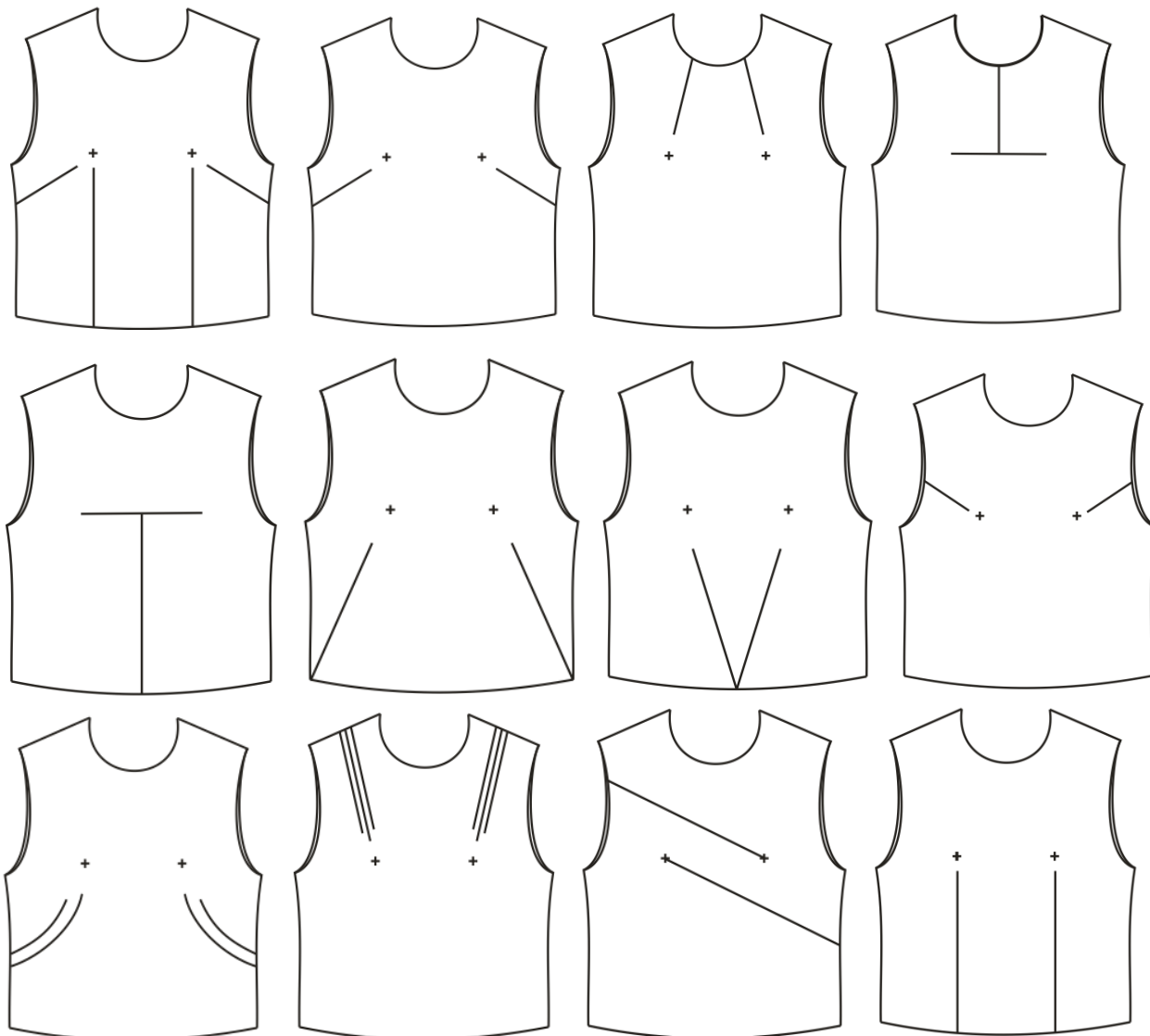
9.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

9.1.3 Về thái độ

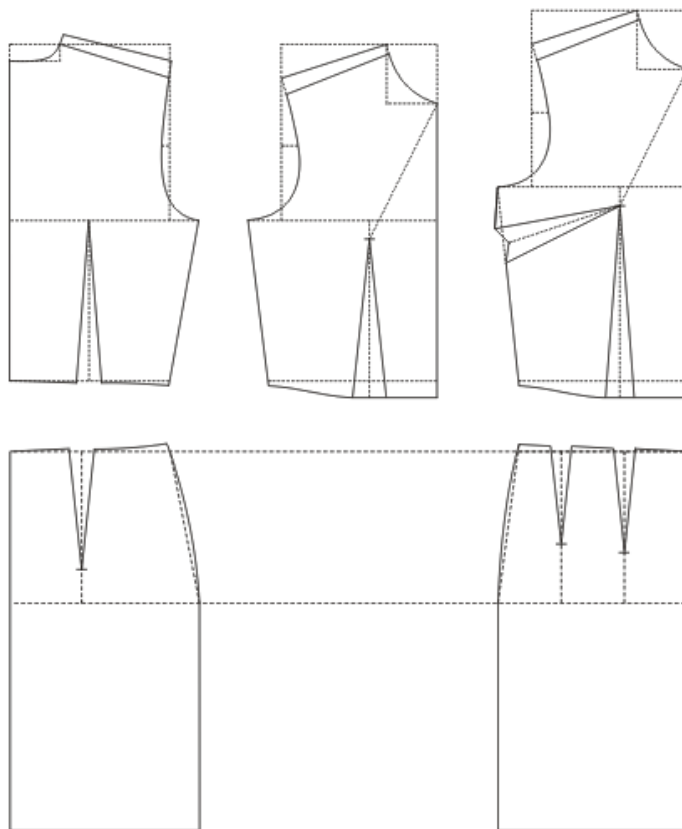
Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

9.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 9.2 Hình dáng sản phẩm

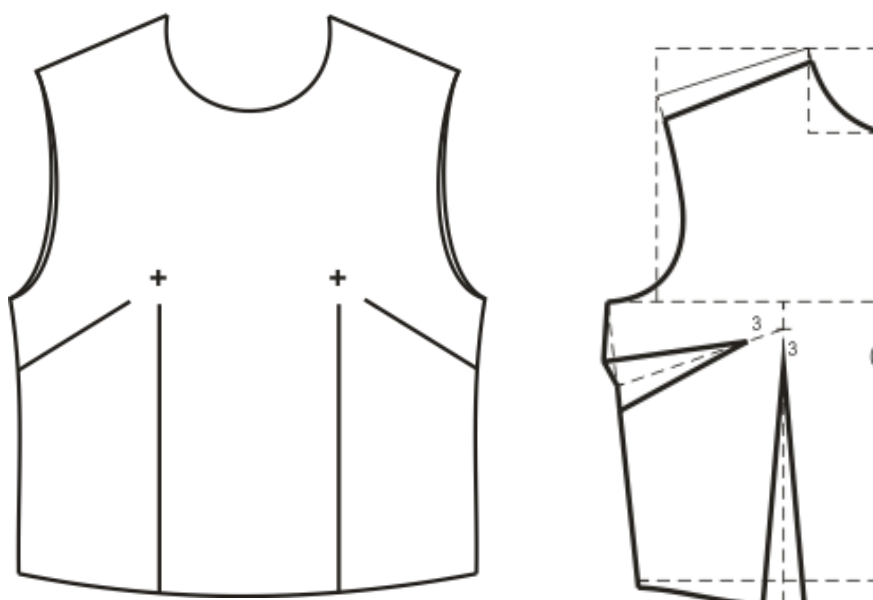
9.3 BLOCK ÁO + VÁY CĂN BẢN:



Hình 9.10 Block áo + váy căn bản

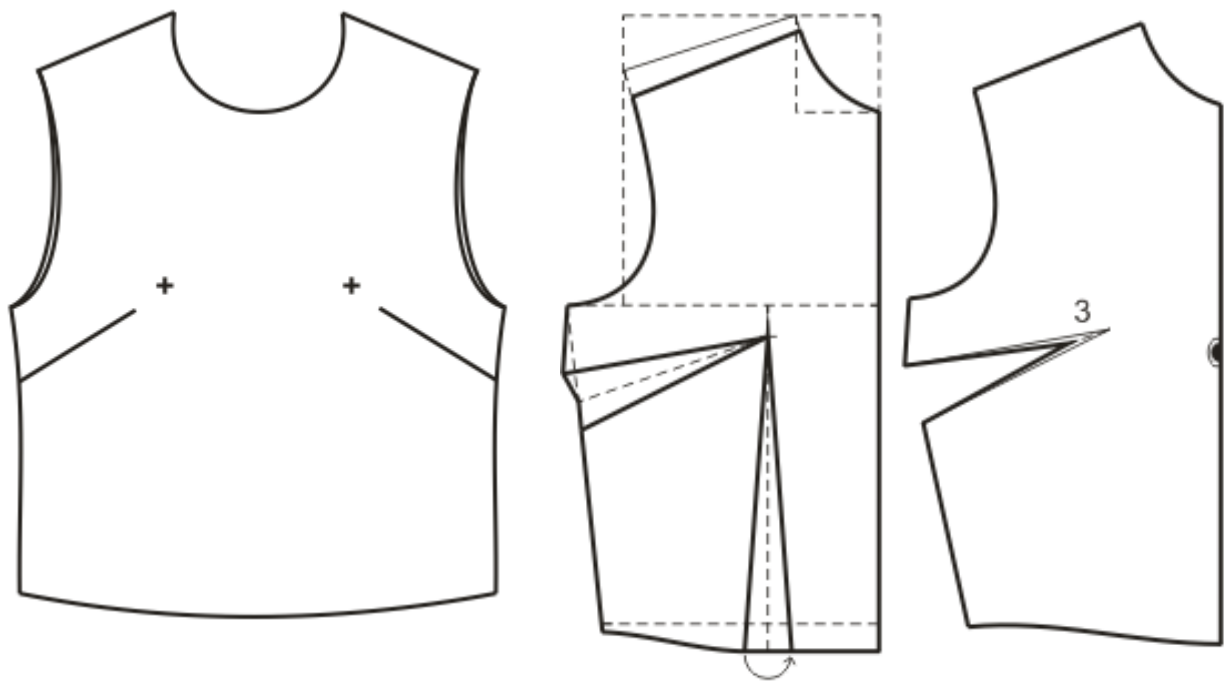
9.4 CÁC DẠNG ĐƯỜNG NÉT TRÊN THÂN ÁO NỮ:

Kiểu 1



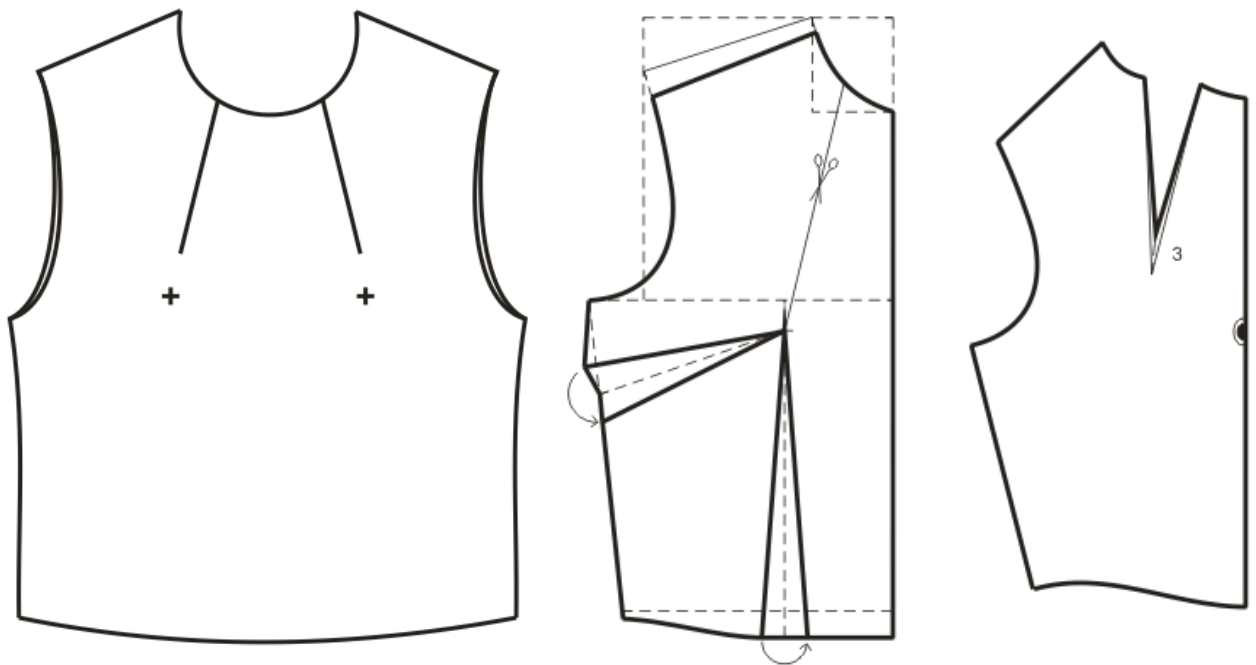
Hình 9.10 Áo có pince ngực, pince eo

Kiểu 2



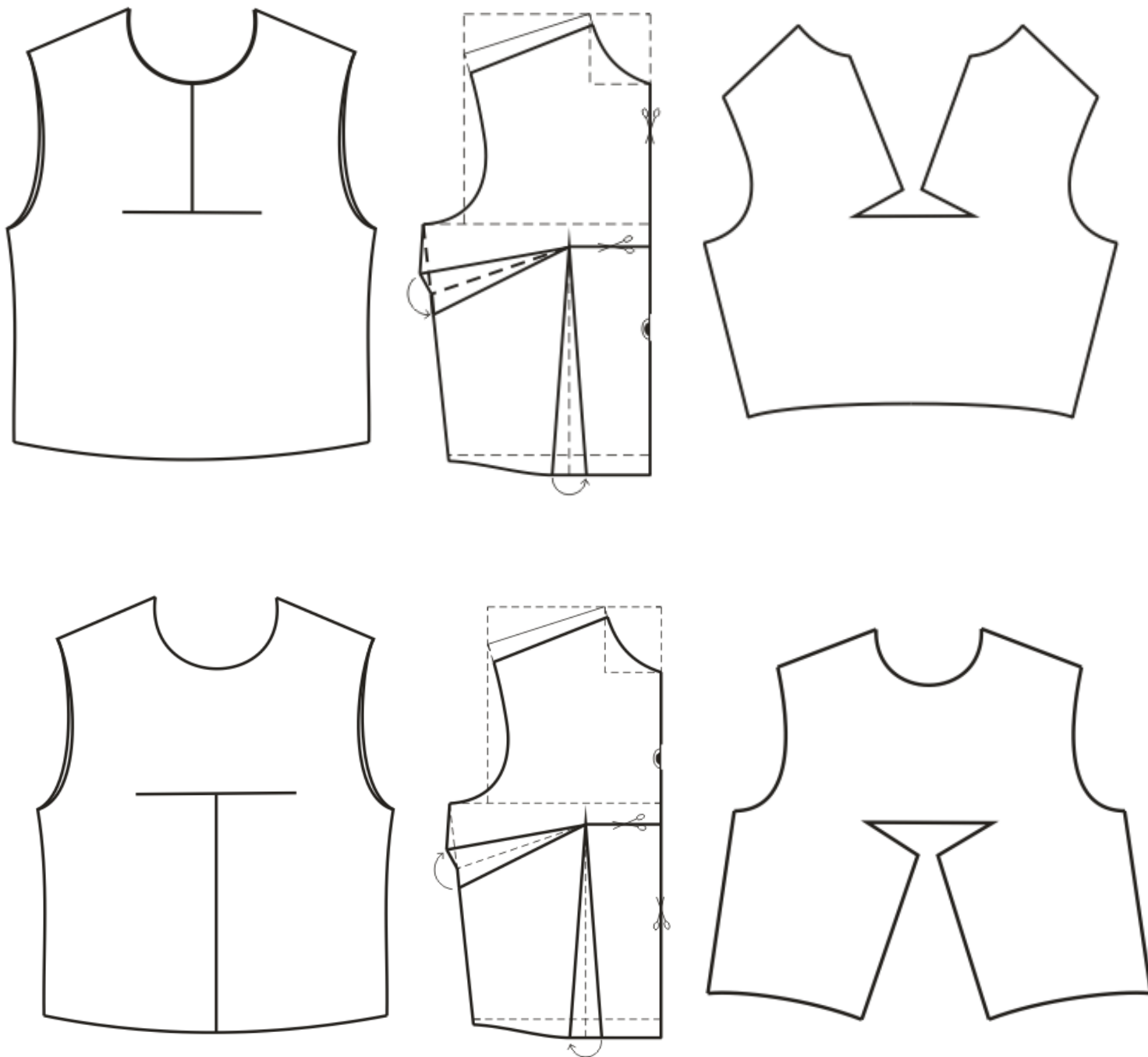
9.11 Áo có pince ngực

Kiểu 3



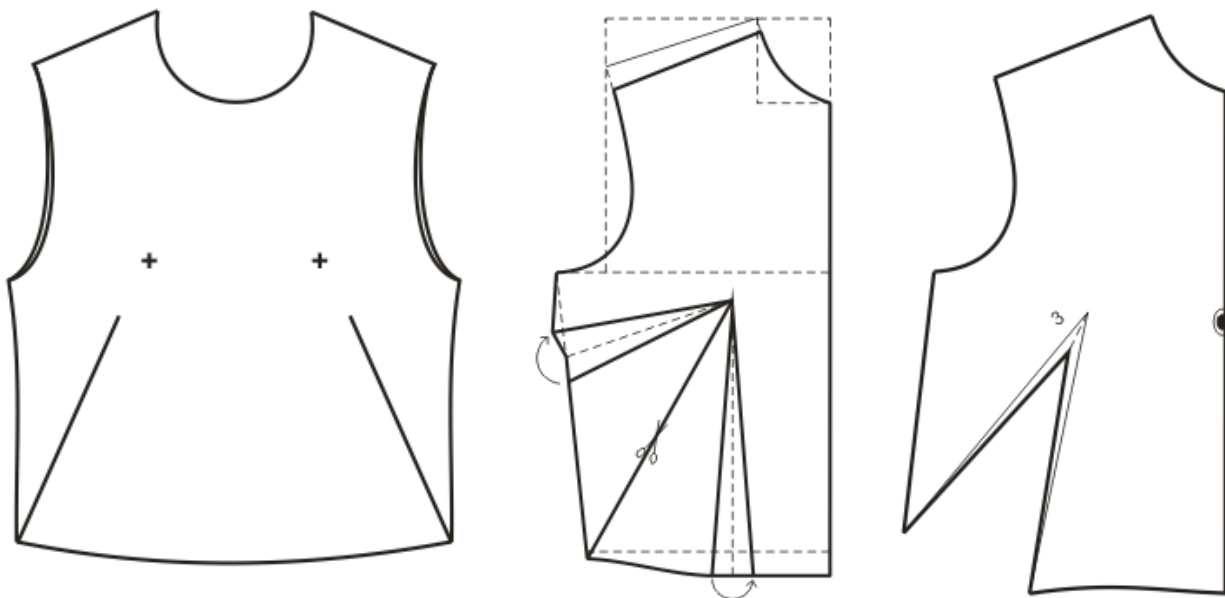
9.11 Áo có pince cổ

Kiểu 4



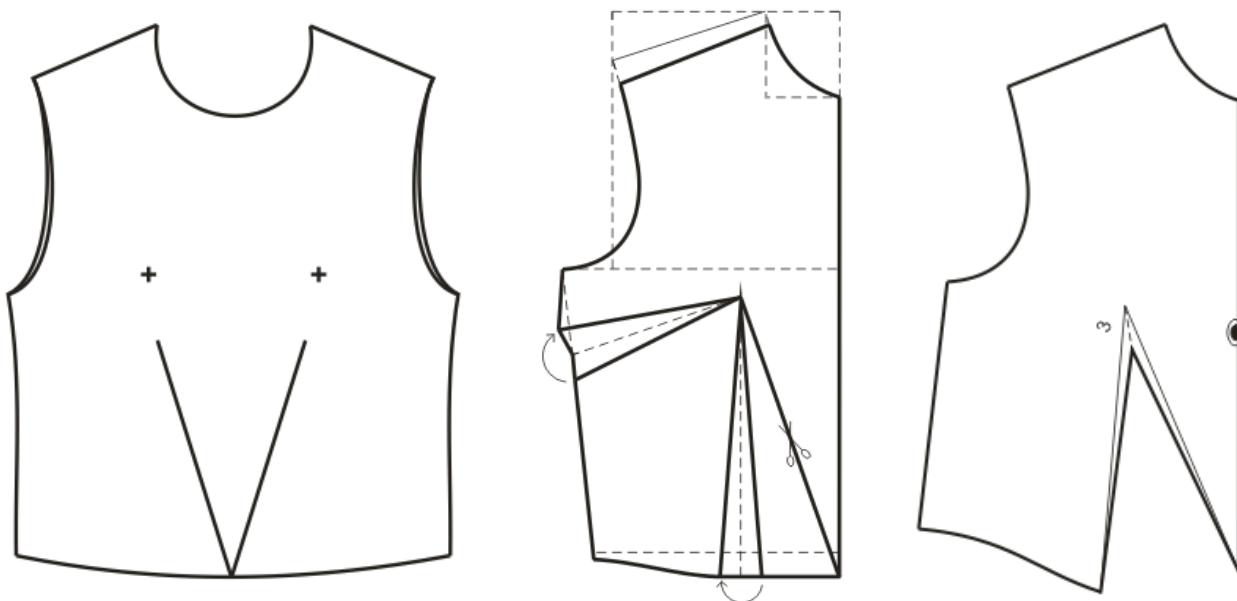
9.12 Áo có pince giữa ngực

Kiểu 5



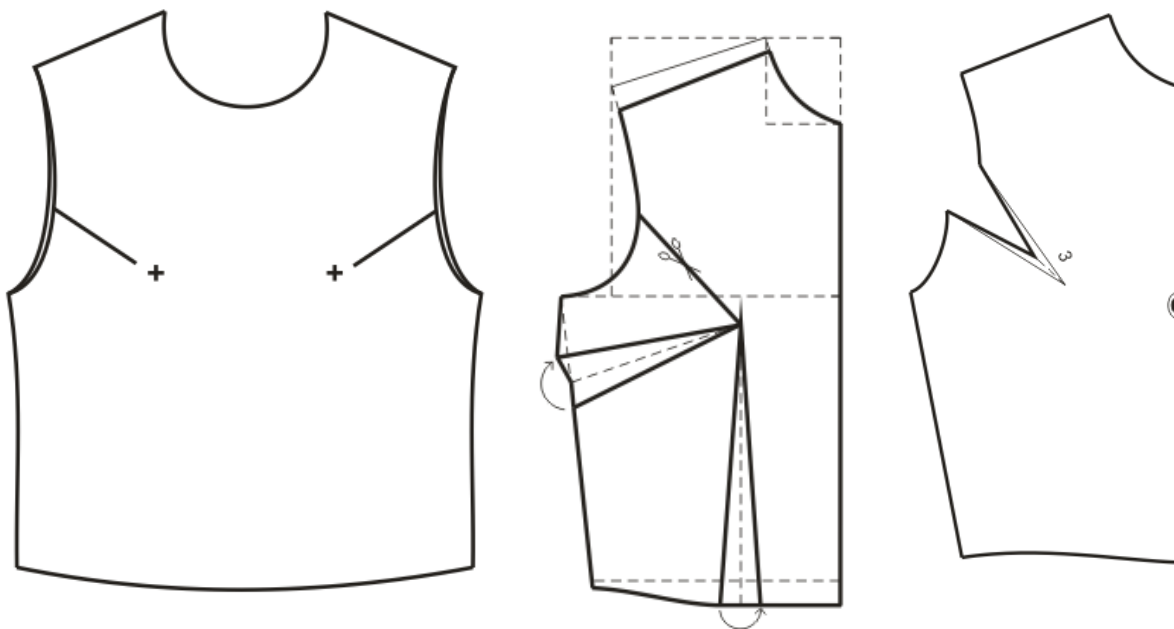
9.13 Áo có pince sườn

Kiểu 6



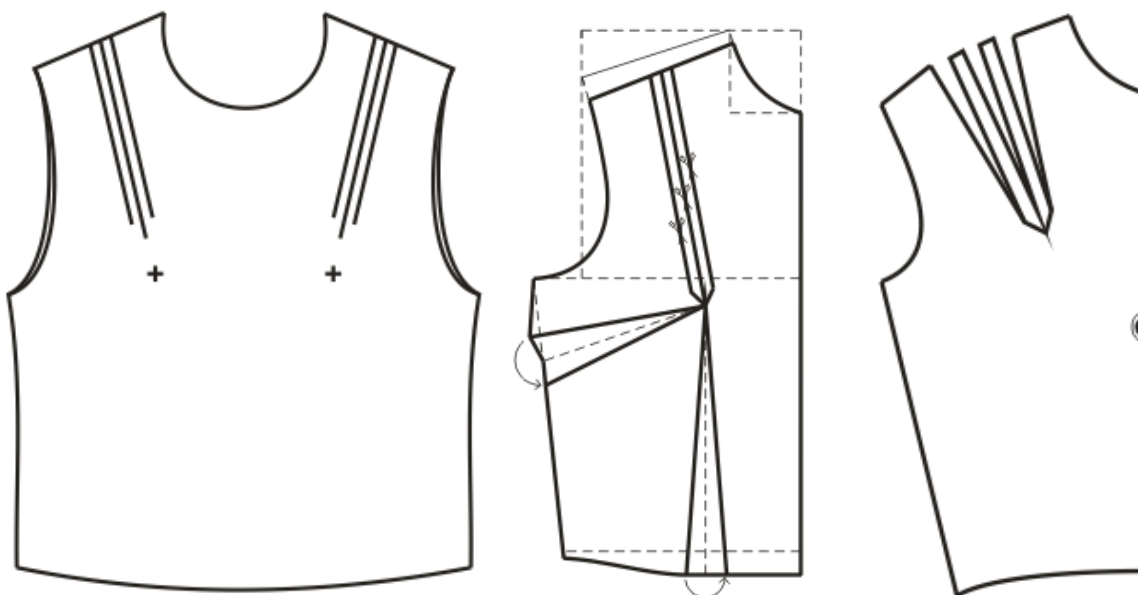
9.14 Áo có pince giữa lai

Kiểu 7



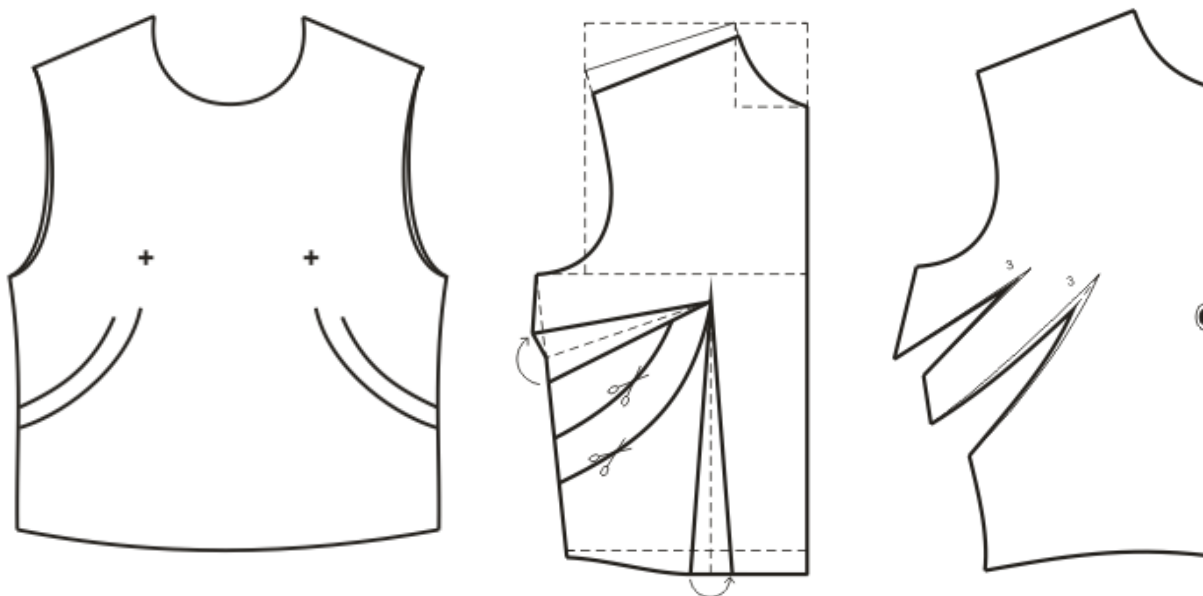
9.14 Áo có pince nách

Kiểu 8



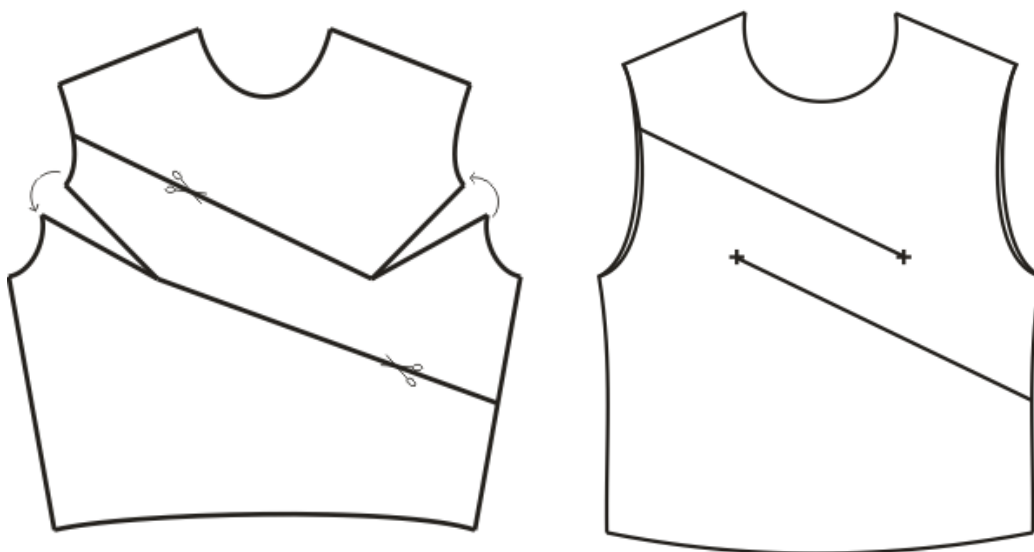
9.15 Áo có pince vai

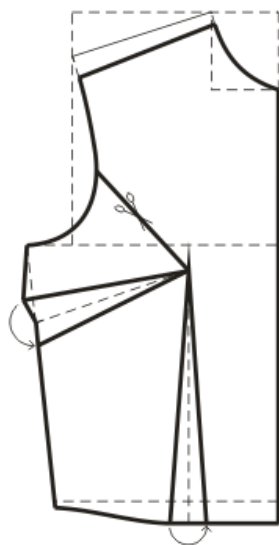
Kiểu 9



9.16 Áo có pince giữa sườn

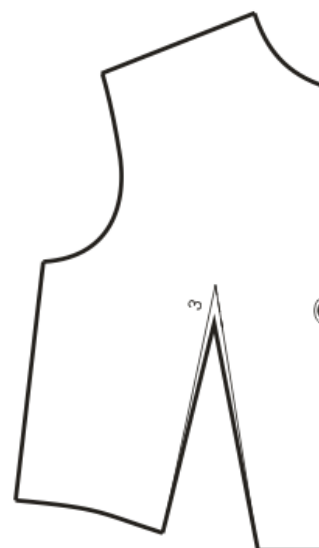
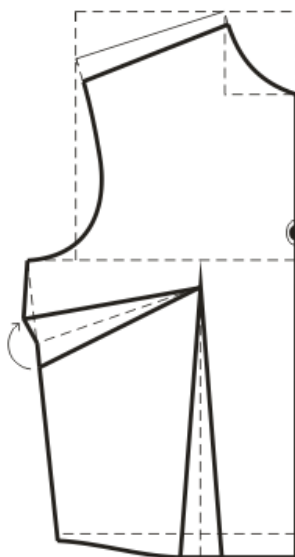
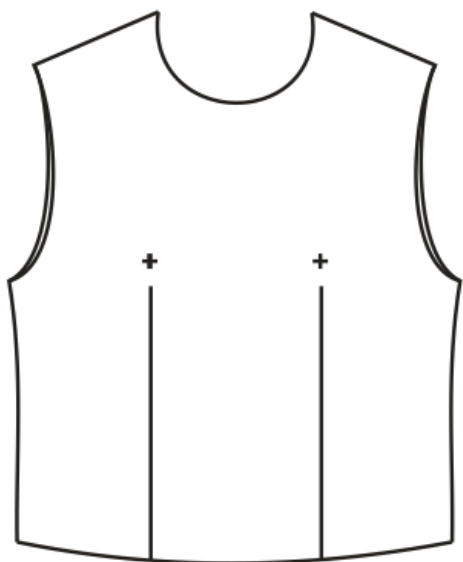
Kiểu 10





9.17 Áo có pince chéo ngực

Kiểu 11



9.18 Áo có pince dọc

Bài tập luyện tập:

1. Có bao nhiêu dạng block áo nữ?
2. Tương ứng với từng dạng, hãy trình bày phương pháp thiết kế.

Bài 10: THIẾT KẾ VÁY CĂN BẢN



Hình 10.1 Hình mẫu minh họa

Bài 10:

THIẾT KẾ VÁY CĂN BẢN

10.1 MỤC TIÊU

10.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

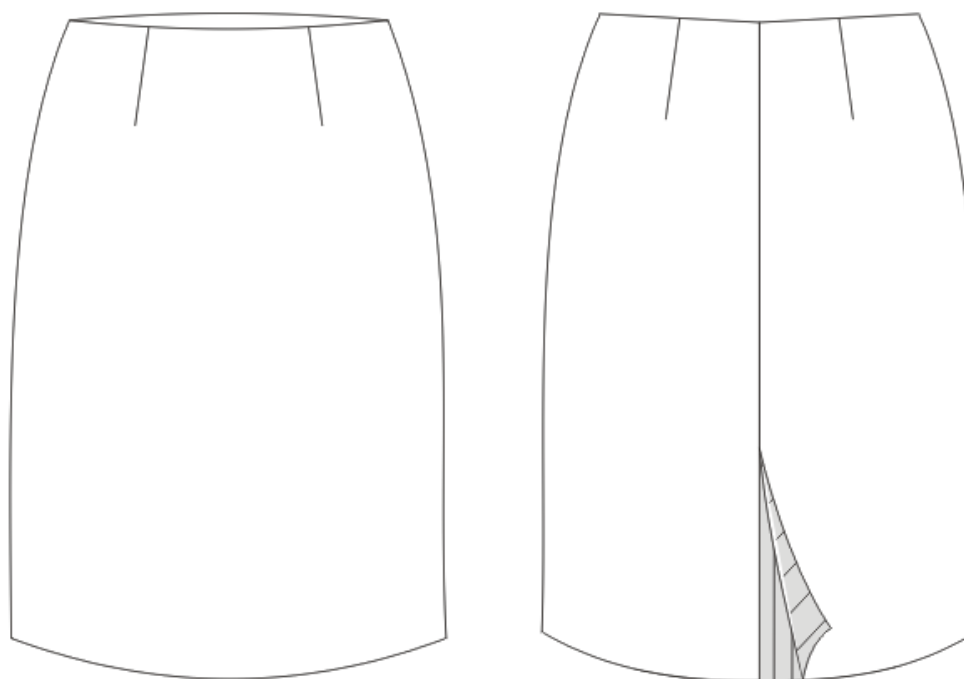
10.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

10.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

10.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 10.2 Hình dáng sản phẩm

10.3 CÁCH VẼ:

10.3.1 THÂN SAU:

Xếp hai biên trùng nhau → từ biên vải đo vào **4 cm làm nếp** → đường biên quay về phía người cắt, vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái.

AB : Dài váy = số đo.

AC : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ eo + 2cm.

CC₁ : 0.5cm

AM : Hạ hông = $\frac{2}{10}$ M + 1cm.

MD : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ M + 1 cm.

Vẽ plis : O là trung điểm AC

Từ O lấy ra mỗi bên 1 cm.

OO₁ = 10cm.

BL : Ngang lai = Ngang hông.

LL₁ Giảm sườn = 1 cm.

10.3.2 THÂN TRƯỚC:

Từ mép vải đo vào $\frac{1}{4}$ M + 1.5 cm **đường may** → xếp đôi vải → sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt, vẽ lưng phía tay phải, vẽ lai phía tay trái → đặt thân sau lên sang dấu chiều dài váy, ngang lưng, ngang hông, ngang lai.

AA₁ : Giảm TT = 0.7 cm.

AC : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ eo + 2cm.

CC₁ : 0.5cm

AM : Hạ hông = $\frac{2}{10}$ M + 1cm.

MD : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ M.

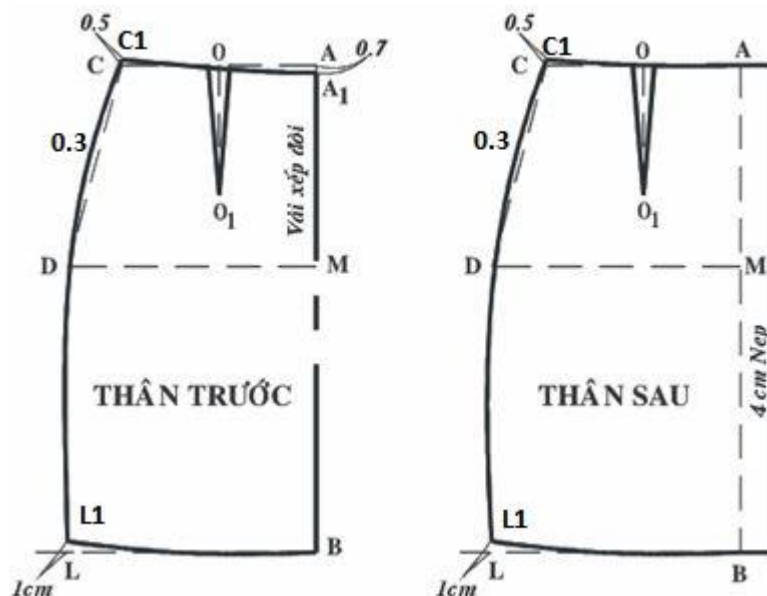
Vẽ plis : O là trung điểm AC.

Từ O lấy ra mỗi bên 1 cm.

OI = 10cm.

BL : Ngang lai = Ngang hông.

LL₁ = Giảm sườn = 1 cm.



Hình 10.3 Thân trước, thân sau

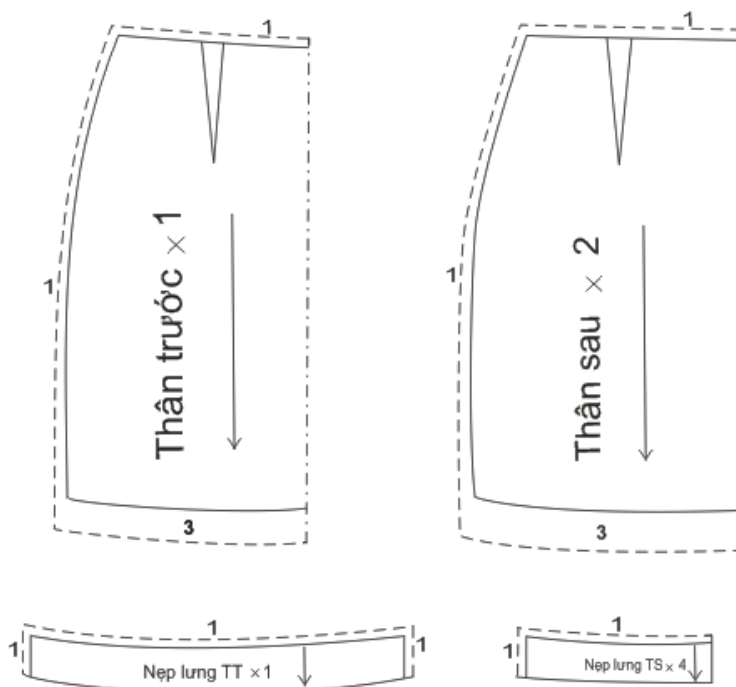
10.3.3 NỆP LƯNG LIỀN:



Hình 10.4 Nẹp lưng liền

10.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Lai chữa đường may 3cm.
- Các đường còn lại chữa đường may đều 1cm.



Hình 10.5 Qui cách chữa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế váy căn bản lưng liền, tỉ lệ 1:1 theo số đo của em trên giấy rập cứng.
⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế thân trước váy căn bản, tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 11: THIẾT KẾ CÁC DẠNG VÁY



Hình 11.1 Hình mẫu minh họa

Bài 11:

THIẾT KẾ CÁC DẠNG VÁY

11.1 MỤC TIÊU

11.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

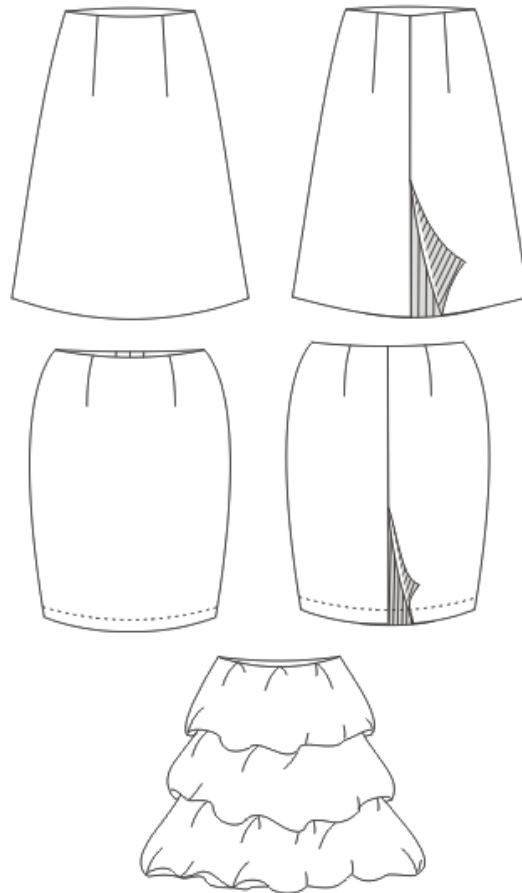
11.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

11.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

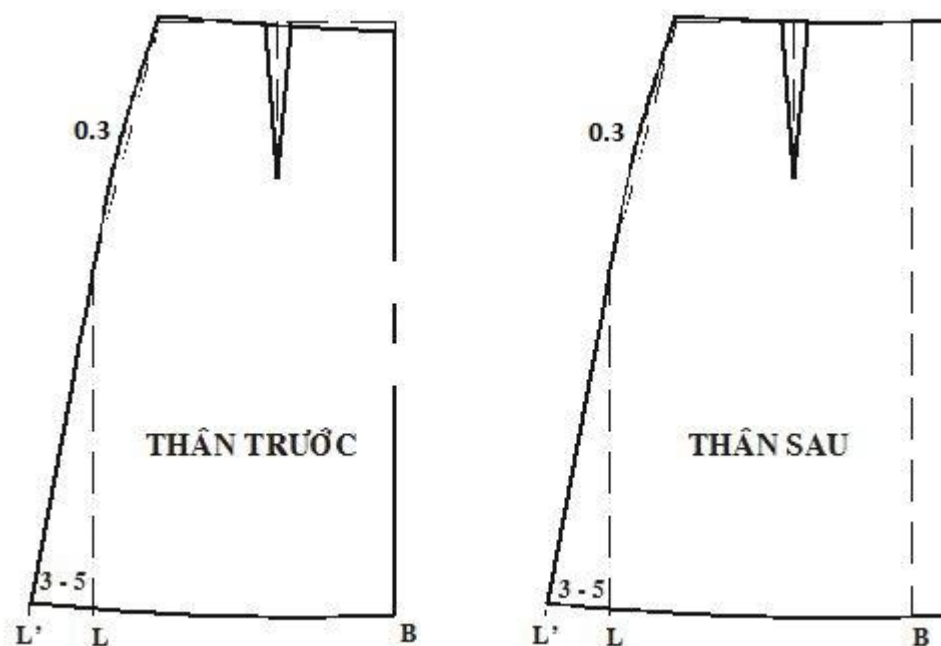
11.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 11.2 Hình dáng sản phẩm

11.3 VÁY CHỮ A :

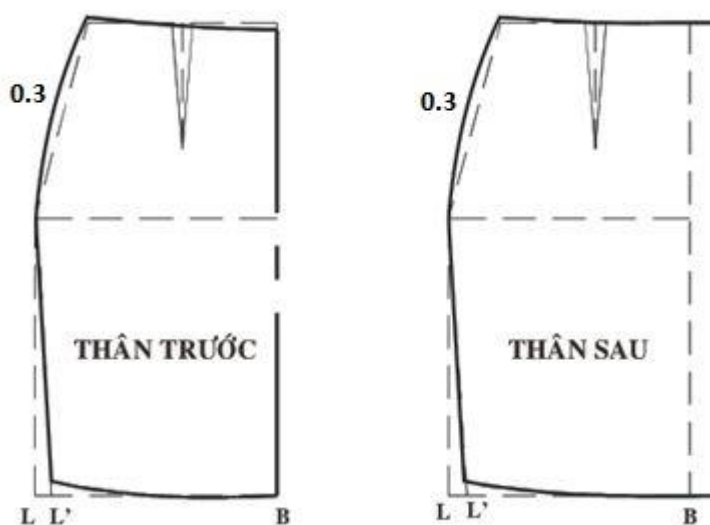
Giống váy căn bản nhưng ngang lai rộng ra : $BL' = \text{Ngang mông} + 3 \rightarrow 5$.



Hình 11.3 Váy chữ A

11.4 VÁY TÚM:

Giống váy căn bản nhưng ngang lai nhỏ hơn: $BL' = \text{Ngang mông} - 1.5\text{cm}$.



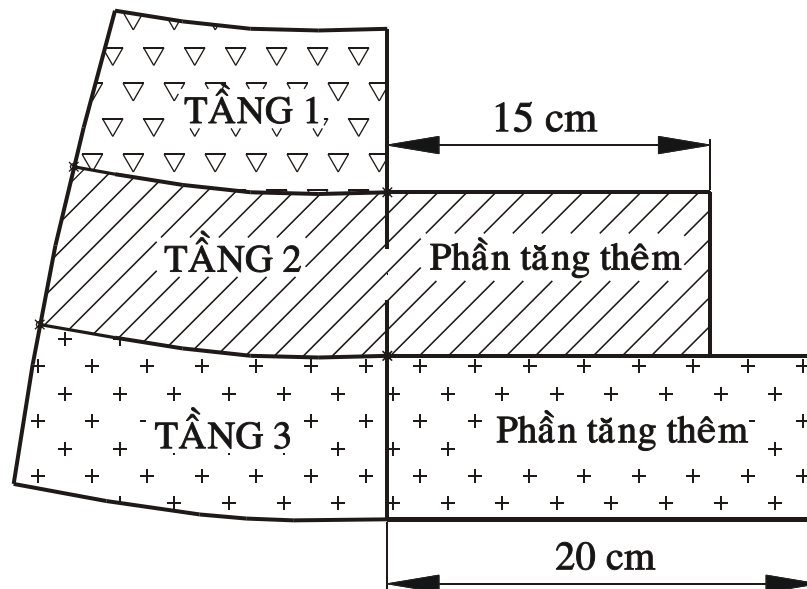
Hình 11.4 Váy túm

11.5 VÁY TẦNG:

Sử dụng rập giấy để cắt.

Chia tầng :

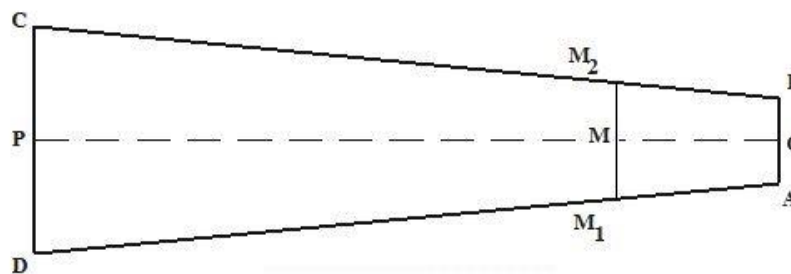
- Vẽ lại váy căn bản.
- Chia chiều dài váy thành 3 phần bằng nhau.
- Tầng 1 giữ nguyên.
- Mỗi tầng dưới + 15 → 20cm để rút dún.



Hình 11.5 Váy tầng

11.6 VÁY TÁM MẢNH:

- $AB = 1/8$ vòng eo (vòng hông nếu may luôn thun)
- O là trung điểm AB
- OP : Dài váy = số đo
- OM : Hạ hông = $2/10 M + 1$
- $M_1M_2 = 1/8$ (Vòng hông + 1 cm)
- Kéo dài $BM_2, AM_1 \rightarrow$ cắt Ngang lại tại C, D
- $PC = PD$
- $BC = AD$

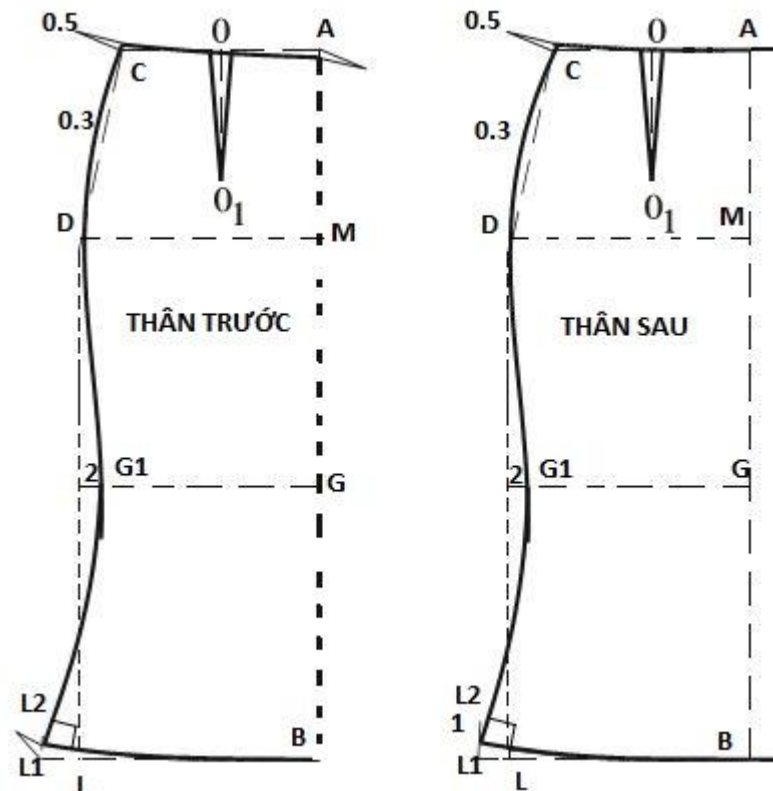


Hình 11.6 Váy tám mảnh

11.7 VÁY ĐUÔI CÁ:

Vẽ lại thân trước – thân sau váy căn bản có số đo hạ gối.

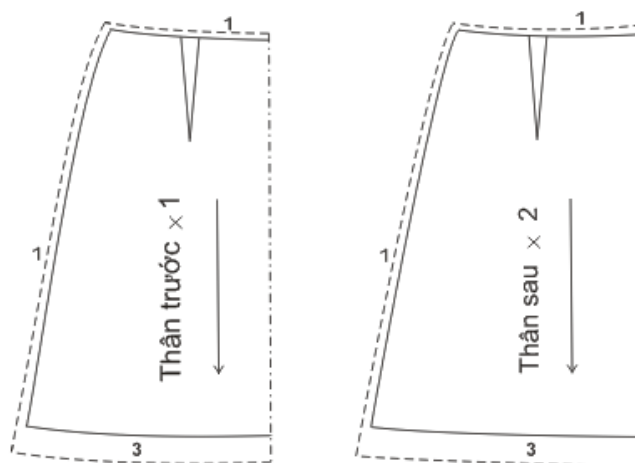
- AB : Dài váy = số đo = 70 cm.
- AG : Hạ gối = số đo = 45 cm.
- AC : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ eo + 2cm(pince).
- DM : Ngang hông = $\frac{1}{4}$ M.
- GG_1 : Ngang gối = MD – 2 cm.
- BL : Ngang lai = Ngang hông + 3cm.



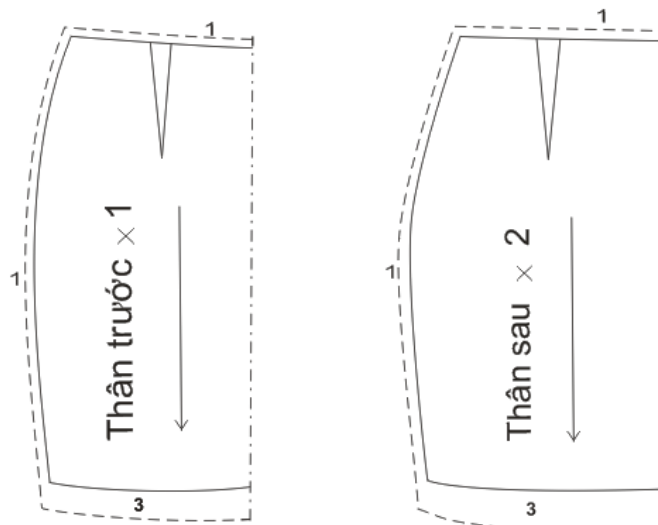
Hình 11.7 Váy đuôi cá

11.8 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

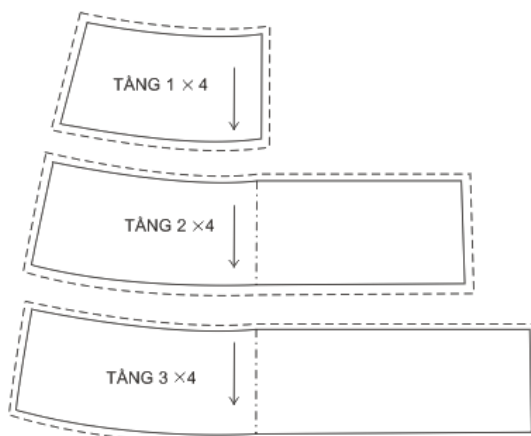
- Lai chữa đường may 3cm.
- Các đường còn lại chữa đường may 1cm.



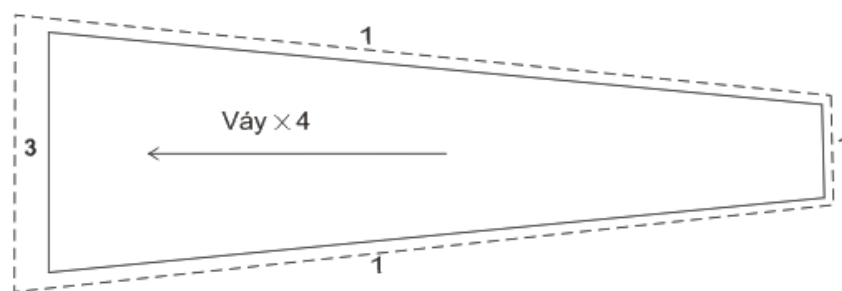
Hình 11.8 Qui cách chừa đường may váy chữ A



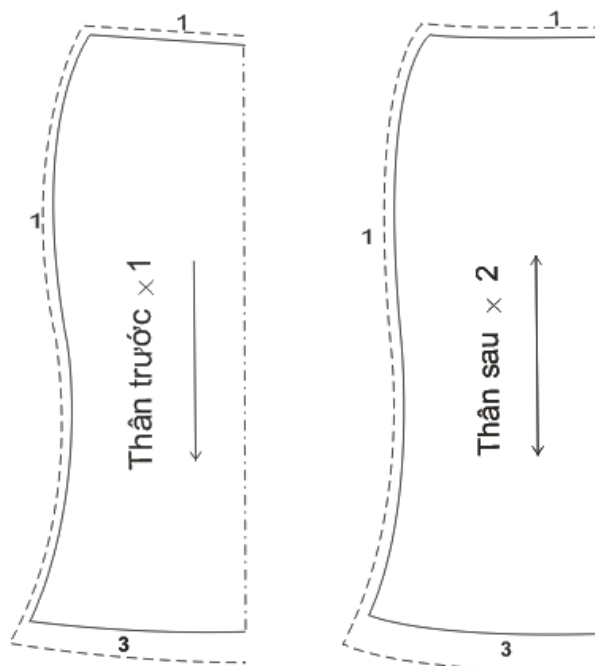
Hình 11.9 Qui cách chừa đường may váy túm



Hình 11.10 Qui cách chừa đường may váy tầng



Hình 11.11 Qui cách chừa đường may váy tám mảnh



Hình 11.12 Qui cách chừa đường may váy đuôi cá

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế các kiểu váy, tỉ lệ 1:1 mà em thích trên giấy ráp cứng.
⇒ Chuẩn bị bài: xem lại bài áo nữ căn bản.

Bài 12:
THIẾT KẾ ÁO ĐÀM BÉ GÁI THÂN LIỀN – THÂN RỜI



Hình 12.1 Hình mẫu minh họa

Bài 12:

THIẾT KẾ ÁO ĐẦM BÉ GÁI THÂN LIỀN – THÂN RỜI

12.1 MỤC TIÊU

12.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

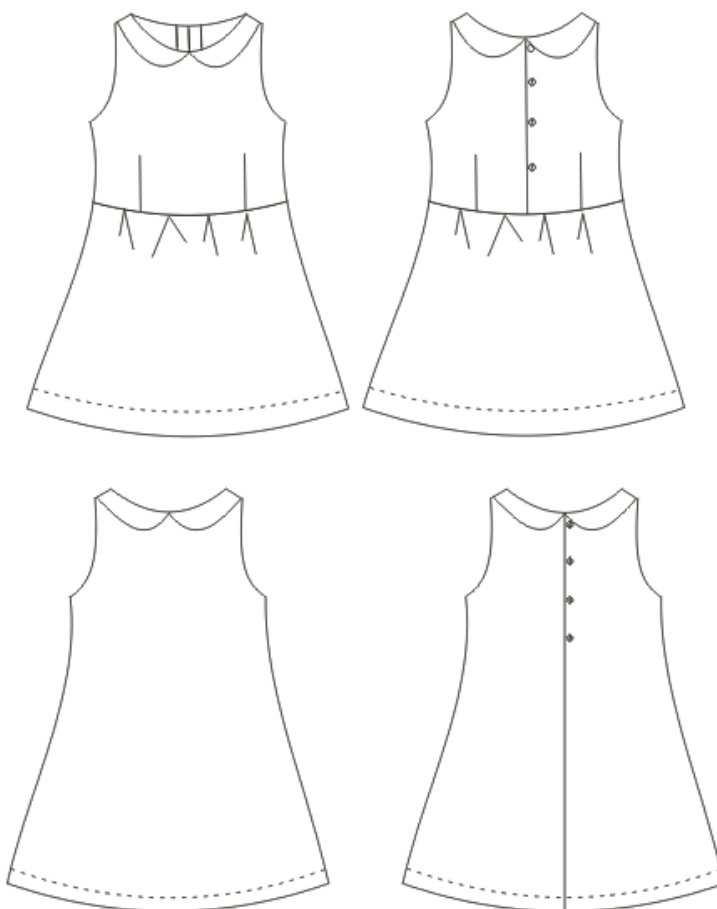
12.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

12.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

12.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 12.2 Hình dáng sản phẩm

12.3 ÁO ĐẦM BÉ GÁI THÂN LIỀN:

12.3.1 Thân trước:

Từ biên vải đo vào 3 cm làm nếp , 1.5 cm làm khuy nút , từ đầu vai tay đo xuống 1.5 cm chừa đường may , biên quay về phía người cắt .

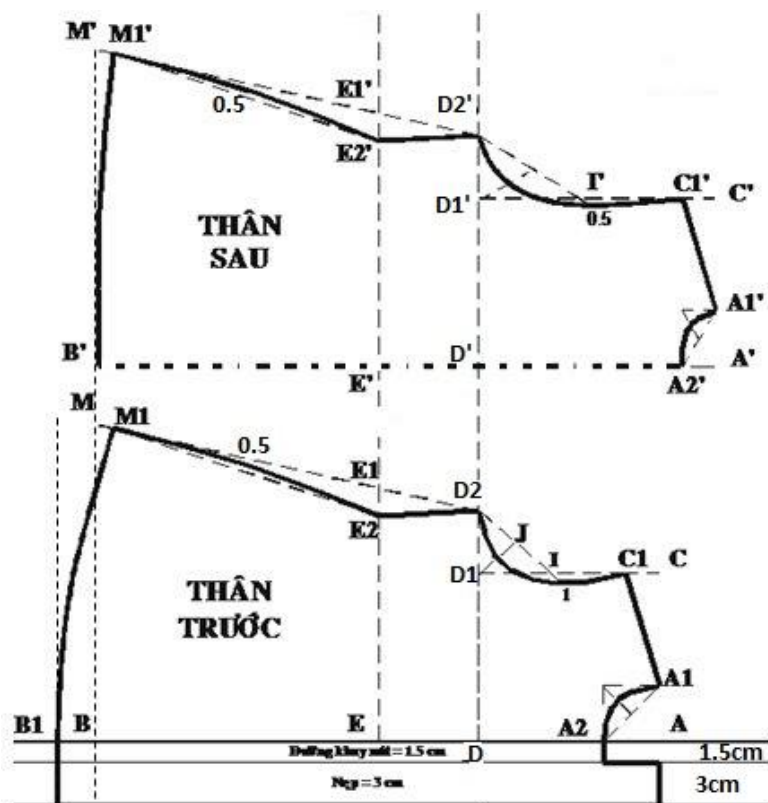
AB	: dài áo	=	Sđ – 2 cm chồm vai
AA1	: Vào cổ trước	=	1/6 cổ
AA2	: Hạ cổ	=	1/6 cổ
AC	: Ngang vai	=	1/2 Vai – 0.5 cm
CC1	: Hạ vai	=	1/10 Vai
C1D1	: Hạ nách	=	½ Vòng nách – 2 cm
DD2	: Ngang ngực	=	¼ Ngực + 2 cm
AE	: Hạ eo	=	Sđ – 2 cm
E2E1		=	2 cm
BM	: Ngang lai	=	¼ Mông + 2cm + 1/10 Mông
BB1	: Sa vạt	=	2 cm
MM1	: Giảm sườn	=	1 cm

12.3.2 Thân sau:

Từ mép vải đo vào ¼ mông + 3 cm + 1/10 mông + 1.5 cm (chừa đường may)

→ xếp đôi vải, sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt

A'B'	: Dài áo	=	Sđ + 2 cm
A'A1'	: Vào cổ sau	=	1/6 Cổ
A'A2'	: Hạ cổ	=	1/10 Cổ
A'C'	: Ngang vai	=	½ Vai + 0.5 cm
C'C1'	: Hạ vai	=	1/10 Vai
C1'D1'	: Hạ nách	=	½ Vòng nách + 2 cm
D'D2'	: Ngang ngực	=	¼ Ngực + 2 cm
A'E'	: Hạ eo	=	Sđ + 2 cm
E1E2'		=	2 cm
B'M'	: Ngang lai	=	¼ Mông + 2 cm + 1/10 Mông
M'M1'	: Giảm sườn	=	1 cm

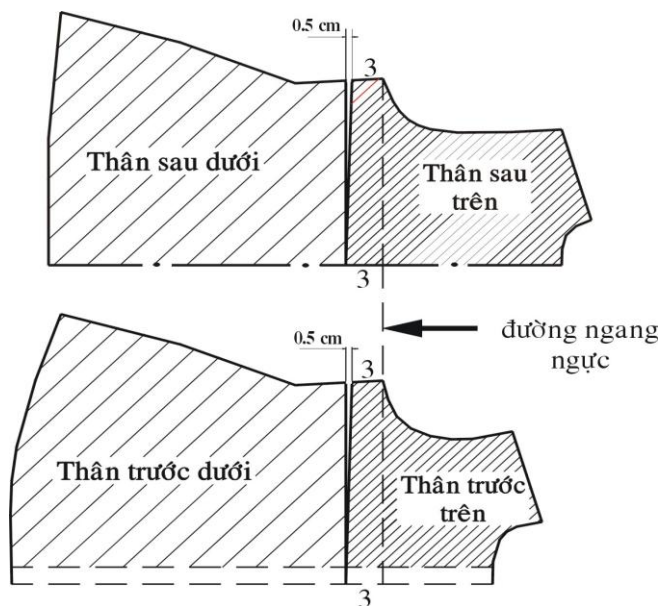


Hình 12.3 Áo đầm bé gái thân liền

12.4 ÁO ĐÀM BÉ GÁI THÂN RỜI:

12.4.1 Áo đầm bé gái có đường ráp ngang ngực:

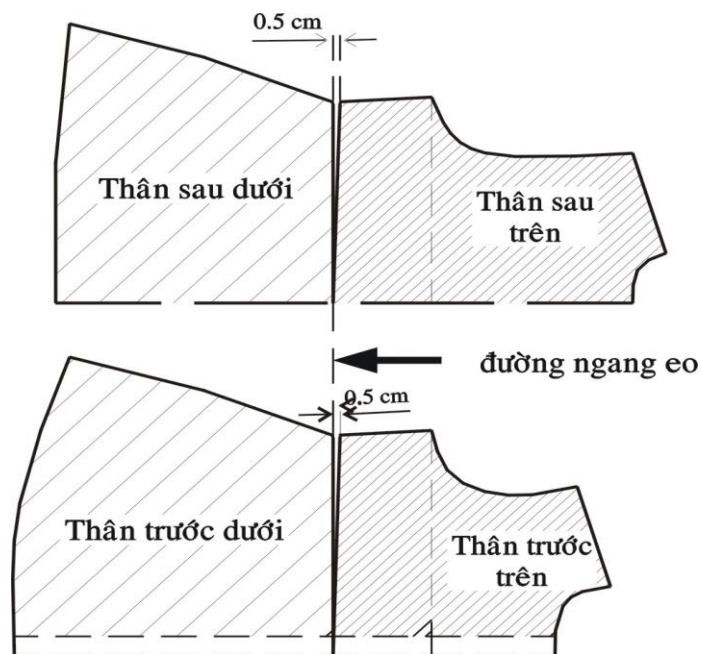
Giống áo đầm căn bản → cắt rời thân → cách đường ngang ngực 3 cm, giảm thân trên về phía sườn 0.5 cm



Hình 12.4 Áo đầm có đường ráp ngang ngực

12.4.2 Áo đầm bé gái có đường ráp ngang eo:

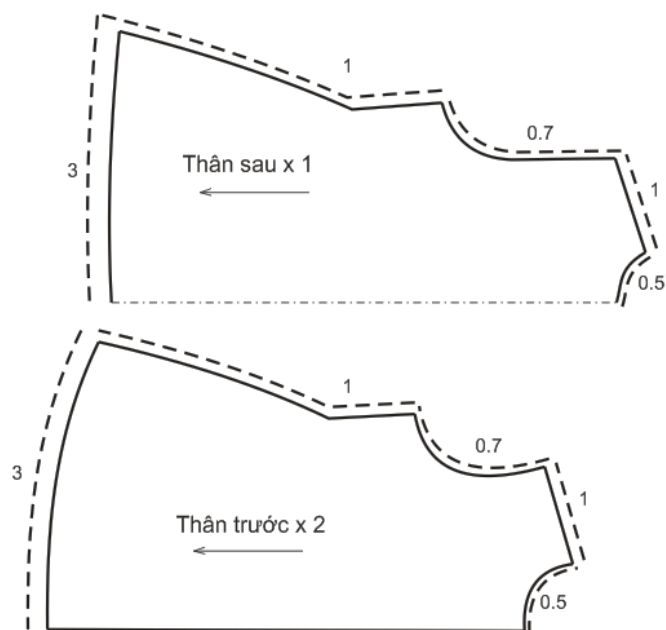
Giống áo đầm căn bản → cắt rời thân tại ngang eo → giảm thân trên về phía sườn 0.5 cm

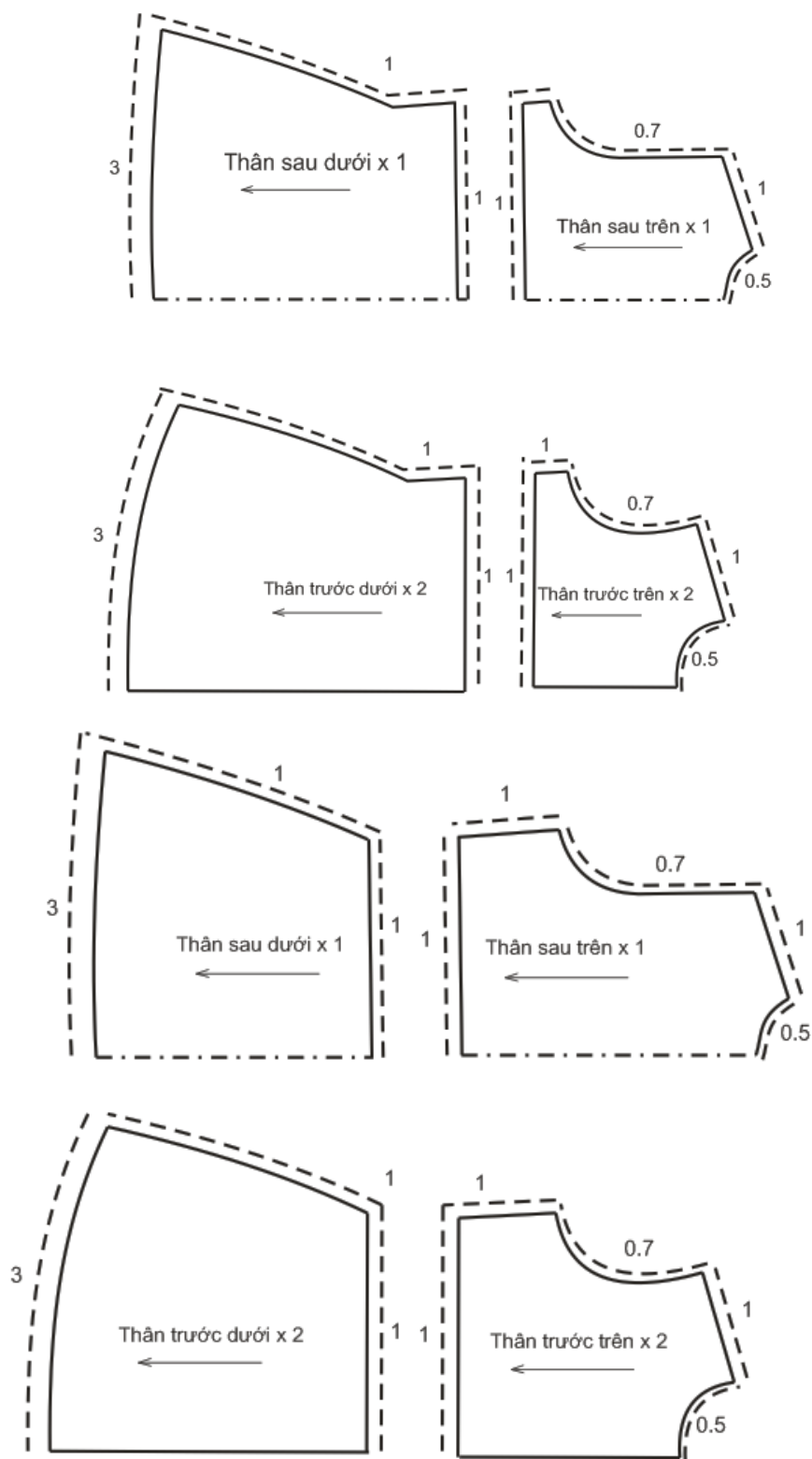


Hình 12.5 Áo đầm có đường ráp ngang eo

12.5 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa đường may 0.5cm.
- Vòng nách thân cổ chữa đường may 0.7cm.
- Các đường còn lại chữa đường may 1cm.





Hình 12.6 Quy cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế áo đầm bé gái thân liền?
2. Thiết kế áo đầm bé gái có đường ráp ngang ngực, không tay?
3. Thiết kế áo đầm bé gái có đường ráp ngang eo, không tay?
- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau :

– Ngang vai	: 24 cm		
– Dài áo	: 42 cm	– Vòng cổ	: 24 cm
– Hạ eo	: 22 cm	– Vòng nách	: 25 cm
– Dài tay	: 14 cm	– Vòng ngực	: 54 cm
– Rộng tay	: 20 cm	– Vòng eo	: 52 cm
		– Vòng hông	: 56 cm

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.
- Với ni mẫu tự chọn.

Bài 13: THIẾT KẾ ÁO ĐÀM CĂN BẢN



Hình 13.1 Hình mẫu minh họa

Bài 13:

THIẾT KẾ ÁO ĐẦM CĂN BẢN

13.1 MỤC TIÊU

13.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

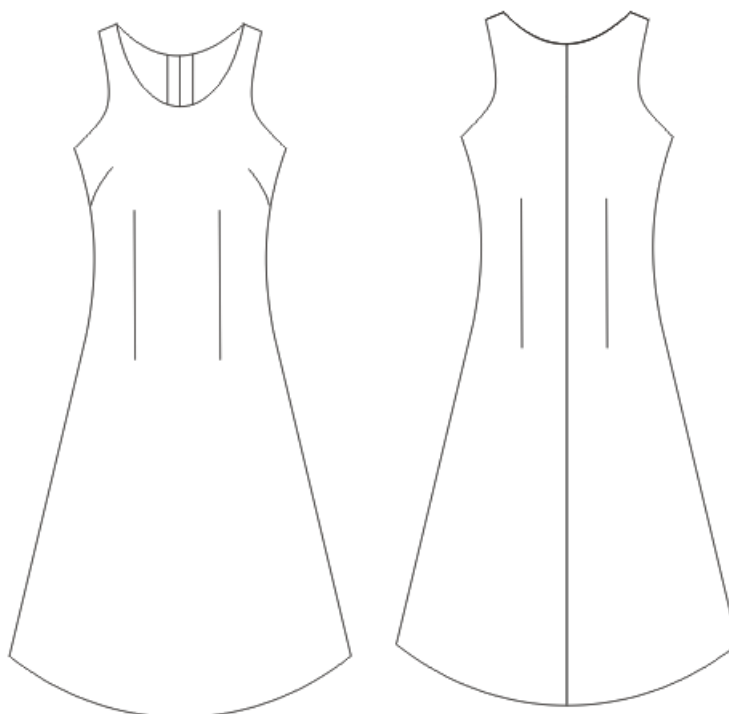
13.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

13.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

13.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 13.2 Hình dáng sản phẩm

13.3 CÁCH VẼ:

13.3.1 THÂN TRƯỚC:

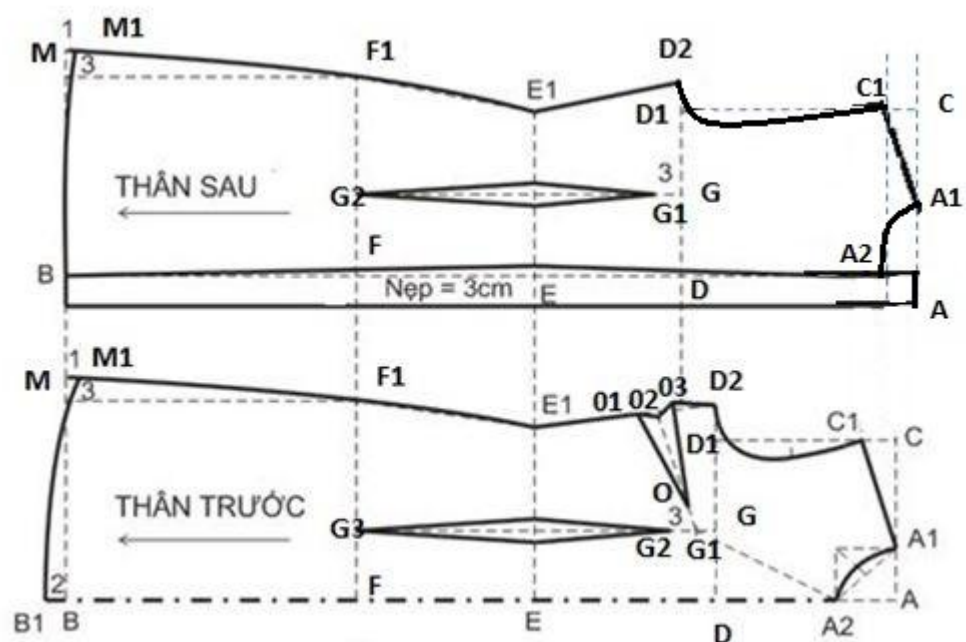
Từ biên đo vào $\frac{1}{4}$ *Mông* + 7 cm + 1.5 cm *chừa đường may* → Xếp đôi vải, sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt

- AB : Dài áo = số đo - 2 cm chồm vai
- AA₁ : Vào cổ = $\frac{1}{6}$ Cổ - 0.5cm
- AA₂ : Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ Cổ + 0.5cm
- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai - 0.5 cm.
- CC₁ : Hạ vai = 4 cm
- C₁D₁ : Hạ nách = $\frac{1}{2}$ Vòng nách - 2 cm.
- DD₂ : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 2 cm.
- AE : Hạ eo trước = Số đo hạ eo trước - 2 cm.
= (Số đo hạ eo sau - 2 → 3 cm)
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2 cm cử động + 2 cm pince.
- EF : Hạ mông = $\frac{2}{10}$ Mông + 1 cm.
- FF₁ : Ngang mông = $\frac{1}{4}$ Mông + 1 cm.
- BM : Ngang lai = Ngang mông (hoặc + 3 → 5)
- BB₁ : Sa vạt = 2 cm.
- MM₁ : Giảm sườn = 1 cm.

13.3.2 THÂN SAU:

Từ mép vải đo vào 3 cm làm nếp, từ đầu vải đo xuống 1.5 cm chừa đường may, biên quay về phía người cắt.

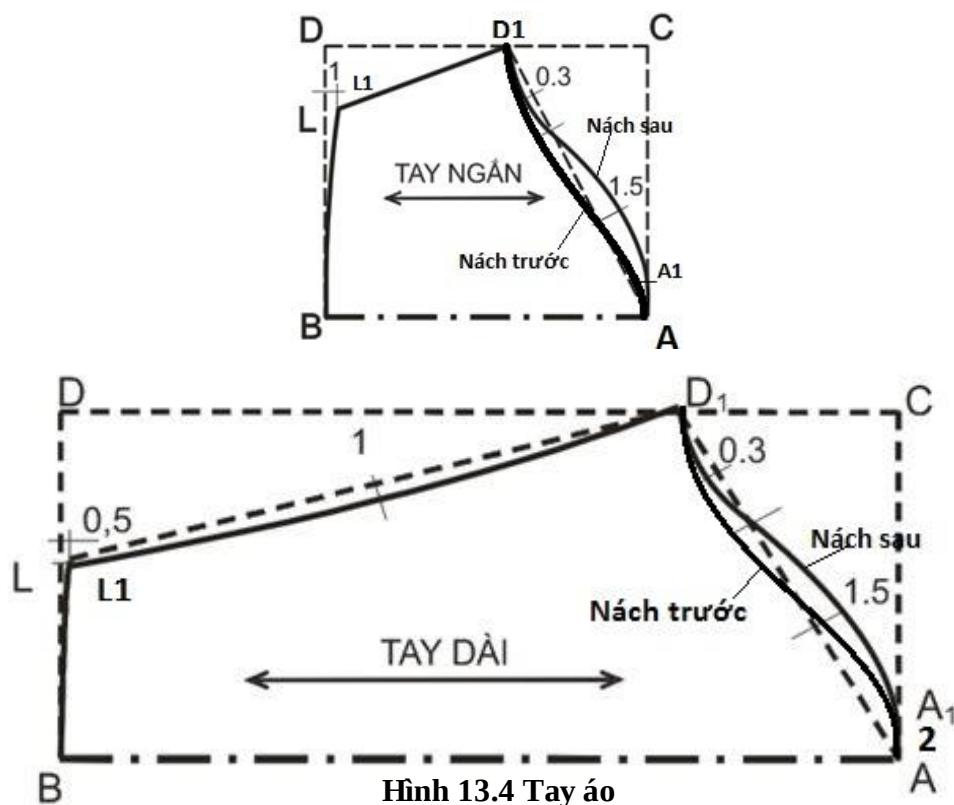
- AB : Dài áo = Số đo + 2 cm Chồm vai.
- AA₁ : Vào cổ sau = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1cm.
- AA₂ : Hạ cổ = Chồm vai + 1 cm.
- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai + 0.5 cm.
- CC₁ : Hạ vai = 4 cm.
- DD₂ : Hạ nách = $\frac{1}{2}$ Vòng nách + 2 cm.
- NN₁ : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực.
- AE : Hạ eo sau = số đo hạ eo sau + 2 cm.
- EE₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4}$ Eo + 2 cm pince + 1 cm.
- EF : Hạ mông = $\frac{2}{10}$ Mông + 1 cm.
- FF₁ : Ngang mông = $\frac{1}{4}$ Mông + 1cm.
- BM : Ngang lai = Ngang mông (hoặc + 3 → 5)
- MM₁ : Giảm sườn = 1 cm.



Hình 13.3 Thân trước, thân sau

TAY ÁO:

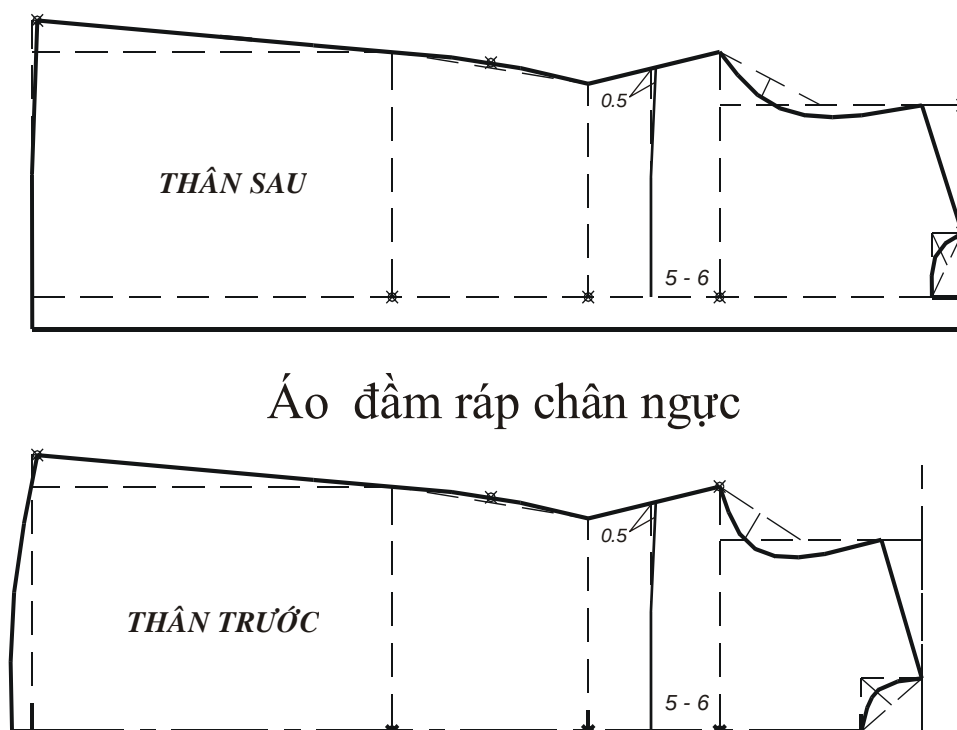
Giống tay áo căn bản



Hình 13.4 Tay áo

13.4 ÁO ĐẦM CÓ ĐƯỜNG RÁP CHÂN NGỰC:

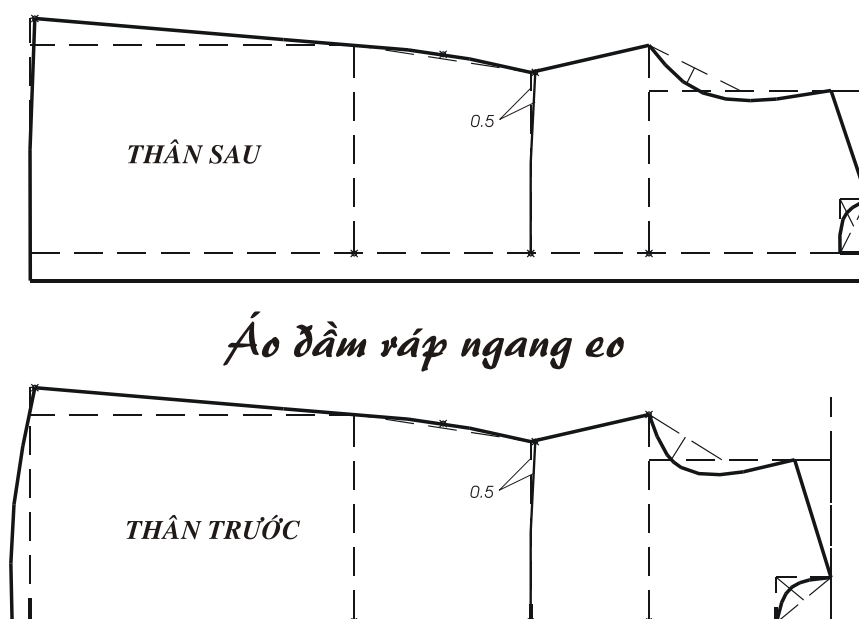
Giống áo đầm nữ căn bản → cắt rời thân cách đường ngang ngực 5 cm, giảm thân trên 0.5 cm về phía sườn.



Hình 13.5 Áo đầm có đường ráp chân ngực

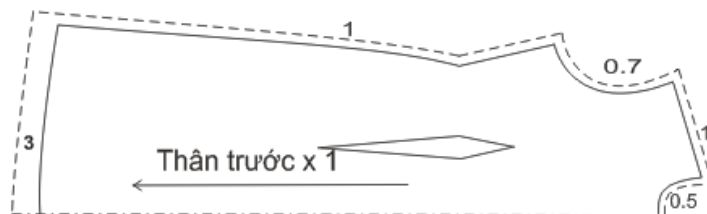
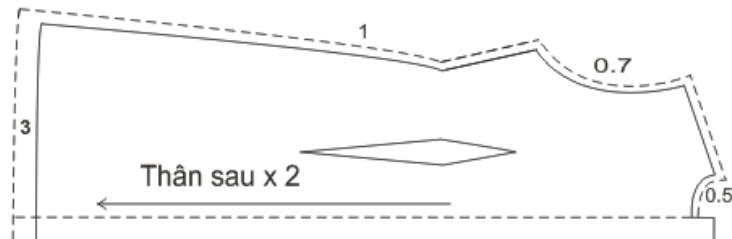
13.5 ÁO ĐẦM CÓ ĐƯỜNG RÁP NGANG EO:

Giống áo đầm nữ căn bản → cắt rời thân tại ngang eo, giảm thân trên 0.5 cm về phía sườn.



QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Lai chừa đường may 3cm.
- Vòng nách tay chừa đường may 0.7cm.
- Vòng cổ chừa đường may 0.5cm.
- Các đường còn lại chừa đường may đều 1cm.



Hình 13.7 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

1. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản ?
2. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản có đường ráp ngang ngực ?
3. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản đường ráp ngang eo?

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm	Vòng cổ	: 32 cm
Dài áo	: 64 cm	Vòng nách	: 36 cm
Hạ eo	: 38 cm	Vòng ngực	: 84 cm
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm	Vòng eo	: 64 cm
	* Dài = 48 cm	Vòng hông	: 88 cm
Bắp tay	: 26 cm (tay ngắn)	Chéo ngực	: 19 cm
Năm tay	: 24 cm (tay dài)	Dang ngực	: 18 cm

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 14

THIẾT KẾ ÁO ĐÀM TÁM MẢNH



Hình 14.1 Hình mẫu minh họa

Bài 14

THIẾT KẾ ÁO ĐÀM TÁM MẢNH

14.1 MỤC TIÊU

14.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm áo đầm tám mảnh.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm áo đầm tám mảnh.

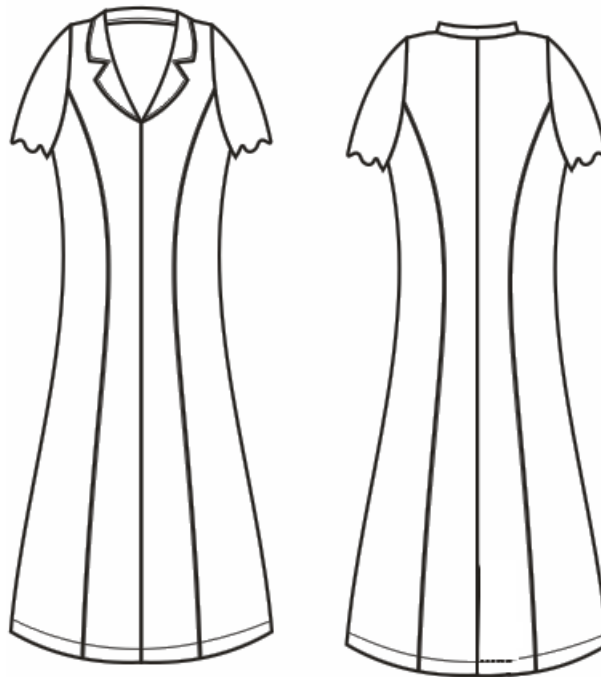
14.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

14.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

14.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 14.2 Hình dáng sản phẩm

14.3 CÁCH VẼ:

14.3.1 THÂN TRƯỚC:

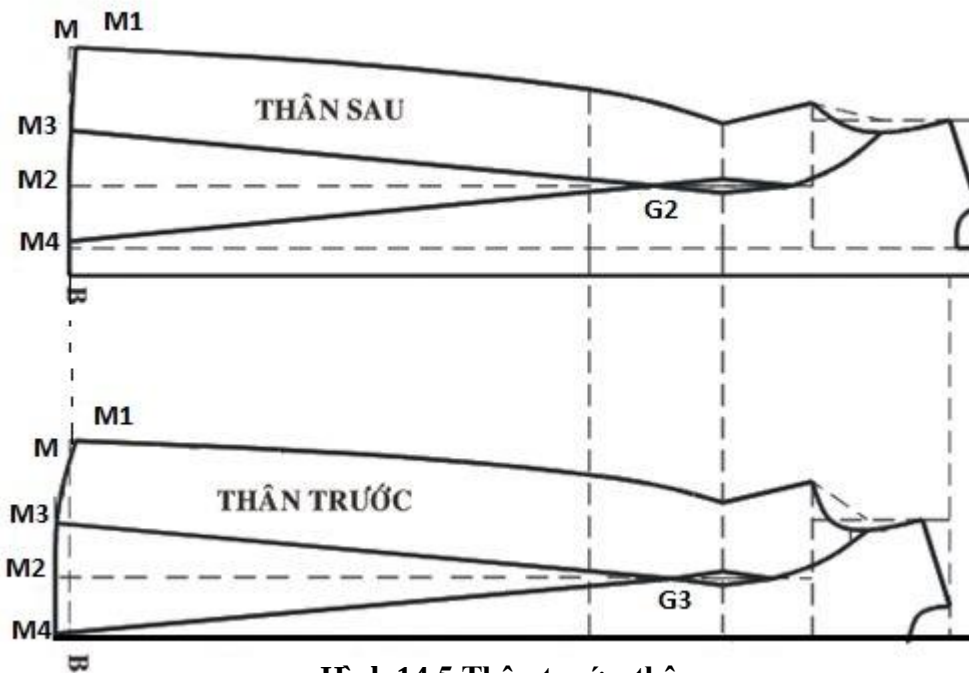
Vẽ lại TT đầm căn bản có pince ngực và pince eo trên giấy nhưng khác như sau:

- BM : Ngang lai = ngang hông (hoặc + 3 → 5 cm).
- Rã thân áo : sử dụng rập giấy.
- $M_2M_3 = M_2M_4 = 8 \rightarrow 10$ cm.
- Nối lần lượt M_3 & M_4 với G_3 (Thân trước)

14.3.2 THÂN SAU:

Sử dụng rập giấy vẽ lại TS đầm căn bản nhưng khác như sau

- BM : Ngang lai = ngang hông (hoặc + 3 → 5 cm).
- Rã thân áo : sử dụng rập giấy.
- $M_2M_3 = M_2M_4 = 8 \rightarrow 10$ cm.
- Nối lần lượt M_3 & M_4 với G_2 (Thân sau)

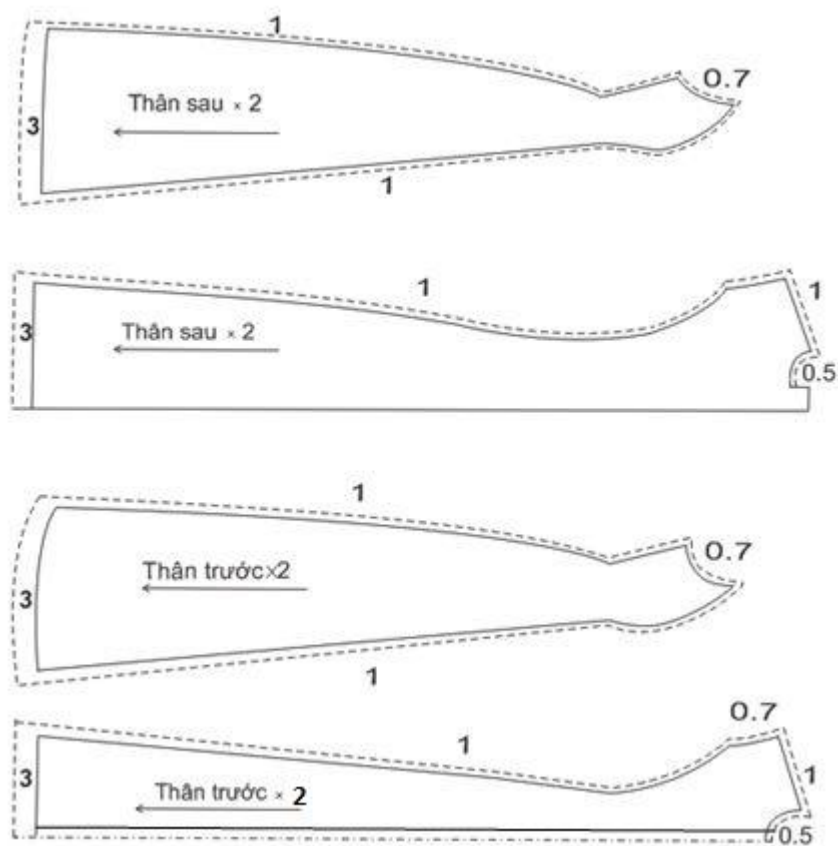


Hình 14.5 Thân trước, thân sau

14.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

Sườn hông, sườn ống cắt chữa đường may 1.5 cm, lưng và vòng đáy chữa 1 cm.

Vòng đáy thân sau ở trên lưng chữa 3 cm, vòng cong đáy chữa 1 cm, lai 4 cm.



Hình 14.6 Quy cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế áo đầm tám mảnh.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm	Vòng cổ	: 32 cm
Dài áo	: 64 cm	Vòng nách	: 36 cm
Hạ eo	: 38 cm	Vòng ngực	: 84 cm
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm	Vòng eo	: 64 cm
	* Dài = 48 cm	Vòng hông	: 88 cm
Bấp tay	: 26 cm (tay ngắn)	Chéo ngực	: 19 cm
Nắm tay	: 24 cm (tay dài)	Dang ngực	: 18 cm

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 15

THIẾT KẾ QUẦN ÁU NỮ CĂN BẢN



Hình 15.1 Hình mẫu minh họa

Bài 15

THIẾT KẾ QUẦN ÂU NỮ CĂN BẢN

15.1 MỤC TIÊU

15.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Thiết kế được các chi tiết sản phẩm quần âu nữ.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm quần âu nữ.

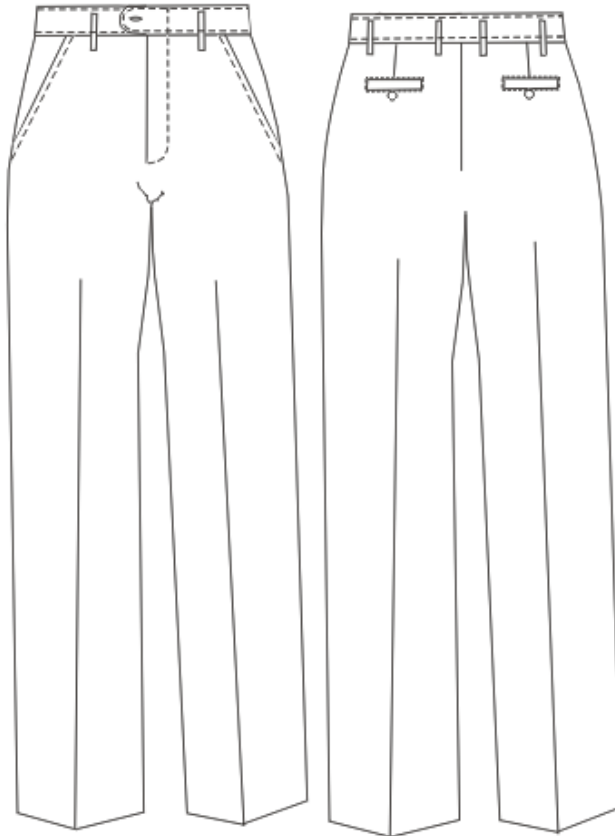
15.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm quần âu nữ theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

15.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

15.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG



Hình 15.2 Hình dáng sản phẩm

15.3 CÁCH VẼ:

15.3.1 Thân trước:

Xếp 2 biên vải trùng nhau, biên ở tay phải người cắt, từ biên đo vào 1.5 cm chừa đường may và bắt đầu vẽ :

- AB : Dài quần = số đo.
- AC : Hạ đáy = $\frac{1}{4} M + 4 \text{ cm}$.
- CD : Ngang đáy = $\frac{1}{4} M + 4 \text{ cm}$.
- I là trung điểm CD.
- AO = CI.
- OI là đường chính trung của quần.
- DD₁ : Vào đáy = 3 cm.
- D₁E ⊥ CD.
- EE₁ = 1 cm.
- E₁A₁ : Ngang lưng = $\frac{1}{4} eo$.
- CN : Hạ đùi = 10 cm.
- N₁N₂ : Ngang đùi = Ngang đáy – 4 cm.
- AG : Hạ gối = số đo (hoặc = $\frac{1}{2}$ Dài quần).
- G₁G₂ : Ngang gối = Ngang đáy – 8 cm.
- B₁B₂ : Ngang lai = Rộng ống – 2 cm.

• Vẽ đường sườn :

- Chia AC thành 3 đoạn bằng nhau → Nối A₁ và vẽ cong đoạn 2/3 phía trên và ra 0.5 cm.
- M₁C = $\frac{1}{3} AC$.
- M₁M₂ = Ngang hông = $\frac{1}{4}$ Mông + 0.5cm.
- Lai = 4 cm.
- Từ A đo xuống 3 cm chừa lưng (=to bản lưng).

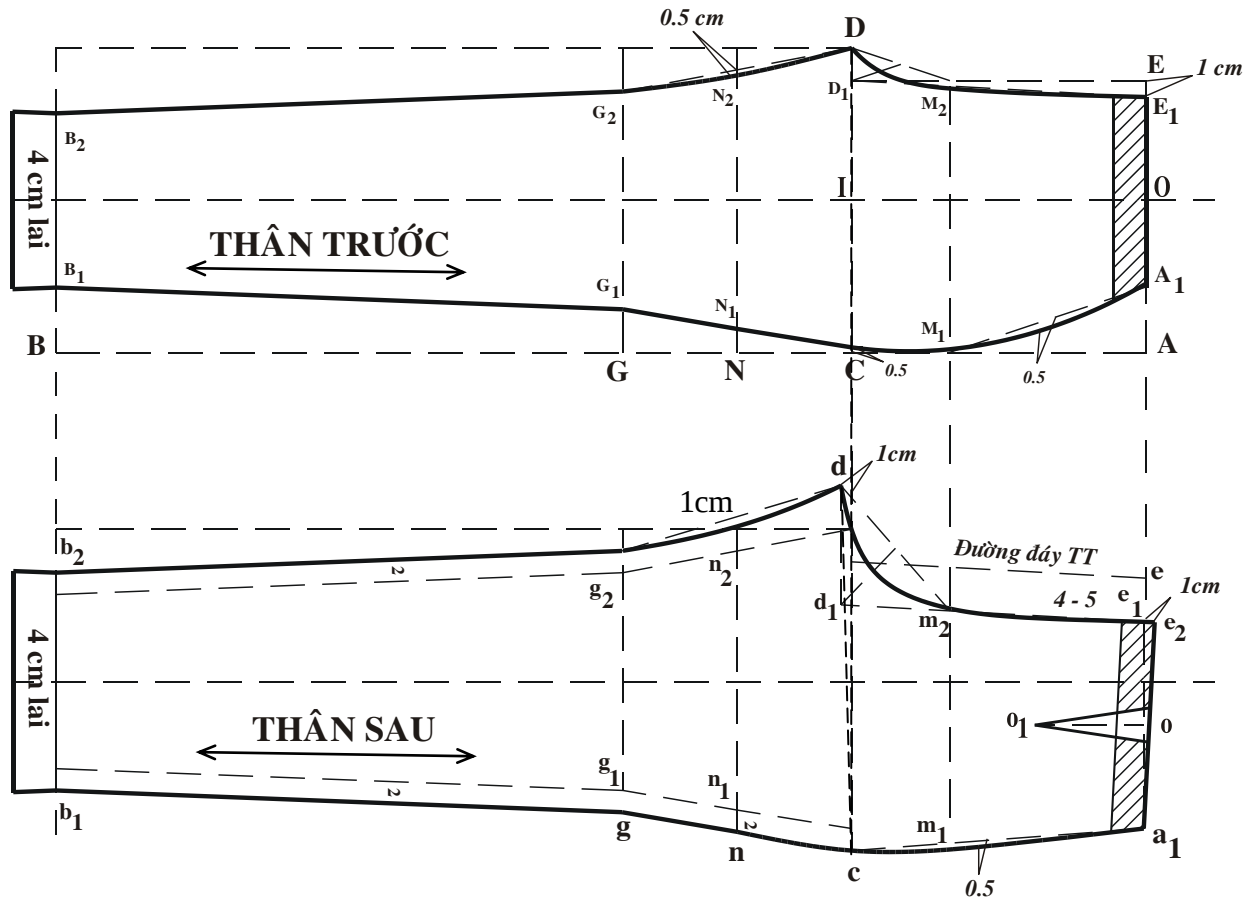
15.3.2 Thân sau:

Đặt thân trước lên phần vải còn lại và lấy dấu đường ngang lưng, ngang hông, ngang đáy, ngang lai và bắt đầu vẽ :

- ab : Dài quần = Dài quần thân trước = Sđ.
- ac : Hạ đáy sau = Hạ đáy trước + 1 cm.
- cd : Ngang đáy sau = Ngang đáy trước + 7 cm.
- dd₁ : Vào đáy = $\frac{1}{10} M + 1 \text{ cm}$.
- m₁m₂ : Ngang hông = $\frac{1}{4} M + 0.5 \text{ cm}$ cử động.
- ee₁ : Xuyên đáy = 4 cm.
- e₁e₂ : Dông lưng thân sau = 1 cm.
- e₁a₁ : Ngang eo = $\frac{1}{4} Eo + 3 \text{ cm}$ (pince)

• *Vẽ plis :*

- $OO_1 = 10 \text{ cm.}$
- O là điểm giữa, đo ra 1.5 cm và nối với O_1 .
- Lai = 4 cm.
- Từ A đo xuống 3 cm chừa lưng (= to bản lưng).



Hình 15.3 Thân trước, thân sau

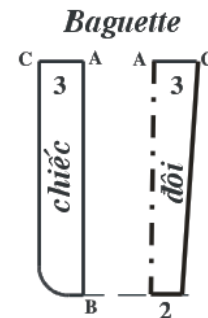
15.3.3 Bragette:

15.3.3.1 Baguette chiếc:

- $AB = 18 \text{ cm.}$
- $AC = 3 \text{ cm.}$

15.3.3.2 Baguette đôi:

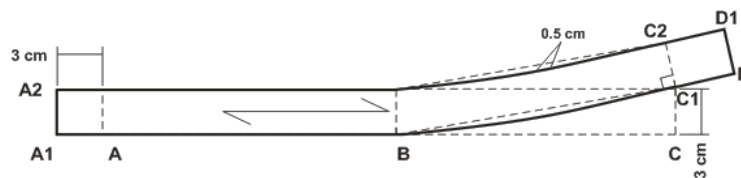
- $AB = 18 \text{ cm.}$
- $AC = 3 \text{ cm.}$
- $BD = 2 \text{ cm.}$



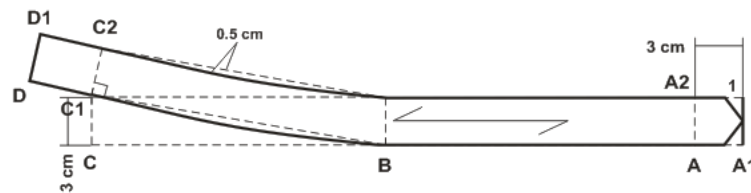
Hình 15.4 Bragette chiếc, đôi

15.3.4 Lưng:

- AB = $\frac{1}{2}$ Eo trước = $\frac{1}{4}$ Số vòng eo.
- BC = $\frac{1}{2}$ Eo sau = $\frac{1}{4}$ Số vòng eo.
- AA₁ = Đầu lưng = 3 cm.
- A₁A₂ : To bản lưng = 3 cm.
- CC₁=C₁C₂= 3cm
- Nối BC₁ và đánh cong 0.5cm.
- C₂D₁= C₁D: Phần trừ hao = 4 cm.
- DD₁: 3 cm.



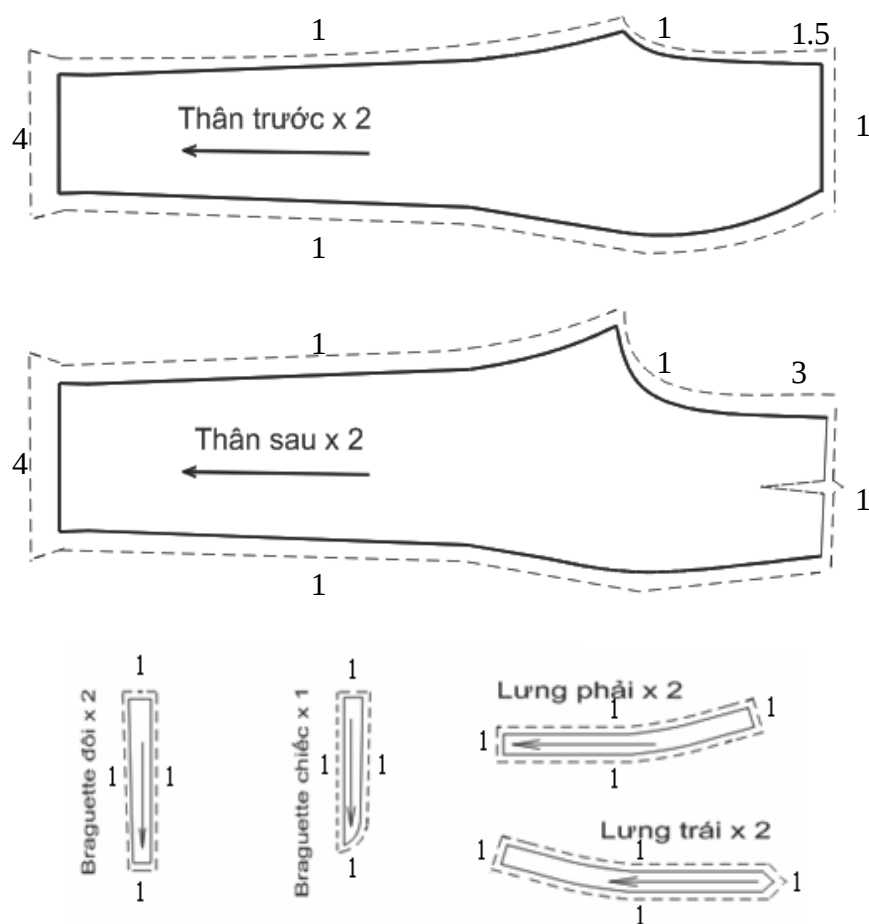
Hình 15.5 Lưng phải



Hình 16.6 Lưng trái

15.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Lai chữa đường may 4cm.
- Vòng đáy thân trước về phía lưng chữa đường may 1.5cm.
- Vòng đáy thân sau về phía lưng chữa đường may 3cm.
- Các đường còn lại chữa đường may đều 1cm.



Hình 15.6 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế quần âu nữ căn bản.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần : 100 cm.
 Hạ gối: 48 cm.
 Vòng eo : 64 cm.
 Vòng mông : 88 cm.

Vòng đùi : 48 cm.
 Vòng gối : 40 cm.
 Rộng ống : 18 cm.

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 16

THIẾT KẾ CÁC DẠNG TÚI QUẦN ÂU NỮ



Hình 16.2 Hình mẫu minh họa

Bài 16

THIẾT KẾ CÁC DẠNG TÚI QUẦN ÂU NỮ

16.1 MỤC TIÊU

16.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

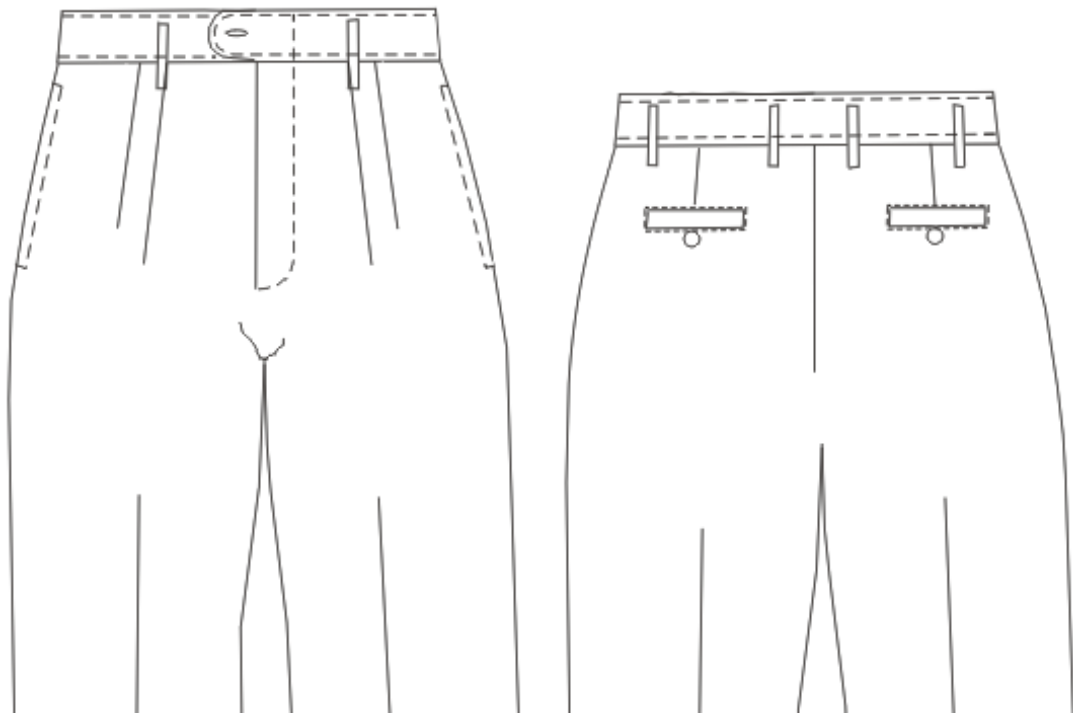
16.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

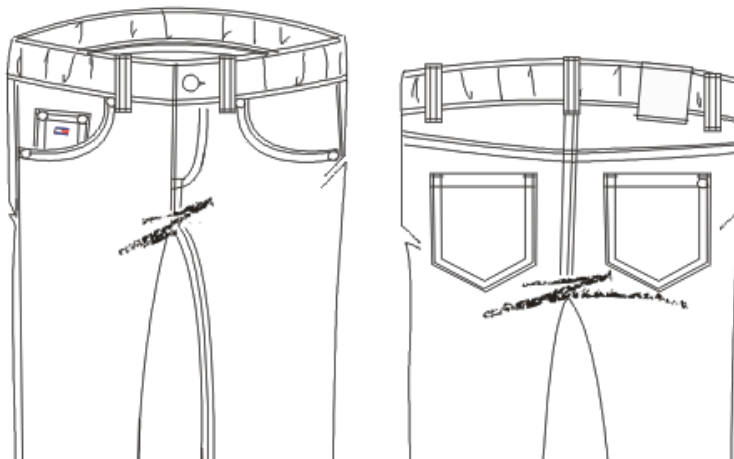
16.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

16.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG



Hình 16.2 Hình dáng sản phẩm

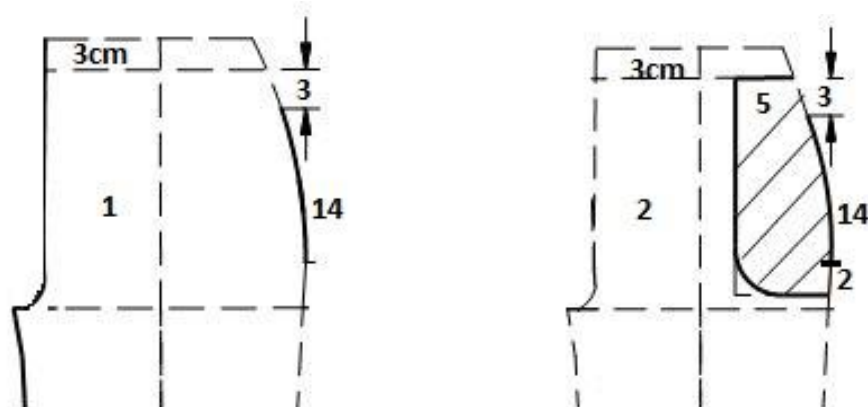


Hình 16.2 Hình dáng sản phẩm

16.3 TÚI THẲNG:

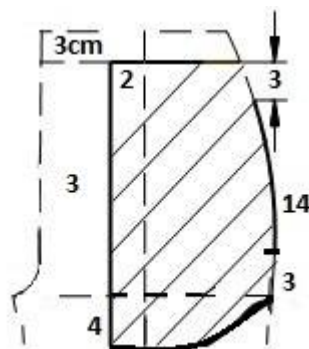
+ Vị trí túi :

+ Đắp túi :



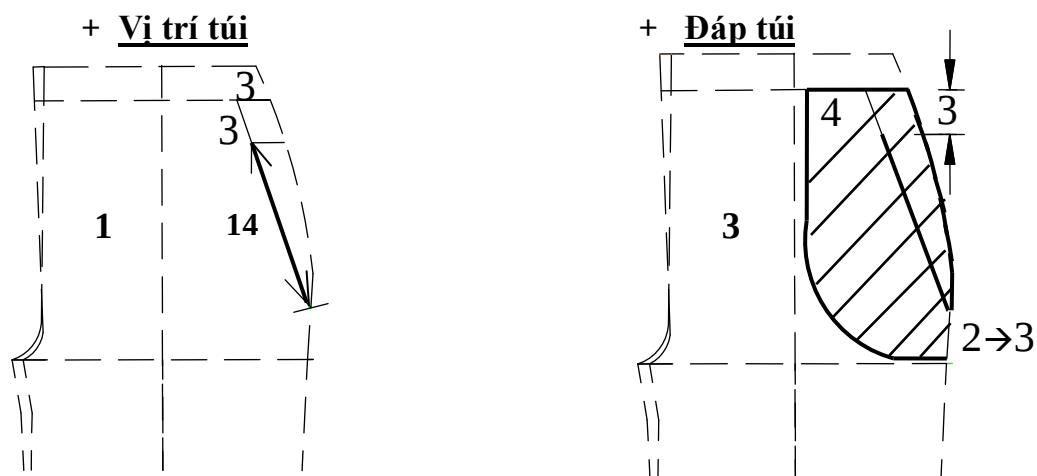
Hình 16.3 Vị trí túi, đắp túi

+ Lót túi :

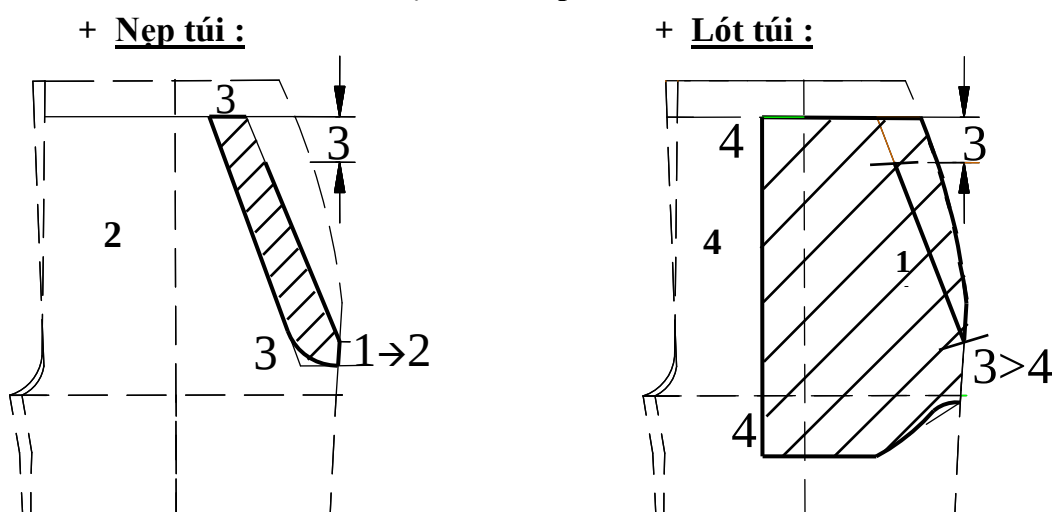


Hình 16.4 Lót túi

16.4 TÚI XÉO:

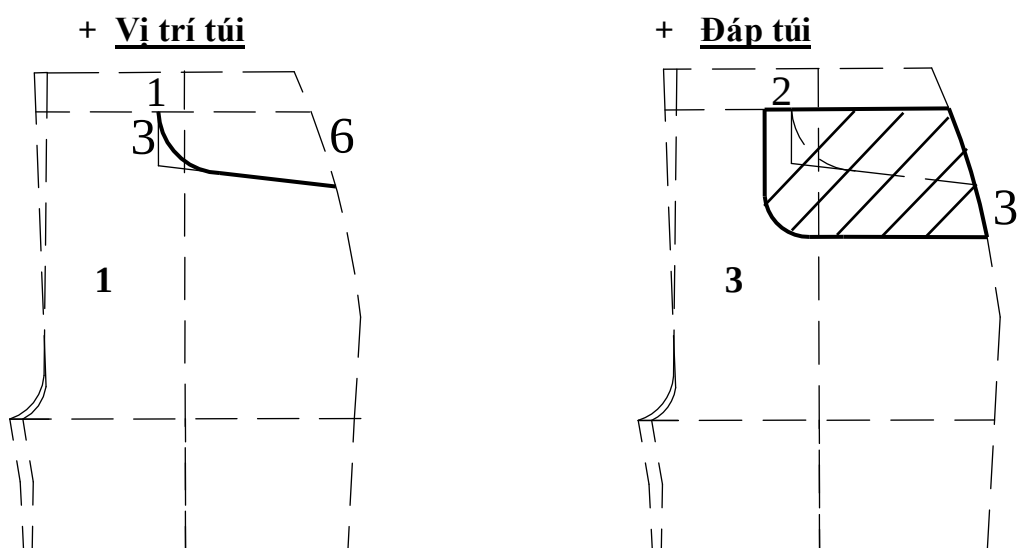


Hình 16.5 Vị trí túi, đắp túi



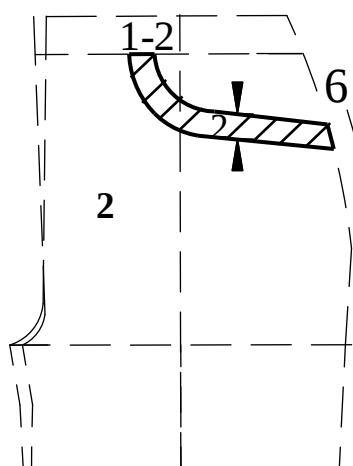
Hình 16.6 Nẹp túi, lót túi

16.5 TÚI HÀM ÉCH:

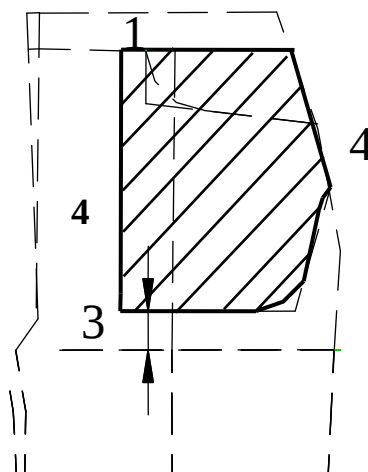


Hình 16.7 Vị trí túi, đắp túi

+ Nẹp túi :



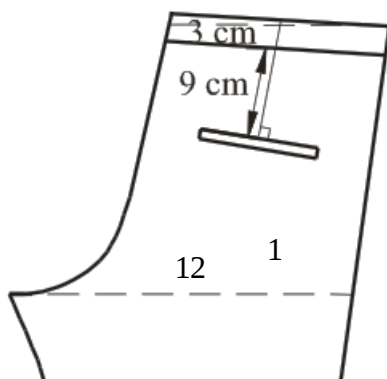
+ Lót túi :



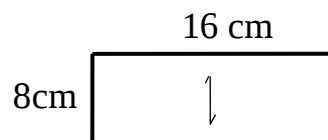
Hình 16.8 Nẹp túi, lót túi

16.6 TÚI SÀO.

+ Vị trí



+ Đáp túi



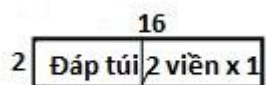
Hình 16.9 Vị trí túi, đáp túi

+ Túi mỗ:

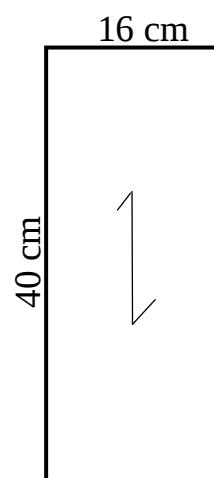
- Túi mỗ một viên



- Túi mỗ hai viên



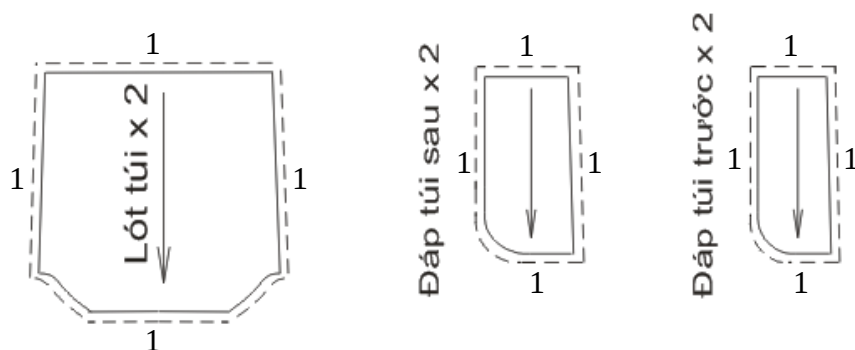
+ Lót túi:



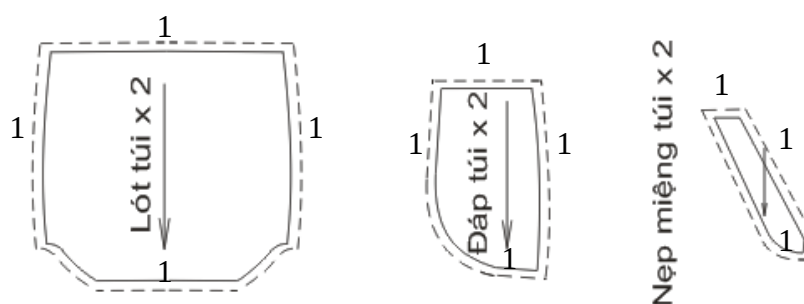
Hình 16.10 Túi mỗ, coi túi, lót túi

16.7 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

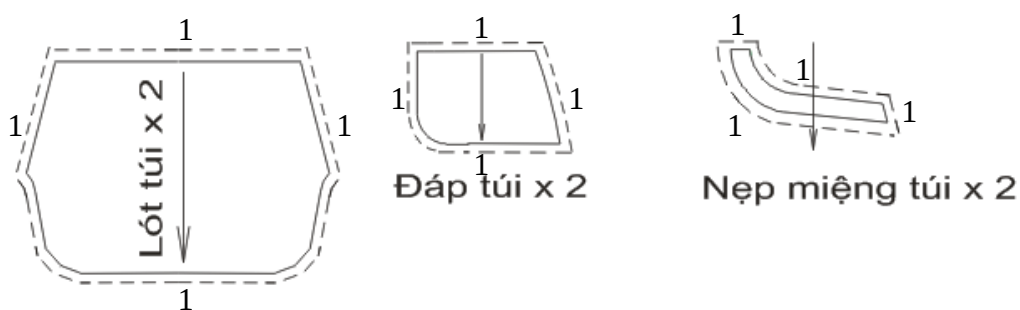
- Chừa đường may xung quanh đều 1cm.



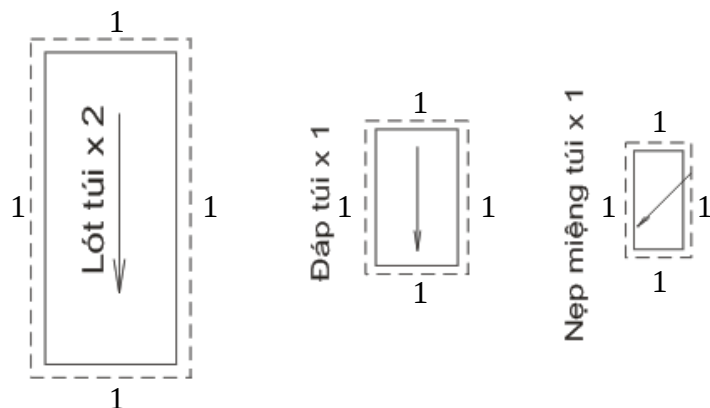
Hình 16.11 Qui cách chữa đường may túi thẳng



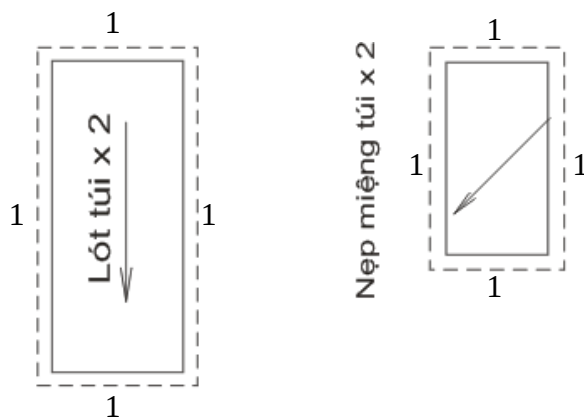
Hình 16.12 Qui cách chữa đường may túi xéo



Hình 16.13 Qui cách chữa đường may túi hàm ếch



Hình 16.14 Qui cách chừa đường may túi mỗ 1 viền



Hình 16.15 Qui cách chừa đường may túi mỗ 2 viền

Bài tập luyện tập:

1. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi thẳng, thân sau túi mỗ 2 viền.
2. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi xéo, thân sau túi mỗ 1 viền.
3. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi hàm ếch .

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần : 100 cm.
Hạ gối: 48 cm.
Vòng eo : 64 cm.
Vòng hông : 88 cm.

Vòng đùi : 48 cm.
Vòng gối : 40 cm.
Rộng ống : 18 cm.

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 17

THIẾT KẾ QUẦN JEAN NỮ



Hình 17.1 Hình mẫu minh họa

Bài 17

THIẾT KẾ QUẦN JEAN NỮ

17.1 MỤC TIÊU

17.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

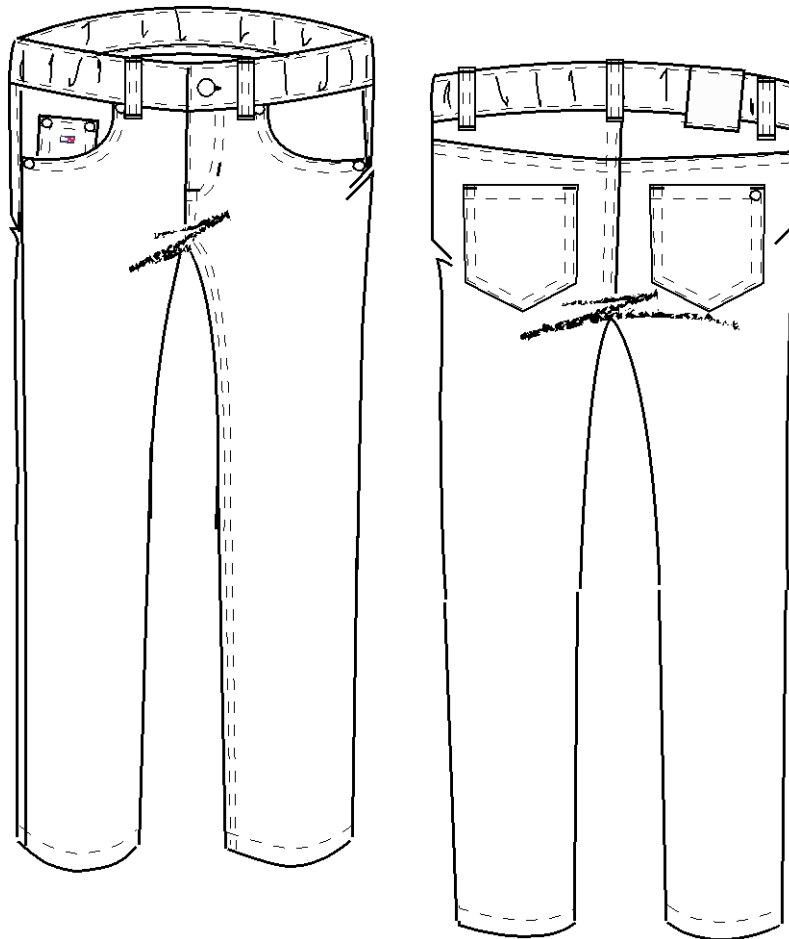
17.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

17.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

17.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG



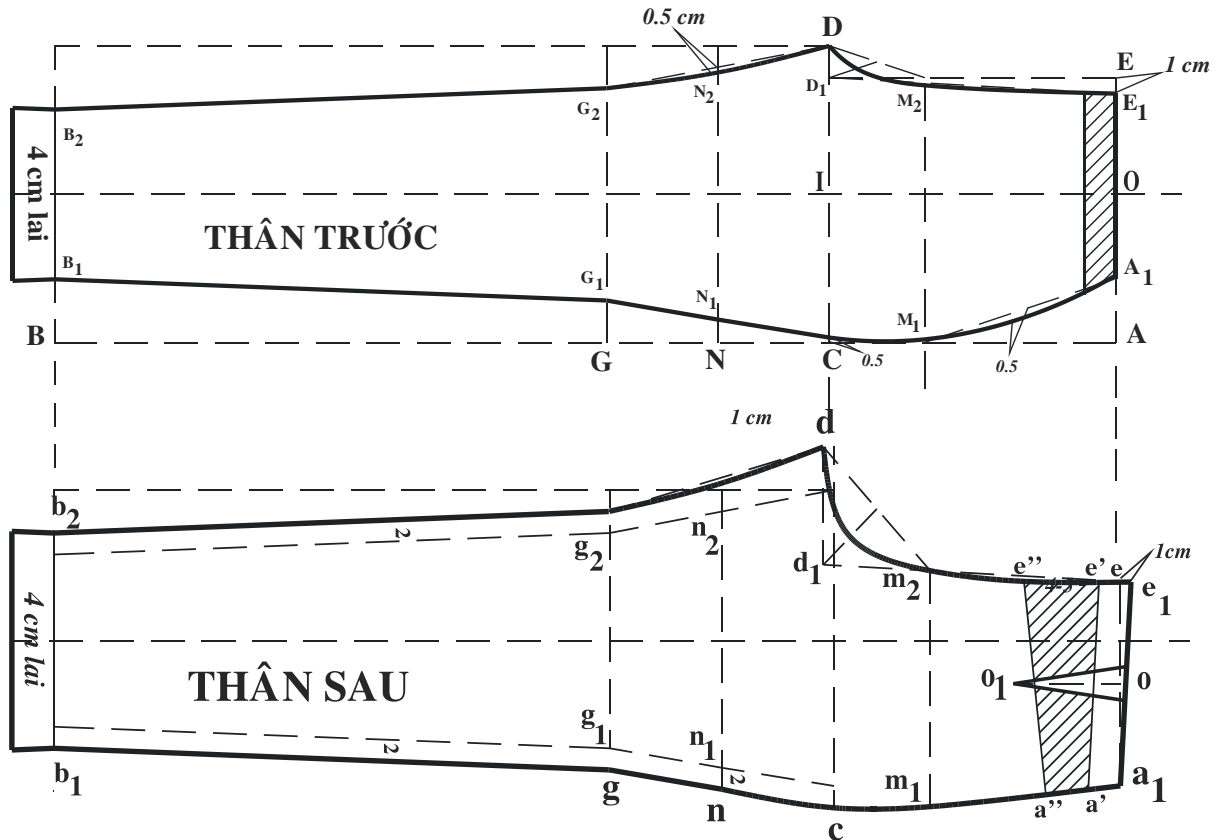
Hình 17.2 Hình dáng sản phẩm

17.3 CÁCH VẼ:

Giống quần áo nữ căn bản nhưng vẽ trên giấy, sau đó chỉnh sửa rồi decoup.

17.3.1 Decoup thân sau:

- $a'a'' = 4 \text{ cm}$.
- $e'e'' = 7 \text{ cm}$.



Hình 17.3 Thân trước, thân sau

17.3.2 Túi hàm ếch:

17.3.2.1 Vị trí miệng túi:

- ab : Miệng túi = 12 cm.
- $ac = 6 \text{ cm}$.
- $bd = 4 \text{ cm}$.
- đánh cong góc tại d.

17.3.2.2 Nẹp miệng túi:

Vẽ theo miệng túi = 2.5 cm.

17.3.2.3 Đắp túi :

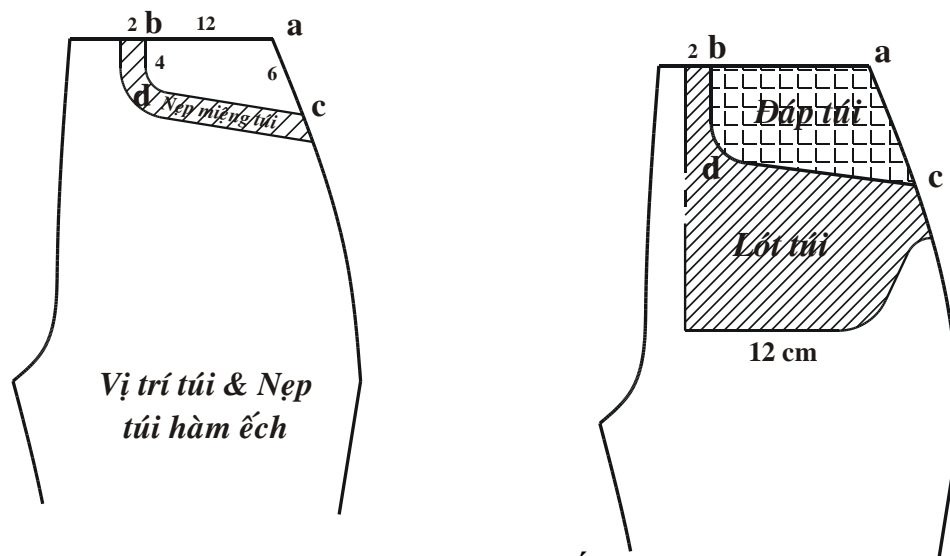
Vẽ theo thân quần.

- $ab = \text{miệng túi} + 2 \text{ cm}$.

- $ac = 9 \text{ cm.}$
- $bd = 7 \text{ cm.}$
- đánh cong góc tại d.

17.3.2.4 Lót túi:

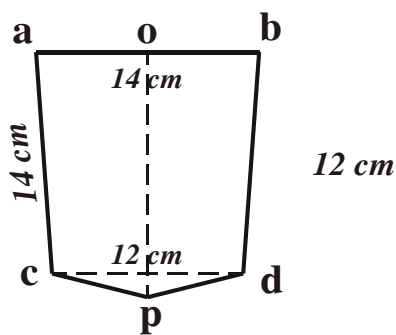
- Ngang 16 cm x Dài 18→20 cm.



Hình 17.4 Túi hàm ếch

17.3.3 Túi sau:

- AB : Miệng túi = 14 cm.
- $OA = OB.$
- $OP = 15.5 \text{ cm.}$
- $CD = 12 \text{ cm.}$

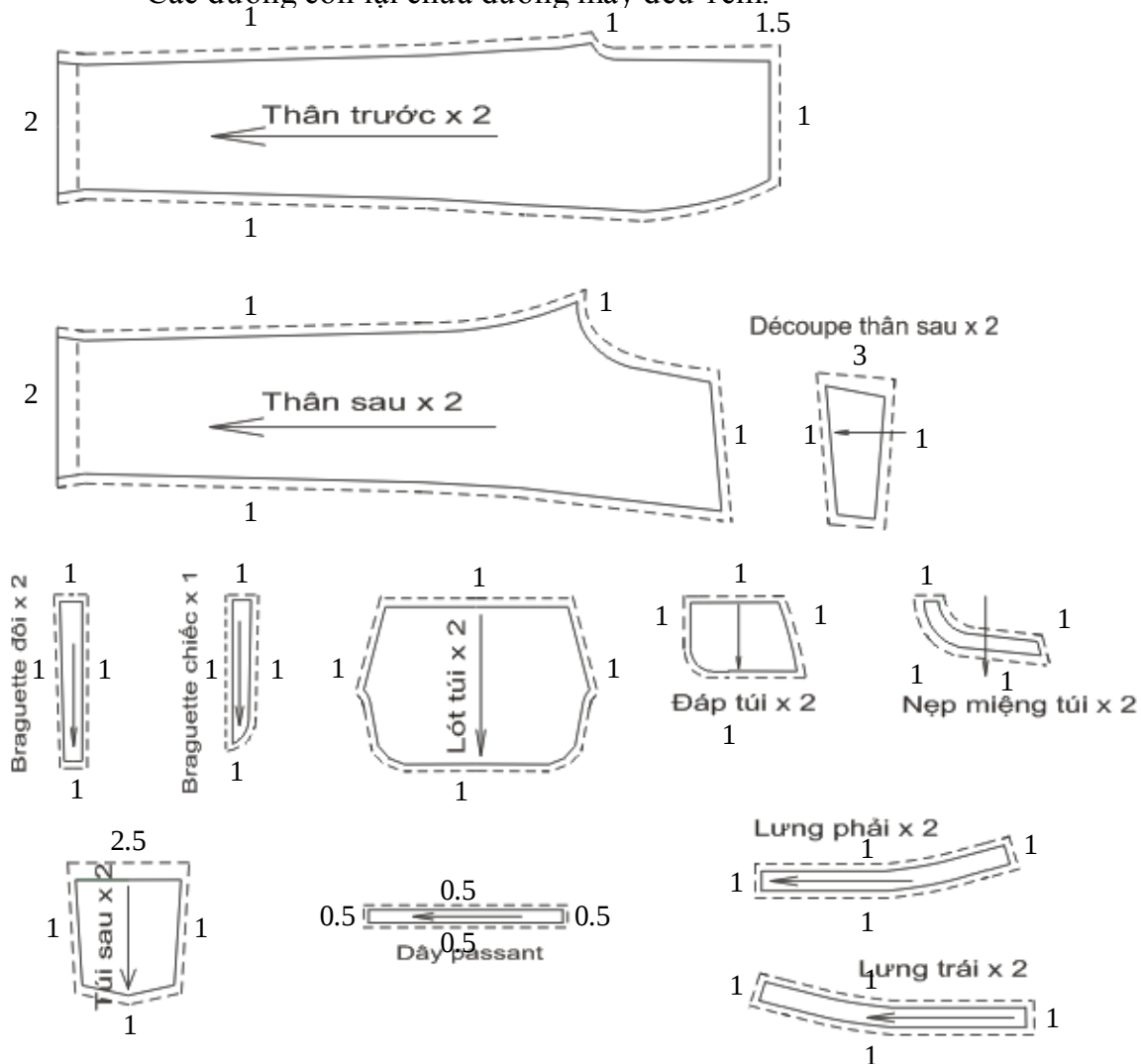


Hình 17.4 Túi sau

17.4 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Lai chữa đường may 2cm.
- Vòng đáy thân trước về phía lưng chữa đường may 1.5cm.

- Vòng đáy thân sau về phía lưng chừa đường may 3cm.
- Các đường còn lại chừa đường may đều 1cm.



Hình 17.5 Qui cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế quần jean nữ túi hàm ếch.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100	cm.	Vòng đùi	: 48	cm.
Hạ gối: 48	cm.		Vòng gối	: 40	cm.
Vòng eo	: 64	cm.	Rộng ống	: 18	cm.
Vòng mông	: 88	cm.			

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 18

THIẾT KẾ QUẦN ÂU NỮ XẾP PLIS



Hình 18.1 Hình mẫu minh họa

Bài 18

THIẾT KẾ QUẦN ÂU NỮ XẾP PLIS

18.1 MỤC TIÊU

18.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Trình bày được trình tự các bước thiết kế chi tiết sản phẩm.
- Trình bày được cách thức chừa đường may cho chi tiết sản phẩm.

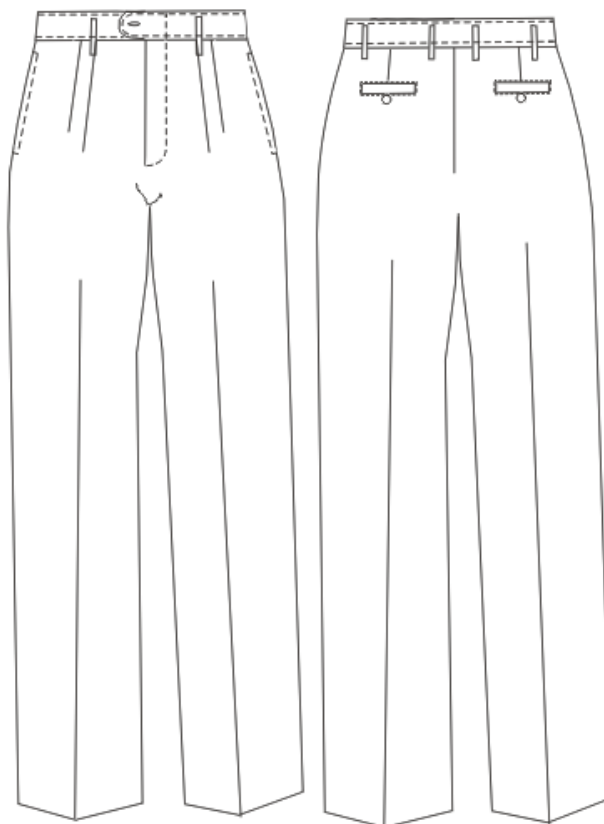
18.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

18.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

18.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 18.2 Hình dáng sản phẩm

18.3 CÁCH VẼ:

18.3.1 THÂN TRƯỚC:

Xếp 2 biên vải trùng nhau, biên ở tay phải người cắt, từ biên đo vào 1.5 cm chừa đường may và bắt đầu vẽ:

- AB : Dài quần = số đo.
- AC : Hạ đáy = $\frac{1}{4} M + 5 \text{ cm}$.
- CD : Ngang đáy = $\frac{1}{4} M + 5 \text{ cm}$.
- I là trung điểm CD.
- AO = CI.
- OI là đường chính trung của quần.
- DD₁ : Vào đáy = 3 cm.
- M₁M₂ : Ngang hông = $\frac{1}{4} \text{ Mông} + 0,5 \text{ cử động}$.
- EE₁ = 1 cm.
- A₁E₁ : Ngang lưng = $\frac{1}{4} Eo + 4 \text{ cm}$ (xếp plis).
- CN : Hạ đùi = 10 cm.
- N₁N₂ : Ngang đùi = Ngang đáy – 4 cm.
- AG : Hạ gối = Số đo hạ gối = $\frac{1}{2}$ Dài quần.
- G₁G₂ : Ngang gối = Ngang đùi – 4 cm.
- B₁B₂ : Ngang lai = Rộng ống – 2 cm.

• Vẽ đường sườn :

- Chia A₁D thành 3 đoạn → Nối A₁ và vẽ cong đoạn 1/3 phía trên và ra 0.5 cm.
- D₁D : Giảm sườn hông thân trước = 0.7 cm.
- Lai = 4 cm.
- Từ A đo xuống 2 cm chừa lưng (= to bản lưng).

• Vẽ plis thân trước :

- Plis thứ nhất : OO₁ = 3 cm.
- Plis thứ hai : O₂O₃ = 2 cm.

18.3.2 THÂN SAU:

Đặt thân trước lên phần vải còn lại và lấy dấu đường ngang lưng, ngang hông, ngang đáy, ngang lai và bắt đầu vẽ:

- ab : Dài quần = Thân trước.
- ac : Hạ đáy = Hạ đáy trước + 1 cm.
- cd : Ngang đáy sau = Ngang đáy trước + 7 cm.
- dd₁ : Vào đáy = $\frac{1}{10} \text{ Mông} + 1 \text{ cm}$.
- m₁m₂ : Ngang hông = $\frac{1}{4} \text{ Mông} + 0,5 \text{ cử động}$.
- ee₁ : Xuyên đáy = 4 cm.
- e₁e₂ : Dong lưng thân sau = 1 cm.

– e_1a_2 : Ngang eo = $\frac{1}{4} Eo + 3 \text{ cm}$.

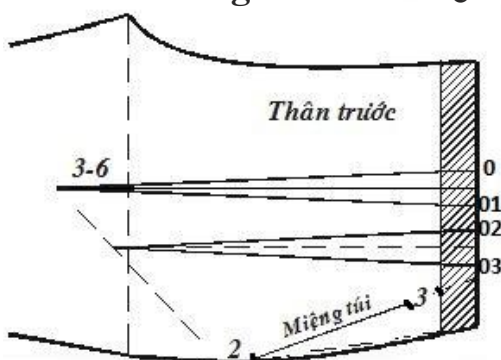
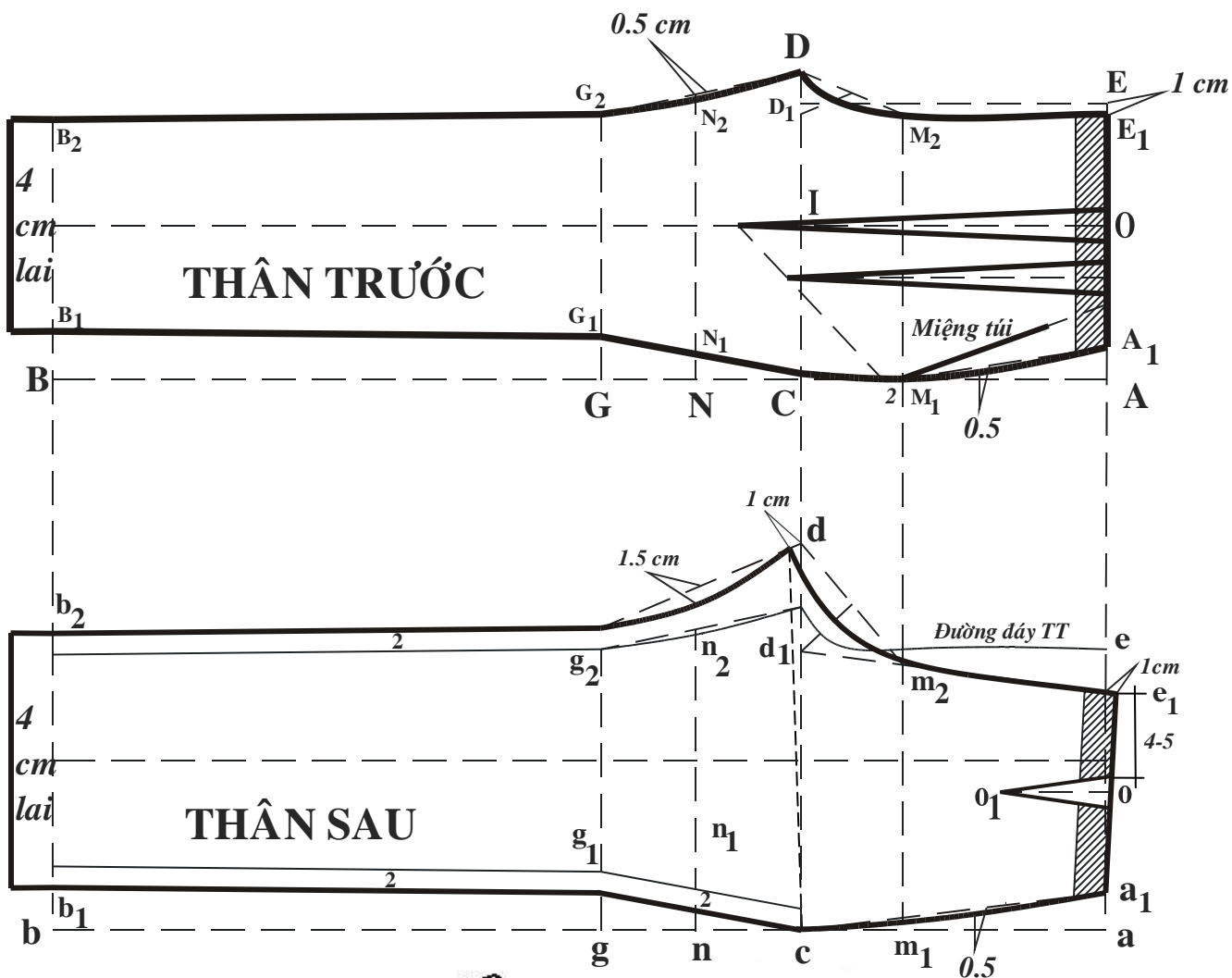
• *Vẽ plis :*

– OO_1 = 10 cm.

– O là điểm giữa, đo ra 1 → 1.5 cm và nối với O_1 .

– Lai = 4 cm.

– Từ A đo xuống 2 cm chừa lưng (=to bản lưng).



Hình 18.3 Thân trước, thân sau

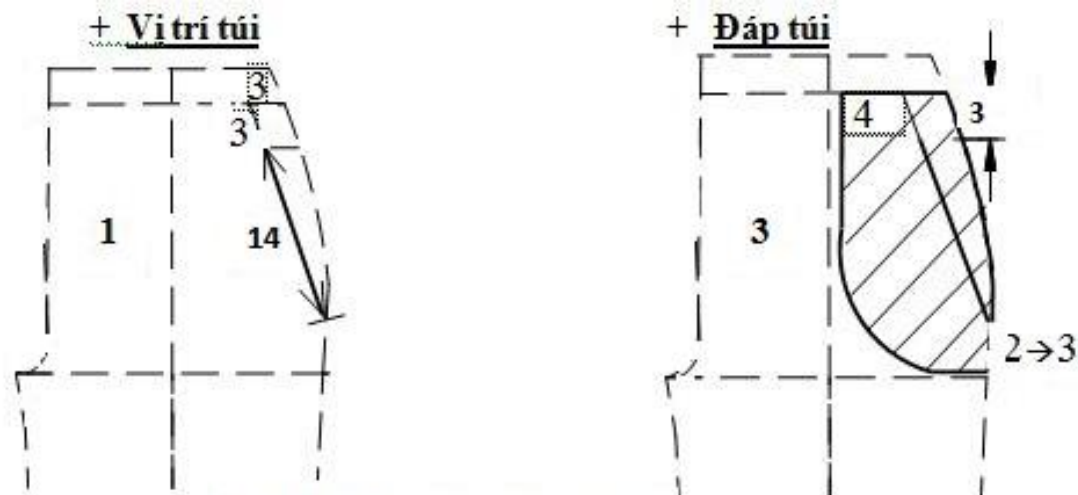
18.3.3 LƯNG:

Giống quần áo nữ căn bản.

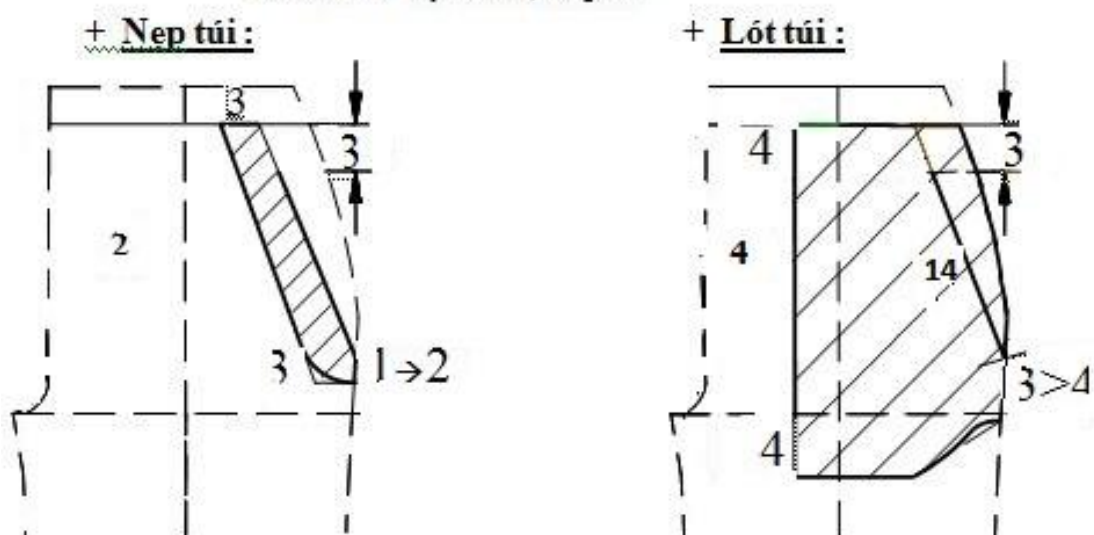
18.3.4 BRAGETTE:

Giống quần áo nữ căn bản.

18.3.5 TÚI XÉO:



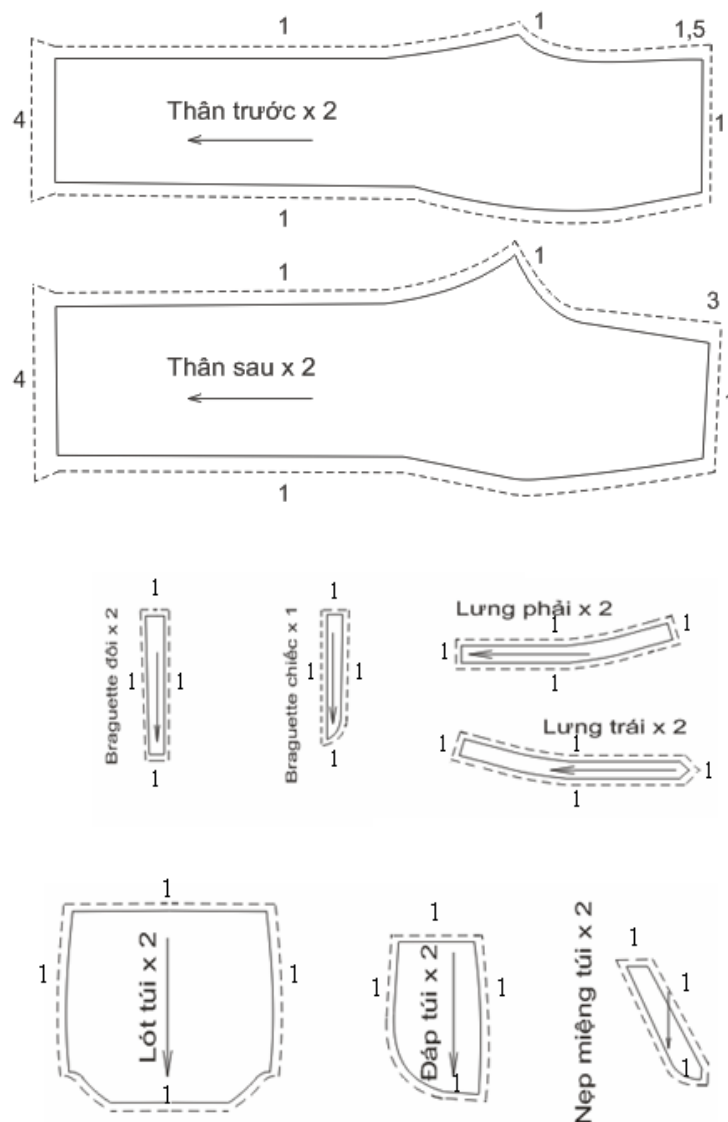
Hình 18.4 Vị trí túi, đắp túi



Hình 18.5: Nẹp túi, lót túi

QUY CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Lai chữa đường may 4cm.
- Vòng đáy thân trước về phía lưng chữa đường may 1.5cm.
- Vòng đáy thân sau về phía lưng chữa đường may 3cm.
- Các đường còn lại chữa đường may đều 1cm.



Hình 18.6 Quy cách chừa đường may

Bài tập luyện tập:

Thiết kế quần âu nữ xếp plis.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100 cm.	Vòng đùi	: 48 cm.
Hạ gối: 48	cm.	Vòng gối	: 40 cm.
Vòng eo	: 64 cm.	Rộng ống	: 18 cm.
Vòng mông	: 88 cm.		

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Bài 2:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince eo 3cm tỉ lệ 1:5 trên giấy A4 theo ni mẫu sau:

– Ngang vai	: 36 cm.	– Vòng cổ	: 36 cm.
– Dài áo	: 64 cm.	– Vòng nách	: 36 cm.
– Hạ eo	: 35 cm.	– Vòng ngực	: 84 cm.
– Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	– Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	– Vòng hông	: 90 cm.
– Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	– Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	– Dang ngực	: 17 cm.

2. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince eo 3cm tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng theo số đo của bản thân.

⇒ Chuẩn bị bài: tìm ra điểm khác nhau giữa thân trước của bài 1 so với thân trước bài 2 có gì khác nhau.

Bài 3:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có pince ngực, pince eo 3cm tỉ lệ 1:5 trên giấy A4 với ni mẫu như sau:

– Ngang vai	: 36 cm.	– Vòng cổ	: 36 cm.
– Dài áo	: 64 cm.	– Vòng nách	: 36 cm.
– Hạ eo	: 35 cm.	– Vòng ngực	: 84 cm.
– Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	– Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	– Vòng hông	: 90 cm.
– Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	– Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	– Dang ngực	: 17 cm.

⇒ Chuẩn bị bài: Thiết kế thân trước (3 cái) áo nữ căn bản có pince ngực, pince eo 3cm tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng + chuẩn bị băng keo.

Bài 4:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ có decoupe vai, decoupe nách thể hiện bằng giấy thủ công tỉ lệ 1:5 với ni mẫu như sau:

– Ngang vai	: 36 cm.	– Vòng cổ	: 36 cm.
– Dài áo	: 64 cm.	– Vòng nách	: 36 cm.

– Hạ eo	: 35 cm.	– Vòng ngực	: 84 cm.
– Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	– Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	– Vòng hông	: 90 cm.
– Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	– Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	– Dang ngực	: 17 cm.

⇒ Chuẩn bị bài: Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản với tỉ lệ 1:5 và tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Bài 5:

1. Thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản có cổ, đồ tự chọn theo số đo của bạn tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế thân trước – thân sau áo nữ căn bản (3 bộ) tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 6:

1. Thiết kế áo nữ có bâu theo số đo của bạn, tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế tay ngắn, tay dài tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 7:

1. Thiết kế tay áo phù hợp cho bài áo có cổ hay áo có bâu, tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Bài 8:

Thiết kế áo blouse nữ.

- Tỉ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm.	Vòng cổ	: 36 cm.
Dài áo	: 64 cm.	Vòng nách	: 36 cm.
Hạ eo	: 35 cm.	Vòng ngực	: 84 cm.
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm.	Vòng eo	: 64 cm.
	* Dài = 48 cm.	Vòng hông	: 90 cm.
Cửa tay	: * Ngắn = 26 cm.	Chéo ngực	: 17 cm.
	* Dài = 20 cm.	Dang ngực	: 17 cm.

- Tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 9:

1. Có bao nhiêu dạng block áo nữ?

2. Tương ứng với từng dạng, hãy trình bày phương pháp thiết kế.

Bài 10:

1. Thiết kế váy căn bản lưng liền, tỉ lệ 1:1 theo số đo của em trên giấy rập cứng.
- ⇒ Chuẩn bị bài: thiết kế thân trước váy căn bản, tỉ lệ 1:5 trên giấy rập cứng.

Bài 11:

1. Thiết kế các kiểu váy, tỉ lệ 1:1 mà em thích trên giấy rập cứng.
- ⇒ Chuẩn bị bài: xem lại bài áo nữ căn bản.

Bài 12:

1. Thiết kế áo đầm bé gái thân liền?
 2. Thiết kế áo đầm bé gái có đường ráp ngang ngực, không tay?
 3. Thiết kế áo đầm bé gái có đường ráp ngang eo, không tay?
- Tỉ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau :

- Ngang vai	: 24 cm	- Vòng cổ	: 24 cm
- Dài áo	: 42 cm	- Vòng nách	: 25 cm
- Hạ eo	: 22 cm	- Vòng ngực	: 54 cm
- Dài tay	: 14 cm	- Vòng eo	: 52 cm
- Rộng tay	: 20 cm	- Vòng hông	: 56 cm

- Tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 13:

1. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản ?
2. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản có đường ráp ngang ngực ?
3. Hãy thiết kế áo đầm nữ căn bản đường ráp ngang eo?

- Tỉ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm	Vòng cổ	: 32 cm
Dài áo	: 64 cm	Vòng nách	: 36 cm
Hạ eo	: 38 cm	Vòng ngực	: 84 cm
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm	Vòng eo	: 64 cm
	* Dài = 48 cm	Vòng hông	: 88 cm
Bắp tay	: 26 cm (tay ngắn)	Chéo ngực	: 19 cm
Năm tay	: 24 cm (tay dài)	Dang ngực	: 18 cm

- Tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 14:

Thiết kế áo đầm tám mảnh.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Ngang vai	: 36 cm	Vòng cổ	: 32 cm
Dài áo	: 64 cm	Vòng nách	: 36 cm
Hạ eo	: 38 cm	Vòng ngực	: 84 cm
Dài tay	: * Ngắn = 24 cm	Vòng eo	: 64 cm
	* Dài = 48 cm	Vòng hông	: 88 cm
Bắt tay	: 26 cm (tay ngắn)	Chéo ngực	: 19 cm
Nắm tay	: 24 cm (tay dài)	Dang ngực	: 18 cm

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 15:

Thiết kế quần âu nữ căn bản.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100 cm.	Vòng đùi	: 48 cm.
Hạ gối: 48	cm.	Vòng gối	: 40 cm.
Vòng eo	: 64 cm.	Rộng ống	: 18 cm.
Vòng hông	: 88 cm.		

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 16:

1. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi thẳng, thân sau túi mỗ 2 viền.
2. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi xéo, thân sau túi mỗ 1 viền.
3. Thiết kế thân trước quần tây nữ túi hàm ếch .

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100 cm.	Vòng đùi	: 48 cm.
Hạ gối: 48	cm.	Vòng gối	: 40 cm.
Vòng eo	: 64 cm.	Rộng ống	: 18 cm.
Vòng hông	: 88 cm.		

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 17:

Thiết kế quần jean nữ túi hàm ếch.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100	cm.	Vòng đùi	: 48	cm.
Hạ gối: 48	cm.		Vòng gối	: 40	cm.
Vòng eo	: 64	cm.	Rộng ống	: 18	cm.
Vòng hông	: 88	cm.			

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

Bài 18:

Thiết kế quần âu nữ xếp plis.

- Tỷ lệ 1:5 trên giấy A4.

Với ni mẫu như sau:

Dài quần	: 100	cm.	Vòng đùi	: 48	cm.
Hạ gối: 48	cm.		Vòng gối	: 40	cm.
Vòng eo	: 64	cm.	Rộng ống	: 18	cm.
Vòng hông	: 88	cm.			

- Tỷ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu tự chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Th.s Nguyễn Phi Phụng. *Giáo trình môn học thiết kế trang phục 1*. 2005.
2. Tổng cục dạy nghề. *Bộ hình vẽ minh họa chương trình đào tạo*. 2001.
3. Trường Đại học Công nghiệp Tp.Hồ Chí Minh. *Giáo trình môn học thiết kế trang phục 1*. Nhà xuất bản Thống kê, 2006.